

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

**Chọn pháp
môn tu**

Tr. 22

Như như bất động

Tr. 14

Phượng nhớ

Tr. 58





長柯沉香



Tràm
Hương
Trường
Kha



*Thương hiệu tràm hương Việt
mỹ tinh chất lượng hàng đầu Việt Nam*

MỸ NGHỆ TRÀM HƯƠNG TRƯỜNG KHA

ĐC: 168-172 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP HCM - ĐT: 08.62997565 - 08.62933701 - 08.62933702



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẮN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIẾN

Trì sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Thư từ Tokyo... (Nguyễn Cảnh)	4
Nhìn lại Phật giáo Việt Nam từ phong trào đấu tranh bất bạo động của Phật giáo miền Nam (Thích Thiện Nhơn)	8
Thường Bất Khinh (Quảng Tâm)	11
Như như bất động (Nguyễn Thế Đăng)	14
Hương sen (Đỗ Hồng Ngọc)	16
Đại sư Tinh Vân và tổ chức Phật Quang Sơn Quốc tế (Thích Nguyên Tạng)	18
Chọn pháp môn tu (Đức Hạnh)	22
Tu viện Yi-Gah Cho-Ling (Anagarika Govinda; Hồ Đắc Túc dịch)	26
Sự hình thành và truyền bá kinh Pháp Hoa đến Nhật Bản (Nikkỳō Niwano; Trần Tuấn Mẫn dịch)	28
Mùa trăng miền Tây sông Hậu (Trần Bảo Định)	31
Chạy lại và chạy đi (Hồ Anh Thái)	34
Âm nhạc trong tín ngưỡng cổ xưa (Lê Hải Đăng)	36
Chúa Nguyễn Phúc Chu và việc đặt tên dòng họ Mạc Cửu (Tôn Thất Thọ)	38
Tháp Chăm trong ca dao Bình Định (Phạm Tuấn Vũ)	40
Rùa thiêng huyền diệu (Nguyễn Hiếu Tín)	42
Bức thư của người mẹ trẻ (Trương Văn Dân)	46
Mưa hoa (Nguyễn Thánh Ngã)	48
Nương nhờ dưới những tàng cây (Hoàng Văn Hào)	50
Tuổi thơ của con (Nguyễn Đình Thu)	51
Thơ (Trần Quê Hương, Thanh Trí, Nguyễn Từ, TK.Vy Tiểu, Kim Hoa, Miền Đức Thắng, Trường Khánh)	52
Ở chính quê hương tôi (Rajith Savanadasa; Trần Khiết Bách dịch)	54
Lời giới thiệu (Hồ Anh Thái)	56
Phượng nhớ (Thanh Ngân)	58

Bìa 1: Hoa phượng. Ảnh: Nguyễn Đình Niêm

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tin vui đến với Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo và chúng tôi muốn chia sẻ cùng quý độc giả niềm vui này: Sau khi thông qua các thủ tục quy định, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã chính thức đề cử Hòa thượng Thích Trung Hậu - Trưởng ban Văn hóa Trung ương, nguyên Phó Tổng Biên tập Tạp chí VHPG - đảm nhận chức vụ Tổng Biên tập Tạp chí, theo Quyết định số 221/2017/QĐ.HĐTS do Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Chủ tịch HĐTS GHPGVN ký ngày 28 tháng 4 năm 2017.

Thêm một niềm vui nhỏ khác của chúng tôi cũng xin được chia sẻ cùng quý độc giả. Đó là bức điện thư của Cư sĩ Nguyễn Thọ Trần Kiên Đoàn từ Hoa Kỳ gửi đến khen ngợi Tạp chí VHPG. Bức thư thật dài với lời lẽ chân tình, thân thiết, trong đó có đoạn: "... Suốt một thời gian dài, tờ báo Văn Hóa Phật Giáo đã tiến bước nhịp nhàng, đồng hành với Phật tử và đạo pháp trên con đường tu học và hoằng dương đạo Phật. Đường hướng xây dựng văn hóa Phật giáo của tạp chí này khế hợp với tinh thần từ bi, trí tuệ của đạo Phật, đáp ứng được nhu cầu tu học và tham khảo nghiên cứu Phật giáo cho đủ mọi tầng lớp của quần chúng tiếp cận với đạo Phật Việt Nam. Có thể nói rằng tạp chí VHPG – qua mười ba năm với 272 số báo đã phát hành - đã xác định được thể đứng của một cơ quan truyền thông văn hóa Phật giáo đáng được tán thán trong môi trường truyền thông đại chúng nói chung và trong quá trình hoằng dương pháp Phật nói riêng...". *Thỉnh thoảng, chúng tôi vẫn nhận được những lời khích lệ tương tự như trên. Xin chân thành cảm ơn sự cố vũ của quý vị và xin hứa sẽ hết sức cố gắng để tạp chí luôn xứng đáng với niềm tin của quý độc giả.*

Nhân đây, chúng tôi xin giới thiệu cùng quý độc giả, tập sách Văn đáp Phật giáo của tác giả Trần Tuấn Mẫn vừa được tái bản, có bổ sung 13 bài viết để trả lời 13 câu hỏi mới. Kính mong quý độc giả đón nhận.

Sau cùng, thành tâm kính chúc quý độc giả, quý cộng tác viên, ân nhân và thân hữu luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





**Tâm được tu tập, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.
(Tăng Chi Bộ kinh, Chương 1, Một pháp)**

Thư từ Tokyo...

NGUYỄN CÂN

Tokyo, ngày... tháng 4, 2017
Thủy Lan thân mến,

Biết thầy đang ở Tokyo, em hỏi qua facebook, rằng thầy nghĩ gì về nước Nhật và người Nhật. Thật khó mà trả lời trong một cánh thư, nhất là khi mình chỉ cảm nhận qua một lần lưu trú ngắn hạn, khó nói rằng đã thực sự hiểu họ thấu đáo. Tuy nhiên, ít nhiều vẫn có thể kể ra những ấn tượng ban đầu khó phai. Sáng nay trên đường về Tokyo từ Tochigi, một vùng quê thanh bình, thầy may mắn được ngắm rất nhiều hoa đào nở muộn cuối tháng Tư vì khí hậu vùng cao khá lạnh.

Đọc đường lên núi Phú Sĩ, hoa đào vẫn còn khoe sắc, trắng xen với hồng, chợt nhớ bài thơ “*Hoa anh đào muôn thuở*” của Basho:

Nhiều
Chuyện nhớ lại
Hoa anh đào!

mà Vĩnh Sính dịch thoát là:

Khơi bao niềm nhớ vô vàn,
Cánh hoa đào ấy chẳng tàn trong tôi!

Hoa anh đào nào cũng chóng tàn. Người ta giải thích rằng ngày xưa, người võ sĩ (samurai) đã chọn hai thứ là thanh kiếm và hoa anh đào làm biểu tượng, bởi lẽ người võ sĩ nguyện sẵn sàng hiến thân cho chủ tướng giống như hoa anh đào sẵn sàng rơi rụng trước cơn gió nhẹ. Nói theo ngôn ngữ nhà Phật, hoa anh đào là biểu tượng của sự vô thường và vô ngã trong cuộc đời.

Qua những cánh đồng, rất ít thấy người trong nông trại, vì họ làm nông nghiệp bằng cơ giới, không phải dãi nắng dầm mưa như xứ mình, nên không thấy trâu bò đâu cả. Nên biết nông nghiệp Nhật Bản chỉ chiếm khoảng 10% diện tích đất đai và nước Nhật rất nghèo tài nguyên thiên nhiên. Ghé một vườn dâu, khách mua vé vào tham quan và được ăn miễn phí những trái dâu “sạch” không bị phun thuốc, to, mọng và rất ngon. Thiên nhiên ở đây được bảo tồn chu đáo, cây cỏ bạt ngàn. Người ta gìn giữ từng cái cây, con suối, sông hồ... Trên những hồ tự nhiên, tàu du lịch đều phải chạy bằng điện, không gây ô nhiễm. Rừng thì không ai dám chặt dù một cái cây. Chợt nhớ đầu đó trên đất Phú Yên

quê nhà mình gần đây, người ta đốn cả rừng dương để xây khu du lịch New City và những công trình cho kỳ thi hoa hậu! Rồi còn bao nhiêu rừng phòng hộ ở Đắc Lắc, ở Quảng Nam... phải hy sinh cho thủy điện, đã gây bao tai họa! Chúng ta đã quá hờ hững đến tàn nhẫn với thiên nhiên để rồi sẽ không biết trả lời thế nào với thế hệ mai sau.

Một cái nhìn biện chứng về một nền văn minh phải bao gồm ba tầng lý luận hỗ tương và nhất quán: Nếu ở tầng tự nhiên, chúng ta không “duy nhiên”, thì tầng con người chúng ta có “duy nhân” được không? Còn tầng xã hội thì chúng ta vì ai? Người Nhật Bản luôn gìn giữ yêu quý thiên nhiên, những mảng xanh trong thành phố rất nhiều. Còn về nhân cách, chúng ta có thể phác họa họ trong hai tính cách chính: tinh thần võ sĩ và tính siêng năng. Về mặt tư tưởng, họ chịu ảnh hưởng của “thần đạo”, nhưng cách ứng xử và phong thái của họ bàng bạc chất “thiền”: chăm chú vào công việc, tất bật nhưng luôn nhẫn nại. Nếu lỡ làm gì sai hay cần phải hỏi thì luôn luôn “xin lỗi” trước. Họ xếp hàng bất kỳ ở đâu hay làm việc gì. Mua vé xe, chờ lấy thức ăn ở quầy buffet, chờ thanh toán trong cửa hàng, nhất nhất đều ngay hàng thẳng lối, không ồn ào, xô lấn. Ngay trong những lễ hội, như có hôm thầy xem Lễ hội Hóa trang Geisha, họ cũng đứng thẳng hàng chờ đợi, không ngó nghiêng lao xao như đoàn du khách Việt nhà mình, lăng xăng quay phim chụp ảnh. Người Nhật cũng chụp ảnh, nhưng chỉ khi nào đám rước đến gần họ thôi. Trong chuyến đi này, thầy cũng đã nhìn thấy những người dân Nhật Bản dù ở cương vị nào cũng luôn cẩn cù trong vòng xoay chóng mặt của công việc, không oán thán, không bực bội, làm việc một cách nhẹ nhàng, ẩn nhẫn và đầy trách nhiệm.

Ở đây, em ạ, thầy bắt gặp một xã hội làm việc. Ngay tại sân bay hay trong siêu thị, em có thể thấy nhiều người lớn tuổi làm nhiệm vụ đẩy xe lăn hay phụ một số việc vặt. Họ cẩn mẫn, không hề khó chịu vì phải nai lưng ra đẩy xe cho những người trẻ hơn, thậm chí mập mạp hơn mình. Họ thích công việc không? Chế độ hưu trí của Nhật bảo đảm cho họ dù không quá sung túc cũng đủ sống chứ! Nhưng họ nói họ làm việc để thấy mình còn tồn tại, còn đóng góp cho xã hội! Nhiều người trong đoàn du khách nói sao họ sống “cực” thế:

chen chúc nhau lên xe điện, đồng nghệt giờ tan tầm... Nhưng họ có cảm thấy khổ sở không? Thấy thấy gương mặt họ khá bình thản, ấn nhẫn, như đây là chuyện tất yếu, không có gì đáng phàn nàn. Nhớ có lần sang Mỹ, quá cảnh Tokyo, phải đi xe lăn vì lý do bị bệnh tim, được một cô tiếp viên xinh xắn đẩy xe, khi thấy đưa tiền "tip" cô ấy từ chối, rằng "Japan airlines never takes it". Thế đấy, họ có sự tự trọng khá cao. Ấy chính là phẩm giá của một dân tộc hùng mạnh, chỉ chưa đầy 30 năm sau chiến tranh đã lại là một cường quốc! Vì sao họ đạt được điều mà các dân tộc khác không làm được? Vì chính quyền có đường lối sáng suốt? Hay vì một nền giáo dục triết để, toàn diện và hướng thượng, biết đề cao những giá trị nhân văn? Để có những con người, từ trẻ đến già, tuân thủ luật pháp, ứng xử nhu hòa, tôn trọng trên dưới như thế mất bao lâu? Chắc là nhiều thế hệ!

Thầy còn nhớ trong bài viết "Cú sốc thời gian và kinh tế Việt Nam", Giáo sư Trần Văn Thọ có nhắc đến câu "Thời gian không chờ đợi chúng ta", xuất xứ từ câu "Tuế nguyệt bất đãi nhân" trong một bài thơ của Đào Uyên Minh, tức Đào Tiềm. Chúng ta thường khuyên giới trẻ là thời gian rất quý, đã đi qua thì không bao giờ trở lại nên phải nỗ lực tận dụng thời gian để học tập, làm việc, để không bỏ lỡ cơ hội và đạt mục đích như mong muốn. Đặc biệt nhìn vào lịch sử phát triển kinh tế thì thấy yếu tố thời gian biểu hiện rất rõ. Vào năm 1952, Nhật là nước có thu nhập trung bình thấp, nhưng chỉ 15 năm sau tiến lên nước thu nhập trung bình cao và thêm 13 năm nữa trở thành cường quốc kinh tế. Làm được điều ấy, chúng ta phải nhớ trước Đệ nhị Thế chiến, Nhật đã hùng mạnh nhờ cải cách thể chế và cải tổ nguồn nhân lực từ thời Minh Trị nên khi có điều kiện thì phát huy rất nhanh.

Chúng ta cũng nhớ đến người chủ xướng cho "Thoát Á luận", Fukuzawa Yukichi (Phúc Trạch Dụ Cát) khi ông nhận thức được các nước trong khu vực châu Á, lớn như Trung Hoa, gần như Đại Hàn, mới chỉ ở mức "bán văn minh", không thể là tấm gương cho Nhật Bản học hỏi. Ông kêu gọi nước Nhật hãy thoát ra khỏi "lũy tre làng châu Á" để đuổi kịp và đứng vào hàng ngũ các nước văn minh phương Tây. Ông chủ trương mở cửa giao thương với phương Tây, học hỏi kiến thức và kinh nghiệm quản lý xã hội của phương Tây để phát triển Nhật Bản. Quan điểm này của Fukuzawa đã được chứng minh bằng thực tế: Ở châu Á, chỉ có Nhật Bản và Thái Lan, hai nước chủ trương mở cửa, là tránh được sự xâm lược và thôn tính của các nước phương Tây. Nhưng Thái Lan lại "tiếp thu" nền khoa học phương Tây chậm hơn Nhật. Trong khi chính sự du nhập những giá trị dân chủ và nền giáo dục khoa học phương Tây đã khiến Nhật Bản không bị phương Tây xâm lược, mà ngược lại, trở thành cường quốc từ cuối thế kỷ XIX.

Fukuzawa tin rằng giáo dục là cách duy nhất để đạt tới văn minh, bởi bản chất của văn minh là sự phát



triển kiến thức và đạo đức nội tại của dân tộc. Sau Thế chiến thứ hai, nước Nhật lại tan hoang đổ nát, nhưng các nhà lãnh đạo mới của Nhật một lần nữa lại chứng tỏ họ có đủ năng lực và khát vọng phát huy các nguồn lực, nhất là nhân lực trong giai đoạn mới. Theo Giáo sư Trần Văn Thọ "... không thiếu trường hợp nhiều nước đã phát triển đến giai đoạn thu nhập trung bình nhưng sau đó trì trệ lâu dài (và do đó đã xuất hiện khái niệm "bẫy thu nhập trung bình"), mà chúng ta đang có nguy cơ rơi vào! Khi chấm dứt cơ cấu dân số vàng, thu nhập đầu người của Nhật Bản (năm 1992) là 30.000 đô-la Mỹ (tính theo giá năm 2005), của Hàn Quốc (năm 2010) là 20.000 đô-la Mỹ" (bài đã dẫn).

Đến đây, chắc em tò mò muốn biết số phận Việt Nam vào năm 2025 khi chấm dứt thời kỳ "dân số vàng" ra sao chứ gì? Các nhà kinh tế như Giáo sư Thọ cũng đã tính giùm rồi: "Còn thu nhập đầu người của Việt Nam vào năm 2025 là bao nhiêu? GDP đầu người hiện nay của Việt Nam độ 2.000 đô-la Mỹ, nếu tính theo giá năm 2005 thì khoảng 1.000 đô-la Mỹ. Nếu từ nay đến năm 2025 dù mỗi năm kinh tế phát triển 8% thì năm 2025 thu nhập đầu người (theo giá năm 2005) chỉ độ 2.000 hoặc 3.000 đô-la Mỹ (tùy theo tỷ giá), chỉ bằng 1/10 của Hàn Quốc hay Nhật Bản ở thời điểm tương ứng!" (bđd).

Có thiếu lạc quan không? Thầy tin rằng nếu chúng ta cố gắng, nhất là thay đổi mạnh mẽ về kinh tế và thể chế quản lý sẽ tạo đột biến, không nhanh như Nhật thì cũng cố gắng cỡ Thái Lan... Nếu không, chúng ta lại tiếc vì sẽ lỡ thêm một cơ hội như đã từng bỏ lỡ dưới thời vua Tự Đức. Lúc ấy, 1868, khi Minh Trị đổi mới với việc tiến hành thử nghiệm nền chính trị thực dụng để tái định nghĩa thể chế hoàng đế thì Việt Nam còn say sưa ngâm vịnh thi ca, loay hoay với nghi lễ triều chính, bần bệ đàn áp các cuộc khởi nghĩa nông dân, lúng



túng trước hiểm họa xâm lăng của thực dân Pháp. Lúc đó, dù cũng đứng trước sự đe dọa của phương Tây, Nhật Bản mở cửa toàn diện và việc cách tân toàn bộ đất nước đã giúp họ chống lại các thế lực bên ngoài: lần lượt, Trung Quốc rồi Nga thời Sa hoàng đều bị thảm bại trong các cuộc hải chiến với họ. Sau đó, chúng ta còn nhớ các mốc thời gian 1976, 1997, 2005 và...

Một điều dễ nhận thấy ở đây là những công trình công cộng ở Nhật hết sức bền vững: những con đường cao tốc êm ái, không dần xóc. Theo lời người hướng dẫn, họ cũng làm theo phương thức BOT, trả bằng thu phí trong 20 năm (việc thu phí được tiến hành hoàn toàn tự động) nhưng bảo hành đến 30 năm. Nghĩa là xảy ra bất cứ sự cố gì, chủ đầu tư phải có trách nhiệm sửa chữa; nếu gây tai nạn, có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nên họ làm rất nghiêm túc. Ngoài ra còn phải xây dựng tường vách cách âm với khu dân cư, vì nếu gây tiếng ồn, cũng sẽ bị kiện. Mọi việc làm ở đây đều nhằm phục vụ quyền lợi dân chúng, không chỉ phục vụ số đông mà còn quan tâm đến cả những người thuộc nhóm thiểu lợi thế. Các phòng vệ sinh công cộng đều có tiện nghi dành cho người tàn tật và trẻ em.

Chính quyền hết sức tôn trọng quyền tư hữu đất đai của người dân, nên ngoài phi trường lớn nhất Narita và một số phi trường khác, những phi trường sau này xây trên đất lấn ra biển hay ngoài khơi cả, không phải lấy đất của dân. Về mặt tiện ích công cộng thì điện hầu

như không bao giờ cúp trừ khi thiên tai xảy ra thôi, còn nước sinh hoạt thì có thể uống được mà không cần nấu chín.

Hình ảnh những người già còn làm việc nói ở phần trên nêu lên một khía cạnh khác trong cơ cấu dân số của họ: họ đang bị lão hóa vì tỷ lệ sinh quá thấp. Thế nên gần đây có chính sách mới: thưởng cho mỗi cặp vợ chồng 10 triệu yên Nhật (khoảng 80.000 USD, gần 1,8 tỷ VNĐ) cho lần sinh con đầu tiên. Theo số liệu do Bộ Nội vụ của Nhật Bản công bố, tính đến ngày 01/04/2015, tổng số trẻ em tính đến dưới 15 tuổi của Nhật Bản là 16.650.000 người, giảm đi so với năm trước là 120.000 người. Trong khi đó tuổi thọ trung bình của người Nhật Bản nằm ở tốp đầu trên thế giới, trung bình của nam giới là 80,21 tuổi, nữ giới là 86,61 tuổi.

Chợt thấy một đoàn trẻ em bước đi trong bộ đồng phục, ca hát trên phố, tay cầm cờ, mỗi em được một cô hướng dẫn. Trông hết sức dễ thương! Trẻ em Nhật được hưởng nhiều quyền lợi trong học tập, vì chính sách ghi rõ "Không để một trẻ em nào trong gia đình và không để một gia đình nào trong cộng đồng không được giáo dục". Họ hướng đến sự phát triển hài hòa cho trẻ em về mọi mặt từ tâm hồn, trí tuệ, tình cảm, thái độ, hệ thống giá trị... Định hướng ấy trở thành triết lý giáo dục cơ bản, được cụ thể hóa qua chính sách phổ cập giáo dục. Điều cần nói là đó không chỉ là khẩu hiệu!

Sau Chiến tranh thế giới (1945), nền giáo dục Nhật Bản thực hiện cải cách giáo dục lần thứ hai theo mô

hình Mỹ với hệ thống giáo dục 6-3-3-4. Chính sách giáo dục bắt buộc, miễn phí và bình đẳng được tiếp tục thực hiện ở giáo dục cơ bản 9 năm (tiểu học và trung học cơ sở). Hiện nay, Nhật bản đã bước vào giai đoạn *đại chúng hóa giáo dục đại học* với tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học bậc cao vào các trường cao đẳng và đại học khoảng 60% (2007). Sự phát triển thần kỳ của nền kinh tế và những kết quả tốt của học sinh Nhật Bản trong các kỳ đánh giá của khối OECD về chất lượng giáo dục (PISA) đã phần nào cho thấy tính đúng đắn và hiệu quả của các chính sách phát triển giáo dục của Nhật Bản trong nhiều thập kỷ qua. Hệ thống giáo dục kỹ thuật-nghề nghiệp được đầu tư phát triển với nhiều loại hình đào tạo đa dạng đặc biệt là sự hình thành và phát triển các loại hình Trung học Kỹ thuật (Technical High School), Cao đẳng Công nghệ 5 năm (College of Technology), và các cơ sở đào tạo ở các công ty, doanh nghiệp... Để chuẩn bị bước vào thế kỷ XXI, ngay từ 1984 Nhật Bản đã tiến hành cải cách giáo dục lần thứ ba với tư tưởng chủ đạo là hình thành hệ thống giáo dục suốt đời (life-long learning), xây dựng xã hội học tập, chuẩn bị một thế hệ trẻ phát triển toàn diện, năng động, tự chủ, sáng tạo, đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội hiện đại Nhật Bản trong nền kinh tế tri thức với quá trình toàn cầu hóa. Theo lời người hướng dẫn viên thì các em học sinh Nhật sử dụng một loại ba-lô giống nhau, chống vẹo lưng, có giá rất cao nhưng sử dụng suốt bậc phổ thông. Phụ huynh cũng sẽ được yêu cầu tham gia quá trình học tập của con cái ngay từ lớp 1.

Cụ thể, một bài viết trên *Vietnam Net* kể câu chuyện một anh bạn người Việt có con vào lớp 1 ở đây cho biết rằng "Phụ huynh sẽ nhận được các tài liệu bao gồm: nội dung công việc trong buổi đăng ký nhập học, nội dung buổi seminar đặc biệt dành cho phụ huynh có chủ đề 'Nuôi dưỡng não: ngủ sớm, dậy sớm và ăn sáng', tài liệu về các câu lạc bộ (Jidokan), thông báo về các công việc cần chuẩn bị cho đến trước khi nhập học và các dụng cụ, đồ dùng học tập cần mua sắm (cặp, bút, hộp bút, đồng phục...), tài liệu về triết lý và chính sách giáo dục của thành phố. Họ cảnh báo việc phụ huynh do tham vọng mà ép trẻ học tri thức quá nhiều dẫn đến làm mất cân bằng trong sự phát triển của não... Trong các tài liệu hướng dẫn cũng có tờ đăng ký câu lạc bộ cho con. Các câu lạc bộ này sẽ giúp quản lý các học sinh sau giờ học đối với những gia đình có nhu cầu. Ở đó học sinh sẽ tham gia vui chơi, học tập tập thể. Các bài tập về nhà phần lớn có thể được giải quyết tại đây" (Chuyện người Việt cho con vào học lớp 1 ở Nhật Bản - *Vietnam Net*).

Người Nhật cũng rất trọng Phật giáo, thể hiện qua các công trình kiến trúc, qua cách sống, qua tư duy thường ngày. Tinh thần giáo dục ở đây, về cơ bản, cả trẻ em và người lớn, với tư cách là những công dân, đều

nhằm hoàn thiện cái "duyên" mà có lẫn trong thư viết trước đây, thấy đã nói về hai chữ "nhân duyên". Người Nhật đã tạo ra một xã hội với những "thiện duyên" cho công dân của họ được huân tập trong đó. Thấy nhắc lại, duyên chính là điều kiện sống, là môi trường, là cái cơ làm cho nhân phát triển hay tàn lụi. Có những hạt giống không tốt lắm, nhưng trong môi trường lành mạnh, cũng sẽ tự điều chỉnh thành tốt. Còn hạt giống tốt nhưng trồng trên đất cằn, thiếu phân thiếu sự chăm sóc thì cũng không đâm chồi được! Thấy giáo như em được xem như người trồng cây phải ươm giống tốt, rồi phát triển theo duyên, luôn luôn chăm sóc (nhà Phật gọi là tăng thượng duyên), liên tục (đẳng vô gián duyên) và bồi đắp cho đủ điều kiện ra quả tốt (sở duyên duyên).

Ngẫm lại nhà trường chúng ta, hay cả nền giáo dục hiện nay, đang rất cần những cái duyên lành ấy. Con người, ngoài biệt nghiệp, nghiệp của riêng mình, còn có cái cộng nghiệp, nghiệp cùng chia sẻ với người khác trong cộng đồng, xã hội. Cái nhân từng người với cái nhân xã hội là hai nhưng có phần tương tức tương sinh trong đó: ít nhiều các em học sinh cũng sẽ cư mang tâm thức của thời đại và môi trường các em sống. Nếu đó là môi trường bon chen, chụp giựt, lừa lọc, ích kỷ... thì các em sẽ bị lây nhiễm cuốn theo mà không biết: quay cốp, dối gạt, xin điểm... là những tệ nạn phản ánh bức tranh giáo dục xã hội đó. Cái duyên của tập thể hay cộng đồng là tập hợp sức mạnh những người cùng làm chung một công việc, chung một ý hướng.

Nền giáo dục làm mới mình là tạo ra duyên mới cho mọi người trong đất nước đó thay đổi. Người Nhật thành công vì họ tạo ra một xã hội làm việc siêng năng, tự trọng, đề cao phẩm giá và sự hy sinh. Điều đó lý giải vì sao trong một cộng đồng hướng thiện, con người không thể làm ác được. Vườn cây không sâu bệnh thì loài hoa nào cũng có thể phát triển tốt. Nhà giáo dục người Mỹ, John Dewey, yêu cầu các giáo viên dạy trẻ cách sống trong xã hội. Ông tin rằng thầy cô giáo thông qua những gì họ làm không chỉ xây dựng nhân cách cá thể cho học sinh mà còn góp phần xây dựng xã hội.

Mai đây, khi trở về Việt Nam, thấy lại tự hỏi: Chúng ta phải bắt đầu từ đâu cho thế hệ trẻ hôm nay? Phải chăng hãy cho họ sang Nhật Bản?

Thử khơi lại phong trào Đông Du lần thứ hai, và hy vọng sẽ thành công hơn, để cụ Phan Bội Châu cũng sẽ mỉm cười vì:

Hoa đào của ngày hôm nay

Đã bắt đầu nở

Từ ngày hôm qua.

(Seian)

Chúc em an vui trong những ngày hưu trí.

Thầy. ■



Nhìn lại Phật giáo Việt Nam

từ phong trào đấu tranh bất bạo động của Phật giáo miền Nam

THÍCH THIỆN NHƠN

Phong trào đấu tranh đòi thực thi năm nguyện vọng chính đáng của Tổng hội Phật giáo Việt Nam, bắt đầu từ nguyên nhân bất bình đẳng tôn giáo qua Đạo dụ số 10/50 của Quốc trưởng Bảo Đại ký ban hành ngày 06-8-1950 là hậu thân của thực dân Pháp, và phản đối Công điện số 5159 của Phủ Tổng thống do Quách Tòng Đức, Đồng lý Văn phòng, ký lệnh ngày 06-5-1963, không được treo cờ Phật giáo trong ngày Lễ Phật đản. Điểm xuất phát đầu tiên của phong trào là chùa Từ Đàm - Cố đô Huế ngày 07-5-1963, vì Huế là trung tâm của Tổng hội Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội chủ, cũng là trung tâm của Hội Phật giáo Trung phần do Hòa thượng Thích Trí Quang làm Hội trưởng. Sau đó, phong trào lan dần đến các tỉnh thành miền Nam, và hội tụ tại thủ đô Sài Gòn, trung tâm điểm của nước Việt Nam Cộng hòa. Tại sao phải hội tụ tại Sài Gòn? Vì Sài Gòn là đầu não của chế độ Tổng thống Ngô Đình Diệm, là thủ đô của miền Nam, là cửa ngõ giao lưu các nước trên thế giới, cũng là nơi tập trung đầu mối của các Giáo hội, Hệ phái Phật giáo như: Giáo hội Tăng-già toàn quốc,

Giáo hội Tăng-già Nam Việt, Giáo hội Tăng-già Bắc Việt tại miền Nam, Giáo hội Tăng-già Nguyên thủy Việt Nam, Giáo phái Theravada, Thiền tịnh Đạo tràng, Hội Phật học Nam Việt, Hội Phật tử Bắc Việt, Hội Phật tử Theravada...

Trước năm 1963, các tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật giáo sinh hoạt độc lập, không đoàn kết thành một khối. Nhưng qua sự đàn áp tôn giáo, tiêu diệt Phật giáo Việt Nam của chế độ Ngô Đình Diệm, các tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật giáo nhận thức sâu sắc rằng *đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết*. Do đó, ngày 25-5-1963, 11 tập đoàn Phật giáo như trên đã ký tên vào tuyên ngôn ủng hộ năm nguyện vọng của Tổng hội Phật giáo Việt Nam công bố tại Huế ngày 10-5-1963, đã tập hợp lại thành lập Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn gồm:

- Lãnh đạo tối cao: HT.Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội PGVN.

- Cố vấn: TT.Thích Trí Quang, TT.Thích Thiện Minh, HT.Thích Minh Trục, HT.Lâm Em, HT.Thích Thanh Thái, TT.Thích Pháp Tri.

- Chủ tịch: TT.Thích Tâm Châu, Phó Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam



- Các Phó Chủ tịch:
 - + TT.Thích Thiện Hoa, Trị sự trưởng Giáo hội Tăng-già Nam Việt.
 - + TT.Thích Tâm Giác, Trị sự trưởng GHTGBV tại miền Nam.
 - + TT.Bửu Chơn, Tăng thống Giáo hội Tăng-già Nguyên thủy Việt Nam.
- Tổng Thư ký: Cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, Hội trưởng Hội PHNV.
- Thư ký: ĐĐ.Thích Chánh Lạc
- Trưởng Văn phòng: TT.Thích Huyền Quang.
- Ủy viên Ngoại giao: TT.Thích Đức Nghiệp.
- Phụ tá Ủy viên Ngoại giao: TT.Thích Quảng Độ.
- Ủy viên Nhân sự: TT.Thích Quảng Liên.
- Ủy viên Nội an kiêm Giảng huấn: TT.Thích Giác Đức.
- Ủy viên Phụ tá kiêm Giảng huấn: TT.Thích Hộ Giác.
- ...

Như vậy, chùa Xá Lợi được xem như là trung tâm đầu não của Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, và phong trào đấu tranh bất bạo động của Phật giáo miền Nam cho đến ngày Cách mạng thành công 01-11-1963; và cũng chính tại chùa Xá Lợi, đã diễn ra Đại hội Thống nhất Phật giáo miền Nam ngày 04-01-1964.

Có thể nói, Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo là hình thức tổ chức thống nhất Phật giáo Việt Nam bước đầu trong giai đoạn khó khăn nhất, thập tử nhất sinh của Phật giáo Việt Nam. Chính nhờ vào tinh thần đoàn kết, hòa hợp và quyết tâm của Tăng Ni, Phật tử Việt Nam, cùng các lực lượng quần chúng nhân dân, các thế lực tiến bộ, yêu chuộng hòa bình, bình đẳng tự do, dân chủ, tự do tín ngưỡng tôn giáo trong nước và thế giới đã giúp cho cuộc Cách mạng ngày 01-11-1963 do Quân đội chủ xướng thành công, lật đổ chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm, hiện thân Đạo dụ số 10/50 của Pháp và tay sai thực dân đế quốc.

Trung tâm và cao điểm của phong trào dẫn đến sự thành công lớn lao, chính là sự tự thiêu thân, cúng dường Tam bảo, bảo tồn Đạo pháp, cầu nguyện dân tộc Việt Nam được bình đẳng, tự do tôn giáo, đất nước hòa bình thống nhất, dân chúng an cư lạc nghiệp của Bồ-tát Quảng Đức. Sự tự thiêu của Bồ-tát Thích Quảng Đức ngày 11-6-1963 nhằm ngày 20-4 nhuận năm Quý Mão giữa đại lộ Phan Đình Phùng, Lê Văn Duyệt, nay là đường Cách Mạng Tháng 8, Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP.Hồ Chí Minh; là đóm lửa dẫn đến thiêu rụi chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm. Gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh loài người giữa lòng thành phố Sài Gòn của thế giới tự do, nhưng không có tự do, làm chấn động thế giới năm châu, và thế giới biết đến Việt Nam, Phật giáo Việt Nam càng rõ hơn và khâm phục sâu sắc trước tinh thần tranh đấu bất bạo động, dũng cảm, phi thường của dân tộc Việt Nam và Phật giáo Việt Nam.

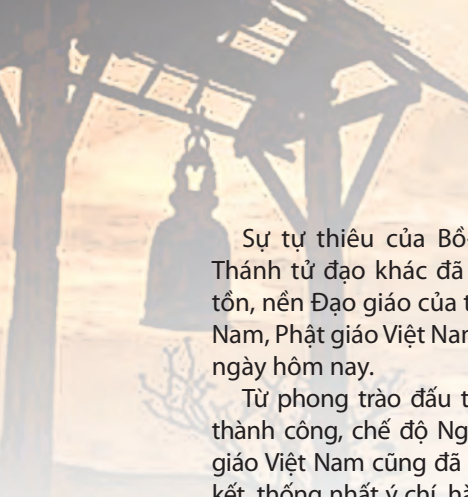
Ngay sau khi Bồ-tát Quảng Đức thiêu thân, tối ngày hôm ấy trên Đài Phát thanh Hà Nội đã cho phát lời Hồ

Chủ tịch: "Từ bi không phải là nhu nhược, Mỹ Diệm càng hung ác, các vị sư sãi và đồng bào theo đạo Phật càng kiên quyết đấu tranh. Ngọn lửa tự đốt mình của Hòa thượng Thích Quảng Đức đang góp phần vào đóm lửa đốt cháy cơ đồ phát-xít của Mỹ Diệm. Khắp miền Nam, khắp cả nước và khắp cả thế giới, đều khâm phục sự hy sinh cao cả vì nước, vì Đạo của Hòa thượng Thích Quảng Đức". Hồ Chủ tịch đã làm hai câu đối để viếng Hòa thượng: "Vị Pháp thiêu thân vạn cổ hùng uy thiên nhật nguyệt. Lưu danh bất tử bách niên chính khí địa sơn hà" (Vi Pháp thiêu thân muôn thuở hùng uy trời nhật nguyệt. Lưu danh bất tử trăm năm chính khí đất sơn hà).

Nhất là quả tim bất diệt qua độ đun 12.000 độ của lửa đỏ mà vẫn còn cô đọng lại tinh nguyên bất nhiễm, phi thường, biểu thị lòng kiên trinh dũng cảm cao độ, định lực kiên cường, pháp hoa tam muội, như Ngộ Ấn thiên sư đã nói: "Ngọc phân sơn thượng sắc thường nhuận - Liên phát lô trung thấp vị can" (Trên núi ngọc thiêu màu vẫn đượm. Trong lò sen nở sắc thường tươi). Là bảo vật của dân tộc Việt Nam và Phật giáo Việt Nam.

Từ Chiến khu Dương Minh Châu (Cục R) Tây Ninh, Hòa thượng Thích Thiện Hào - Ủy viên Thường trực Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, đã tâm sự: "Nhớ lời Hòa thượng (Quảng Đức) khi tiễn tôi vào chiến khu, Hòa thượng dặn: Thầy (Tôi - HT.Thích Thiện Hào) vào trong đó lo việc lớn, còn tôi ở ngoài này (Chùa Thiên Phước, Cai Lậy, Định Tường, Tiền Giang), xin đóng góp sức nhỏ nhoi của mình. Hòa thượng nói, mình chỉ góp sức nhỏ nhoi mà việc làm của Hòa thượng thật là vĩ đại, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc Việt Nam...".

Để tỏ sự đồng tình phong trào đấu tranh của Tăng Ni, Phật tử miền Nam và lòng tôn kính đối với sự thiêu thân của Bồ-tát Quảng Đức, dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng Trí Độ, Hội trưởng Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam và Tăng Ni, Phật tử thủ đô Hà Nội đã tổ chức Lễ Kỳ siêu và xây tháp tưởng niệm Bồ-tát Quảng Đức tại chùa Hòe Nhai (Hồng Phúc), số 19 phố Hàng Than, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội, là trú xứ của Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Phó Hội trưởng Thường trực Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam, sau này là Đệ nhất Pháp chủ GHPGVN.



Sự tự thiêu của Bồ-tát Thích Quảng Đức và bao Thánh tử đạo khác đã hy sinh cho Đạo pháp trường tồn, nên Đạo giáo của tổ tiên ông bà, của dân tộc Việt Nam, Phật giáo Việt Nam được tồn tại và phát triển đến ngày hôm nay.

Từ phong trào đấu tranh đến Cách mạng tháng 11 thành công, chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ, thì Phật giáo Việt Nam cũng đã tiếp tục kế thừa tinh thần đoàn kết, thống nhất ý chí, hành động và tổ chức. Do đó, Đại hội các Giáo hội, Hệ phái Phật giáo Việt Nam thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ngày 04-01-1964, thành phần chủ yếu vẫn là 11 tập đoàn Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, Tổng hội Phật giáo Việt Nam (HT. Thích Tịnh Khiết, TT.Thích Tâm Châu), Giáo hội Tăng-già Nam Việt (TT.Thích Trí Tịnh), Giáo hội Tăng-già Bắc Việt tại miền Nam (TT.Thích Tâm Giác), Giáo hội Tăng-già Trung phần (TT.Thích Trí Thủ), Giáo hội Tăng-già Nguyên thủy Việt Nam (TT.Giới Nghiêm), Giáo hội Tăng-già Theravada (TT.Thạch Gồng), Giáo hội Thiền tịnh Đạo tràng (TT.Thích Pháp Triều), Hội Phật học Nam Việt (Cư sĩ Mai Thọ Truyền), Hội Phật giáo Trung phần (TT.Thích Đức Tâm), Hội Phật giáo Nguyên thủy (Cư sĩ Nguyễn Văn Hiếu), Hội Phật giáo Bắc Việt (Cư sĩ Vũ Bảo Vinh), Giáo phái Theravada - Thiện tín Phật tử (Sơn Thái Nguyên). Đại hội suy cử hai Viện: Viện Tăng thống và Viện Hóa đạo. Hòa thượng Tịnh Khiết, Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất lãnh đạo tối cao Giáo hội về nội dung đạo pháp; TT.Thích Tâm Châu, Viện trưởng Viện Hóa đạo thực hiện, điều hành Phật sự Giáo hội trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đặt trụ sở tại Việt Nam Quốc Tự, số 16 đường Trần Quốc Toản, quận 10, Sài Gòn, nay là số 242 - 244 đường 3 tháng 2, quận 10, TP.Hồ Chí Minh, Giáo hội đã được Trung tướng Nguyễn Khánh, Chủ tịch HĐQTCM kiêm Thủ tướng Chính phủ ký Sắc lệnh 158/SL/CP ngày 14/5/1964 công nhận tính pháp lý pháp nhân và Đạo dụ số 10/50 không còn áp dụng đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Đây là một thành công to lớn của phong trào đấu tranh đòi tự do, bình đẳng tôn giáo hơn 10 năm ròng rã, khổ đau chống chọi, hy sinh vô bờ bến của Tăng Ni, Phật tử miền Nam.

Dù trong thời điểm thống nhất Phật giáo miền Nam chưa được trọn vẹn, nhưng chung qui với tinh thần đoàn kết hòa hợp, đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc là trước sau như một, chủ trương Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất là hòa giải, hòa hợp dân tộc, lấy tinh thần yêu nước, yêu dân tộc là chính, lập trường của Giáo hội là “Đạo pháp và Dân tộc”. Do đó, dù Giáo hội có bị phân hóa do các thế lực chi phối nhưng với sự lãnh đạo của HT.Thích Thiện Hoa, kế thừa Viện trưởng Viện Hóa đạo tiếp tục đấu tranh cho đến ngày viên tịch 23-01-1973 (20 tháng Chạp năm Quý Sửu). Ngày thu nhật xá lợi của Hòa thượng cũng là ngày ký kết Hiệp định Paris, lập lại hòa bình cho Việt Nam ngày 27-01-1973, mà Hòa thượng

đã đóng góp nhiều công sức, hướng dẫn Giáo hội đi đúng hướng trung thành với đất nước và với dân tộc, dẫn đến thống nhất đất nước, giang san nối liền một dải, Bắc Nam sum họp một nhà.

Sau năm 1975, tinh thần dẫn thân, đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam vẫn tiếp tục không mệt mỏi, góp phần hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng lại đất nước thời hậu chiến, củng cố phát triển trong thời bình, cho đến khi thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày 07-11-1981 tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội theo Giấy phép số 621-HĐBT ngày 19-9-1981 của Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đại hội quy tụ 165 đại biểu gồm 09 tổ chức Giáo hội, Hệ phái trước năm 1963 và 1975, là Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam, do HT.Thích Đức Nhuận đại diện; Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, do HT.Thích Trí Thủ đại diện; Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam, do HT.Thích Bửu Ý đại diện; Giáo hội Tăng-già Nguyên thủy Việt Nam, do HT.Giới Nghiêm đại diện; Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam, do HT.Thích Giác Nhu và Ni trưởng Huỳnh Liên đại diện; Giáo hội Thiên Thai Giáo Quán, do HT.Thích Đạt Hảo đại diện; Hội Sư sãi Yêu nước Tây Nam Bộ, do HT.Châu Mum đại diện; Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước, do HT.Thích Minh Nguyệt đại diện; Hội Phật học Nam Việt, do cư sĩ Tăng Quang đại diện. Lãnh đạo tối cao Giáo hội Phật giáo Việt Nam do HT.Thích Đức Nhuận làm Pháp chủ, HT.Thích Trí Thủ làm Chủ tịch Hội đồng Trị sự. Giáo hội được Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận bằng Quyết định số 83/BT ngày 29-12-1981. Kể từ đó đến nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã không ngừng phát triển và ổn định trong một đất nước hòa bình thống nhất, độc lập, bình đẳng tự do, dân chủ, cùng nhau xây dựng xã hội công bằng, dân chủ văn minh trong thời kỳ hội nhập và phát triển, góp phần củng cố hòa bình cho dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam và thế giới trên hành tinh chúng ta hơn 30 năm qua theo phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, như cố HT.Thích Trí Thủ, Viện trưởng Viện hóa đạo GHPGVNTN, Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN đầu tiên đã nói: *“Những gì tôi làm có lợi ích cho Đạo pháp, tức là làm lợi ích cho Dân tộc. Những gì tôi làm có lợi ích cho Dân tộc tức là làm lợi ích cho Đạo pháp”*.

Với tinh thần từ bi bất bạo động, nhân bản, đoàn kết hòa hợp và dẫn thân phụng sự đạo pháp, phục vụ dân tộc, Tổ quốc Việt Nam thân yêu, là lý tưởng, là mục tiêu cao cả của GHPGVN, phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật, xây dựng Niết-bàn Tịnh độ tại nhân gian, làm Tốt đạo Đẹp đời, để từ đó, “Hoa đời hoa đạo đua nhau nở. Mãi mãi ngàn sau vẫn ngát hương”. Đây cũng là tinh thần, ý nghĩa bình đẳng tự do, giữa Đạo pháp và Dân tộc, cùng tồn tại trong tinh thần chung nhất cùng một cội nguồn, cùng hướng tới tương lai của thế kỷ XXI và những thế kỷ tiếp theo của Dân tộc Việt Nam và Phật giáo Việt Nam. ■

Thường Bất Khinh

QUẢNG TÂM

Dù là Phật tử hay không phải Phật tử, những ai có duyên đọc kinh *Pháp Hoa* thì đều cảm mến tâm thái chân thành hết sức ngộ nghĩnh của vị Bồ-tát có biệt danh Thường Bất Khinh.

“Vi sao có tên ấy? Vì gặp bất cứ ai, ngài cũng thi lễ mà nói: Tôi không dám khinh thường quý vị, vì quý vị sẽ thành Phật-đà. Khi nghe vậy, có kẻ mắng nhiếc, có kẻ lấy cây mà đánh, lấy đá mà ném, ngài vừa chạy nhưng vẫn đứng xa mà nói lớn rằng tôi không dám khinh thường quý vị, vì quý vị sẽ thành Phật-đà, trải qua nhiều năm tháng ngài thường xuyên nói như vậy nên những kẻ tăng thượng mạn gọi ngài là Thường Bất Khinh”¹.

Theo Hòa thượng Thích Thiện Siêu thì cách thái đặc biệt của vị Bồ-tát này chứng tỏ ngài có một đức tin mãnh liệt vào Phật tri kiến vốn có trong mỗi chúng sanh. Việc làm này cũng là một cách nhắc nhở, đánh thức người ta về giá trị của mình, không phải là kẻ tầm thường mà chính mình là ông Phật tương lai. Đó là hành động đặc biệt, mang một ý nghĩa lớn, vì vậy mới được lưu danh trong kinh *Pháp Hoa* là Thường Bất Khinh Bồ-tát, nghĩa là không khinh người cũng không khinh mình².

Rõ ràng, trừ những bậc có trí tuệ siêu phàm như Đức Phật mới thấy hết căn tánh của chúng sinh, không ai biết rõ nhân duyên mê ngộ của người khác thế nào, ngoài những biểu hiện hàng ngày có vẻ như chẳng hề thay đổi. Hẳn là hiếm ai có được niềm tin vững chắc như vị Bồ-tát Thường Bất Khinh, càng ít có ai biểu lộ niềm tin giác ngộ hết sức đặc biệt như vị này. Tập quán chấp thủ hay cái nhìn phiến diện che chắn tầm mắt giác ngộ của chúng ta, ít cho chúng ta cơ hội mở lòng từ tôn đối với người khác. Chúng ta quen nhìn cuộc đời qua dáng vẻ bên ngoài, ít ai có đủ hiểu biết và kiên nhẫn để nhìn sâu hơn vào bên trong, càng ít ai thấy ra bản tính đồng nhất giữa muôn vạn dị biệt. Nhưng cho dù cái nhìn có thế nào thì sen vẫn nở và tỏa hương thơm giữa chốn đầm lầy nước đọng. Ngày xưa, có vị Bà-la-môn đến thưa với bậc Giác ngộ rằng khi tâm thanh tịnh người ta thấy thế giới bất tịnh. Đức Phật, bậc đã quét sạch các cấu uế nội tâm, khẳng định rằng thế giới sẽ trở nên thanh tịnh khi tâm chúng sinh thanh tịnh³.

Như vậy, thế giới tịnh hay bất tịnh là do ở tâm con người. Cái tâm diễn biến thế nào thì cảnh vật hiện ra như thế ấy, vì thế giới là phóng ảnh của tâm. Cái tâm mà rơi vào cấu uế tật bệnh thì thấy mọi thứ đều xấu xa bệnh hoạn và ngược lại. Sở dĩ thấy thế giới là bất tịnh vì cái tâm còn cấu uế, còn tham-sân-si, còn suy tính thiệt hơn, còn phân biệt tốt xấu hay thế này thế khác. Đạo Phật gọi cái thấy như vậy là thiên kiến, biên kiến, tà

kiến, ác kiến, kiến thủ, tức cái thấy méo mó, thiên lệch, không công bằng, không ngay thẳng. Nhưng khi cái tâm không còn tham-sân-si thì thế giới trở nên thanh tịnh, tròn đầy, hài hòa và bình đẳng. Nói khác đi, cái tâm mà bị tham-sân-si chi phối thì cái thấy thành ra méo mó, không công bằng, không ngay thẳng; nghĩ điều gì cũng méo mó, không công bằng, không ngay thẳng; nói điều gì cũng méo mó, không công bằng, không ngay thẳng; làm việc gì cũng méo mó, không công bằng, không ngay thẳng. Chỉ khi nào cái tâm thoát khỏi tham-sân-si thì thế giới mới thoát khỏi tình trạng bị bóp méo, được nhìn thấy ngay thẳng, được đối xử công bằng, được trả về như chính nó. Đạo Phật được mệnh danh là đạo như thật (*yathabhutam-magga*) hay con đường thẳng bằng (*sama-patipada*), vì đạo Phật dạy mọi người thấy như thật và sống như chân, chủ trương diệt trừ tham-sân-si, gốc rễ của mọi cái nhìn méo mó, thiên lệch cực đoan, không công bằng, không ngay thẳng.

Câu chuyện “Người hủ ngộ đạo” sau đây, lưu trong tập Phật tự thuyết (*Udana*) thuộc Kinh tạng Nikaya, hẳn đã gợi niềm tin về Phật tánh vốn có trong mỗi chúng sinh, thể hiện qua nhân vật Thường Bất Khinh của kinh *Pháp Hoa* về sau, cùng lúc nhắc cho chúng ta về tâm thái cần trọng, chớ có “trông mặt mà bắt hình dong”:

“Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Rājagha (Vương Xá), Veluvana (Trúc lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, một người bệnh hủ tên là Suppabuddha, nghèo đói, ăn xin, khốn cùng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn với đại hội chúng doanh vân, đang ngồi thuyết pháp. Người hủ Suppabuddha thấy từ đằng xa đại hội chúng đang tụ hội, thấy vậy liền suy nghĩ: ‘Không nghi ngờ gì nữa, ở đây, có thể có chia phần cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm. Vậy ta hãy đi đến đại chúng ấy, mong rằng ta sẽ được chút gì ăn được, loại cứng hay loại mềm.’ Rồi người hủ Suppabuddha đi đến đại chúng ấy. Người hủ Suppabuddha thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng đang doanh vân xung quanh, thấy vậy liền suy nghĩ: ‘Ở đây, không có cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm để chia phần. Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho hội chúng. Vậy ta hãy nghe pháp.’

Rồi Thế Tôn, với tâm của mình duyên với tâm của toàn thể hội chúng tác ý rằng: ‘Ở đây, ai có thể hiểu được pháp.’ Thế Tôn thấy người hủ Suppabuddha đang ngồi trong hội chúng, thấy vậy liền suy nghĩ: ‘Ở đây, người này có thể hiểu được pháp. Vì người hủ Suppabuddha, Thế Tôn tuân tự thuyết pháp, tức là thuyết bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về Thiên giới, thuyết về sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của người hủ



Suppabuddha đã sẵn sàng, đã nhu thuận không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tin thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là khổ, tập, diệt, đạo.

Cũng như tám vãi thuần bạch, được gọi rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn vô trần ly cấu khởi lên trong tâm người hủ Suppabuddha: 'Phàm cái gì được khởi lên tất cả đều bị đoạn diệt'. Khi ấy người hủ Suppabuddha thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tin, không y cứ nơi người khác đối với lời dạy của Đức Bổn sư, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đành lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người hủ Suppabuddha bạch Thế Tôn: 'Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng, ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.'

Rồi người hủ Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ, sau khi hoan hỷ tin thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đành lễ Thế Tôn thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi một con bò con húc vào người hủ Suppabuddha và đoạt mạng sống.

Rồi nhiều Tỳ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đành lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn: 'Bạch Thế Tôn, người hủ tên Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ đã mạnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Tương lai của vị ấy thế nào?'

'Này các Tỳ-kheo, hiền trí là người hủ Suppabuddha, đã thực hành tùy pháp đúng pháp, không có làm phiền nhiễu ta với những tranh luận về pháp. Người hủ Suppabuddha sau khi đoạn tận ba kiết sử, đã chứng được quả Dự lưu, không còn bị thối đọa, chắc chắn đạt được Chánh giác.'

Khi nghe nói vậy, một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn: 'Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, người hủ Suppabuddha lại là người nghèo đói, là người ăn xin, là người khổn cùng?'

'Thuở xưa, này các Tỳ-kheo, người hủ Suppabuddha là con một nhà triệu phú ở Rājagaha; khi đi ngang qua một khu vườn, nó thấy Đức Phật Độc giác Tagarasikhi đang đi vào thành khát thực. Thấy vậy, nó suy nghĩ: 'Ai là người hủ này lại đi dạo chơi' và nó nhỏ nước miếng và xây lưng phía trái rồi bỏ đi. Do hành động này của nó được thuần thực, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm nghìn năm, nó bị nấu trong địa ngục. Do sự thành thực thêm nữa của nghiệp ấy, chính tại Rājagala này, nó là một người nghèo đói, là người ăn xin, là người khổn cùng! Nay nó, do y cứ vào pháp luật được Như Lai thuyết giảng, nó được lòng tin, nó được giới, nó được nghe pháp, nó được từ bỏ, nó được trí tuệ, sau khi thân hoại mạng chung, nó được sanh thiện thú, thiên giới, đời này, được cộng trú với chư Thiên ở cõi Ba mươi ba. Tại đây, vị ấy chói sáng hơn các chư thiên khác về dung sắc và danh xưng'. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm ứng này:

Như người có mắt nhìn,
Cố gắng tránh lỗi lờm;
Cũng vậy kẻ trí tránh,
Điều ác giữa đời này¹⁴.

Ít ai hình dung được một người hủ lang thang xin ăn khắp nơi lại ấp ủ sẵn một tâm tư trong sáng thanh tịnh, dễ dàng đón nhận pháp giác ngộ của Phật và nhanh chóng chứng đắc Pháp nhãn (Dhammacakkhu), dự phần vào hàng Thánh giả giác ngộ, gọi là nhập Thánh lưu. Một người mà dáng vẻ bên ngoài không sạch sẽ đẹp đẽ cho lắm nhưng bên trong nội tâm thì trong sáng thanh tịnh. Người hủ Sappabuddha có thân bệnh nhưng tâm không bệnh. Người hủ Sappabuddha may mắn hơn vô số chúng sinh khác, vì tuy mang tấm thân ốm đau bệnh tật nhưng tâm thì không ốm đau bệnh tật. Vị ấy có cái tâm trong sáng ngay thẳng, đã dứt trừ thân kiến (không còn ngã tưởng hay các ý niệm chấp ngã), đã diệt trừ nghi ngờ (tin tưởng vững chắc, không còn phân vân lưỡng lự về lỗi

đi giác ngộ), đã vượt qua giới cấm thủ (không còn lạc vào các hướng đi mê lầm), đang loại dần các mầm bệnh sanh tử, quyết chắc đạt đến giác ngộ.

Rõ ràng, chẳng ai muốn mang tấm thân bất hạnh như người hủ Suppabuddha, nhưng cũng hiếm ai may mắn có được cái tâm giác ngộ sạch trong như người hủ Suppabuddha. Được dự phần vào hàng Thánh giả giác ngộ là cơ duyên ngàn năm có một. Một chúng sinh đời khi phải trải qua không biết bao nhiêu số kiếp lang thang sinh tử mà chưa chắc có được chút cơ hội thức tỉnh. Chưa tỉnh ra cơn mê ái dục thì còn kéo dài lê thê số kiếp luân hồi, còn phải mang thân bệnh và tâm bệnh đi hết đời này sang đời khác không dứt. Kinh *Pháp Cú* nói rằng: “*Ai sống một trăm năm mà không thấy được lý sanh diệt (còn mê chấp, không ngộ đạo, không thấy được lối đi ra khỏi mê lầm khổ đau) thì không bằng sống một ngày mà thấy được lý sanh diệt*”⁵. Người hủ Suppabuddha đã ngộ đạo, quyết chắc đạt đến giác ngộ, không còn kéo dài chuỗi sinh tử khổ đau như bao chúng sinh khác còn mê muội.

Chuyện người hủ ngộ đạo trong Kinh tạng Nikàya hay cách thái ngộ ngĩnh của vị Bồ-tát Thường Bất Khinh của kinh *Pháp Hoa* về sau tạo cảm kích và khích lệ lớn cho những tâm hồn biết tôn quý chân tâm, đã thấu rõ chân tướng của hiện hữu, rằng “thân có bệnh nhưng tâm không bệnh”. Trong vô số sự hiện hữu khác biệt do nghiệp duyên tạo nên, hết thầy chúng sinh đều có cái chân tâm giác ngộ hoàn toàn đồng đẳng. Cái tâm ấy không chia cách chúng sinh; không giàu, nghèo, sang, hèn; không hư, nên, tốt, xấu; không hơn, thua, được, mất; không sanh, già, bệnh, chết; không sâu, bi, khổ, não. Cái tâm ấy có trong Đức Phật và có trong người hủ Suppabuddha.

Người hủ Suppabuddha là hiện thân của chân tâm giác ngộ không sanh diệt, siêu việt hiện tượng sanh diệt mà về sau Thường Bất Khinh Bồ-tát đã liễu ngộ và lấy làm nền tảng trong cách thái ứng xử hàng ngày với mọi người. Gặp ai cũng thi lễ mà nói “Tôi không dám khinh ngài, vì ngài sẽ thành Phật”; bởi lẽ ai cũng có sẵn chân tâm giác ngộ, đâu có mang cái vỏ bọc ngũ uẩn như thế nào. Một người mang thân cùi hủ bệnh tật không ai muốn gần như Suppabuddha mà còn giác ngộ thì huống nữa là những kẻ sạch sẽ lành lặn?

Rõ ràng, được làm thân người mà ít ốm đau bệnh tật là may mắn phước đức lớn. Nhưng có ai mang thân ngũ uẩn mà tránh khỏi ốm đau bệnh tật? Không ốm đau cách này thì cũng bệnh tật cách khác. Có ai sinh ra ở đời mà không già, không bệnh, không chết? Đức Phật nói rằng người nào mang thân ngũ uẩn mà tự cho là không bệnh dầu chỉ một giây, người ấy phải là người ngu⁶. Vì vậy Ngài khuyên mọi người hãy sống với cái tâm giác ngộ, sạch trong, không bệnh tật, không ô nhiễm; không nên nhìn nhau qua thân tướng giả hợp, hư vọng, đầy bệnh tật, đầy bất tịnh. Bậc Giác ngộ tự quán sát và nhắc nhở chính mình:

“Kẻ vô văn phạm phụ tự mình bị bệnh, không vượt khỏi bệnh, thấy người khác bị bệnh, lại bức phiền, hổ thẹn, ghê

*tởm, quên rằng mình cũng như vậy. Ta cũng bị bệnh, không vượt qua khỏi bệnh, sau khi thấy người khác bị bệnh, Ta có thể bức phiền, hổ thẹn, ghê tởm sao? Như vậy, thật không xứng đáng cho Ta”. Sau khi quán sát về Ta như vậy, này các Ty-kheo, sự kiêu mạn của không bệnh trong không bệnh được đoạn trừ hoàn toàn”*⁷.

Phật thấy rõ tánh già nằm trong tuổi trẻ, tánh bệnh nằm trong sức khỏe, tánh chết nằm trong sự sống nên Phật dẹp bỏ mọi ý tưởng phân biệt và kiêu mạn trong đời sống hàng ngày⁸. Phật sống với cái tâm giác ngộ tròn đầy bên trong nên không còn bận lòng với cái tướng sinh diệt ở bên ngoài. Phật có cái tâm hoàn toàn trong sáng nên nhìn cuộc đời bằng con mắt thanh tịnh, thấy sen nở giữa chốn bùn lầy. Phật biết rõ căn duyên chín muồi của kẻ cướp hung dữ Angulimàla nên độ cho ông xuất gia tu học đạo lý giải thoát; Phật thấy rõ tâm giác ngộ chói sáng trong tấm thân bất tịnh của Ambapàli nên chấp nhận cho cô kỹ nữ thành Vesàli trở thành Ty-kheo-ni; Phật thấu suốt tâm tư thuần thực của người hủ Suppabuddha nên tuân tự thuyết pháp, độ cho người hủ thành Vương Xá đắc quả Dự lưu, thể nhập Thánh đạo. Ấy thế, bao nhiêu mảnh đời bất hạnh bị thế gian ruồng bỏ thì được đáng Giác ngộ nâng đỡ lên, chỉ dạy cho con đường như thật đi đến giác ngộ. Phật làm những việc tế nhị khó làm như thế nên nhân loại mãi mãi tôn kính, tán dương Phật là người dựng đứng lên những gì bị quăng ngã xuống.

Với cái nhìn trí tuệ siêu việt mọi phân biệt thị phi, đạo Phật mãi mãi là người bạn lành của nhân loại, sẵn sàng chia sẻ với mọi người rằng hết thầy chúng sinh đều chịu chung quy luật già, bệnh, chết và đều có sẵn cái tâm giác ngộ hoàn toàn đồng đẳng. Chúng sinh nào không nhận ra sự thật “thân bệnh nhưng tâm không bệnh”, có tâm thiên chấp phân biệt không buông bỏ thì còn lang thang trong các nẻo đường mê lầm của thế giới khổ đau sinh tử luân hồi. Chúng sinh nào biết trân quý chân tâm giác ngộ, nỗ lực nhiếp phục tâm phân biệt đối đãi thì tiến gần đạo giác ngộ, thể nhập Thánh lưu, lần lượt dứt trừ các trói buộc mê lầm, đạt đến cảnh giới giải thoát, an lạc.

Câu chuyện Người hủ ngộ đạo trong Kinh tạng Nikàya và hình ảnh vị Bồ-tát Thường Bất Khinh trong kinh *Pháp Hoa* hẳn là những người bạn lành, có thể giúp cho nhiều chúng sinh vượt qua tập quán thiên kiến để nhìn thấy rõ hơn Niết-bàn vốn hiện diện giữa cảnh đời ô trược, như hoa sen vẫn tỏa hương thơm từ chốn bùn lầy vậy. ■

Chú thích:

1. HT.Thích Thiện Siêu, *Lược giảng Kinh Pháp Hoa*, tr.465, Nxb Tôn Giáo, 2006.
2. HT.Thích Thiện Siêu, *Lược giảng Kinh Pháp Hoa*, tr.432, Nxb Tôn Giáo, 2006.
3. Kinh Ưu-đàm-bà-la sư tử hống, *Trường Bộ*.
4. *Kinh Phật Tự Thuyết*, (III) (Ud. 48).
5. *Kinh Pháp Cú*, kệ số 113.
6. Kinh Nakulapita, *Tương Ưng Bộ*.
7. Kinh Được nuôi dưỡng tế nhị, *Tăng Chi Bộ*.
8. Kinh Già, *Tương Ưng Bộ*.



Như như bất động

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Mặc mũ giáp là tu tánh Không tức Pháp thân. Pháp thân này đi liền với Báo thân ánh sáng đại pháp, từ đó mà có các Hoá thân. Pháp thân tánh Không là nền tảng của sự tu hành:

“Đức Phật dạy: Vô Biên Huệ! Do vì pháp môn này vô sở đắc, vô ngôn thuyết nên chẳng thể hiển bày, vô sanh vô diệt. Các Đại Bồ-tát phải đứng như lý, chuyên cần tu tập.

Nếu có Bồ-tát an trụ nơi nghĩa lý tất cả các pháp, phương tiện thiện xảo an lập, dùng vô sở đắc được vô sanh nhẫn, viên mãn Phật pháp, vô lượng công đức để trang nghiêm mà hướng đến Giác ngộ vô thượng.

Vô Biên Huệ! Ta chẳng bao giờ nói các Đại Bồ-tát lìa ngoài pháp này mà có riêng chút pháp nào có thể thành tựu nhanh chóng Nhất thiết trí. Nếu có ai ở trong pháp Không, vô sanh vô diệt rất sâu ấy mà chuyên cần tu tập thì chóng được nghĩa lý pháp giới phương tiện thiện xảo và tổng trì của Bồ-tát... được thanh tịnh nhĩ, vô thượng tinh tấn, vô duyên thiên định, dùng đại trí huệ hướng đến Giác ngộ vô thượng.”

(Kinh Đại Bảo tích - Pháp hội Mặc giáp Trang nghiêm - Bồ-đề-lưu-chí dịch)

Tánh Không là Nền tảng, trên đó Con đường hay pháp môn tiến hành, để đắc Quả. Quả đó với vị Bồ-tát là Vô sanh pháp nhẫn: “Không, Vô tướng, Vô nguyện, Vô sanh”.

Các pháp và pháp giới

Cả hai đều vô tướng

Các pháp xa lìa tướng

Gọi đó là pháp giới.

Vô tướng vì tâm không trụ vào một pháp nào, dấu nhỏ đến đâu:

“Các Đại Bồ-tát nơi các pháp không chỗ an trụ, chẳng

vào chẳng ra, nên Ta nói họ sẽ được đại dương vô biên công đức. Các Đại Bồ-tát chẳng ở nơi một chút pháp nào mà có an lập hoặc có tích tập, không xứ không trụ, không khởi không tác. Tại sao thế? Vì xứ sở bất khả đắc. Vì không có xứ sở nên không có phân biệt, vì không có phân biệt nên an trụ nơi chỗ bất động, như pháp giới mà an trụ.

An trụ nơi hạnh vô phân biệt như vậy, dùng hạnh vô phân biệt thấy tất cả pháp không có chỗ động thì an trụ nơi Chân như, thì tương ứng với Chân như bất động, thì tương ứng với Chân như chẳng nắm giữ.”

Vô sanh pháp nhẫn còn được gọi là địa Bất động. Vị chúng đắc tánh Không thì sống được trong pháp giới Như như bất động, tức là Pháp giới tánh Không, không có một pháp nào để đắc, để an lập:

“Các ngài thấy tất cả các pháp như hư không thanh tịnh, ánh sáng chiếu thông suốt, lìa xa phiền não. Vì ánh sáng chiếu tất cả các pháp, nên mới gọi là được phương tiện thiện xảo nơi tất cả pháp giới, chẳng dùng an lập để quán thấy pháp giới. Vì sao thế? Vì chẳng có chút an lập nơi pháp giới vậy.

Ví như hư không và phong giới không có xứ sở, cũng không thấy được, không chỗ an lập, nương tựa; pháp giới cũng như vậy, không chỗ vào được, không chỗ thấy được, không chỗ an lập nương tựa, cũng không phân biệt cũng không hiện bày.”

Pháp giới tánh Không ấy vì không có hình tướng nào để an lập, không có hình tướng nào để phân biệt, nên như như bất động:

“Các Đại Bồ-tát vì không hiện bày (thị hiện) nên tương ứng với như như giới mà an trụ. Tất cả pháp giới không sanh không mạng, không già không chết, không khởi không chìm, không đi cũng không chỗ đi. Không hiện bày, đó là pháp giới; cũng không đối khác, đó là pháp giới, mà pháp

giới ấy khắp tất cả chỗ. Trong pháp giới như như không có xứ cũng không có chẳng phải xứ. Vì sao thế? Vì pháp giới như như tự tánh vô sở hữu vậy.

Vô Biên Huệ! Các Đại Bồ-tát nghe ta nói như vậy thì ở nơi nghĩa lý tất cả pháp giới được vô biên ánh sáng đại pháp. Do ánh sáng pháp được vô sanh nhãn, mau chóng viên mãn Mười lục, Mười tám pháp bất cộng của Phật”.

Người tu hành không trụ đầu một chút pháp nhỏ, và vì không trụ, nên tâm tương ưng với pháp giới như như bất động và ánh sáng đại pháp. Pháp giới như như bất động, nói theo Bát-nhã Tâm kinh, thì “không sanh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm”. Pháp giới vốn như như bất động, ánh sáng đại pháp vốn đầy khắp pháp giới ấy, chỉ vì có chỗ an lập, có chỗ trụ, có chuyển động của tâm thức mà thành ra sanh tử chuyển động, biến hoại. Như luận Đại thừa Khởi tín nói: “Tâm sanh thì thấy thấy pháp sanh, tâm diệt thì thấy thấy pháp diệt”.

Tâm diệt là bản tánh của tâm, vốn là tịch diệt, là như như bất động. Pháp giới như như bất động chính là bản tánh của tâm, đó là Nền tảng để Bồ-tát tu hành tánh Không. Tu hành tánh Không tức là đưa tâm thức tạo ra sanh tử trở lại với nền tảng Không, bản tánh Không của tâm thức, cũng tức là pháp giới như như bất động:

Tất cả các Bồ-tát
Chẳng an trụ ở xứ
Bèn thấy được các pháp
Không an trụ, không mất.
Tất cả các Bồ-tát
Thấy pháp không chỗ trụ
Trong Phật pháp chẳng động
Trong Phật pháp chẳng cấu.
Tất cả các Bồ-tát
Thấy pháp không biến dị (đổi khác)
Trong Phật pháp chẳng động
Cũng chẳng có suy tìm.

Pháp giới như như bất động hay bản tánh của tâm ấy được đoạn sau của kinh gọi là Hải ấn tam-muội của tất cả pháp:

“Các Đại Bồ-tát có thể ở nơi tất cả pháp Hải ấn tam-muội mà chuyên cần tu tập, thấy tất cả pháp đồng với pháp giới... Do các giới của tất cả pháp hòa hiệp, phương tiện thiện xảo ở nơi các giới của tất cả pháp hòa hiệp mà không chấp bám, không phân biệt, cũng không chỗ động”.

Trong Hải ấn tam-muội của tất cả pháp, tất cả pháp đều không động. Tam-muội Hải ấn là đại định như cái ấn lớn như đại dương bao la in hình tất cả pháp, tất cả thế giới chúng sanh, và đại dương ấy không động, nên các pháp không động, Đại dương bất động ấy là cái ấn, ấn tất cả các pháp thành bất động. Đại dương bất động ấy chính là cái ấn của tánh Không khiến tất cả đều “vô sanh và vô diệt, không đến không đi”.

Tánh Không nên vô tướng
Tất cả không có khởi

Các uẩn xa lìa tướng
Lìa tướng thì vô sanh
Vô sanh thì vô diệt.

Hải ấn tam-muội của các pháp là các pháp “không chỗ động”, đây là vô sanh pháp nhãn của Bồ-tát. Khi thấy các pháp không chỗ động thì tâm cũng trở về nguồn bất động của nó. Nguồn bất động ấy là tâm vô niệm:

“Dùng ấn vô niệm ấn tất cả các pháp, nên Đại Bồ-tát phải nhập vào ấn môn vô phân biệt bình đẳng chân thật”.

Vô niệm là thấy tâm, ý, thức không sanh không diệt: “Tôi cũng chẳng thấy từ ai, do ai, chỗ nào, tâm ý thức của tôi hoặc có sanh hoặc có diệt”. Ở trong Hải ấn tam-muội thì thấy được như vậy.

Thấy tâm không động, như như bất động, đó là thấy bản tánh của tâm, “thấy Phật pháp”:

“Ở trong Phật pháp, lúc các Đại Bồ-tát không chỗ an lập, an trụ thì thấy Phật pháp. Không có an lập, không có chỗ trụ, cũng chẳng thẳng trụ, cũng không biến trụ, bèn thấy Phật pháp trụ. Vì sao thế? Vì chẳng khuynh động, vì chẳng lưu chuyển, vì chẳng biến dị vậy”.

Một người chứng ngộ không phải là không có tư tưởng, không có niệm. Nếu không có tư tưởng làm sao để sống ở đời này, để ăn cơm mặc áo, đi đứng nằm ngồi, thuyết pháp độ sanh? Vị ấy cũng có tư tưởng, nhưng tư tưởng ấy không lìa khỏi nền tảng hay cội nguồn của tư tưởng là vô niệm, nên tư tưởng ấy cũng là vô niệm.

Có tư tưởng, nhưng tư tưởng ấy “chẳng khuynh động, chẳng lưu chuyển, chẳng biến dị” vì tư tưởng ấy luôn luôn nằm trong nền tảng vô niệm chẳng khuynh động, chẳng lưu chuyển, chẳng biến dị của tâm thức. Cũng như những bọt sóng không hề lìa đại dương nên luôn luôn là một với bản tánh bất động của đại dương. Cũng như các bóng trong gương chẳng thể lìa ngoài ánh sáng của gương, “ánh sáng của đại pháp”, nên các bóng luôn luôn là ánh sáng bất động của gương, ánh sáng bất động của đại pháp. Trụ nơi bóng thì thấy bóng động, trụ nơi gương bao la toàn khắp thì tất cả chỉ là gương bất động.

Hiện giờ chúng ta sống trong tướng và niệm cho nên chúng ta thấy tướng và niệm to lớn và thật, nhưng nếu chúng ta sống trong đại dương bản tánh của tâm thì chúng chỉ là những bọt nước, vừa sanh liền diệt, chúng tiêu tan ngay khi chúng sanh khởi, nên tất cả chỉ là đại dương không sanh không diệt. Nếu an trụ trong đại dương thì thấy bọt sóng không có sanh không có diệt. Cũng thế, nếu an trụ trong bản tánh như như bất động của tâm thì thấy, “không thấy tâm ý thức hoặc có sanh hoặc có diệt”.

Nếu trong đời sống hàng ngày, không có an lập, không có an trụ nơi các tướng, các niệm, thì thấy các tướng chính là tánh, các niệm chính là bản tánh vô niệm, thấy “các sắc tức là Không, Không tức là các sắc”.

Đó là “thấy Phật pháp, thấy Phật pháp trụ”. ■



Hương sen

ĐỖ HỒNG NGỌC

Từ Bi Hỷ Xả

Tôi đọc được những dòng này của một thiếu nữ 15 tuổi trên một tờ báo dành cho tuổi mới lớn.

Em viết về mẹ của mình.

"15 tuổi, tôi không còn quá nhỏ để mẹ lúc nào cũng chú ý 'chi li' từng việc như: 'Tôi ăn cơm chưa, tôi... tắm chưa và bạn của tôi là những đứa nào?...!'

15 tuổi, mẹ vẫn còn đưa đón tôi đi học... Tôi xấu hổ với bạn bè, còn mẹ thì lo sọc xe cộ đông đúc...

Bao nhiêu lần tôi muốn hét lên: 'Mẹ đừng kỳ vọng gì vào con cả!'

Bao nhiêu lần tôi muốn buông xuôi... để mẹ biết rằng tôi đã lớn và có thể quyết định những thứ ngoài 'vòng kim cô' của mẹ.

Nếu có một điều ước, tôi chỉ muốn mình được... 'tự do'."

Tôi đọc mà buồn quá! Mẹ mà không được kỳ vọng gì vào con cả thì kỳ vọng vào ai? Ai có thể đỡ đần cho mẹ lúc già nua tuổi tác? Ai có thể lo lắng cho mẹ lúc ốm đau bệnh hoạn? Ai có thể chia ngọt sẻ bùi với mẹ lúc canh vắng đêm dài, với bao nỗi lo toan, nhọc nhằn không nói nên lời?

Tôi hiểu trong một lúc quá đỗi bực mình nào đó, em đã thốt lên những lời đau xót này với mẹ. Tôi chắc rằng, một ngày kia, khi tuổi đời thêm chồng chất, đọc lại những dòng này em sẽ vô cùng hối hận. Tôi hiểu rằng rồi đây khi đến lượt mình bế trên tay một đứa con đỏ hồng, rút ra từ núm ruột của mình thì em sẽ thấm

thía nghĩ về mẹ mình ngày xưa, lúc đó nhiều khi mẹ đã không còn nữa! Tôi chắc rằng người mẹ khi đọc những dòng này của em sẽ không hề khóc, sẽ chỉ trù mền nhìn đứa con thân yêu từ núm ruột mình rút ra kia đang hồn dỗi và càng thương nó hơn. Khi nhìn con đã ngủ ngon lành sau cơn phiền muộn, mẹ sẽ kéo tấm chăn mỏng đắp thêm cho con, vuốt lại tóc con cho ngay ngắn, len lén hôn lên trán con thật nhẹ, rồi rón rén bước đi...

Nhớ lại những ngày xưa, mẹ có thể mỉm cười... Những lúc bú mớm con cũng đã từng cắn mẹ đau điếng! Những lúc bệnh hoạn con cũng làm mẹ thức thâu đêm. Con ho mà mẹ ran lồng ngực. Con ỉa chảy mà mẹ đau thắt ruột gan. Mẹ không ngại ngần hỏi hám, vấy bẩn để chăm sóc con. Có lúc ngủ mùi phân của con, có lúc ngủ mùi nước tiểu của con để theo dõi bệnh trạng báo cho bác sĩ. Sữa mẹ là những tế bào thân xác mẹ vỡ ra mà thành. Mẹ xanh xao đi để con được hồng hào. Mẹ lùn thấp xuống để con được cao lớn lên. Mẹ loãng xương để con được cứng cáp. Mẹ nhăn nheo để con đầy đặn. Mẹ xấu xí từng ngày để con ngày càng rạng rỡ xinh tươi. Nhìn con lớn lên mẹ nhìn thấy mẹ ngày xưa. Con nói bi bô, con đi lững thững từng bước một... ngày nào! Mẹ hạnh diện nhìn con như dòng sông hạnh diện nhìn dòng nước chảy. Mẹ không kỳ vọng vào con thì kỳ vọng vào ai?

Rồi một ngày nào đó, chắc chắn con sẽ được "tự do"... , con sẽ thoát khỏi "vòng kim cô" của mẹ, không cần phải có một điều ước!

Sẽ không còn ai nữa chú ý "chi li" đến từng việc của

con, ăn cơm chưa, tắm chưa, và bạn con là những đứa nào...

Cho nên, tôi nghĩ ngay bây giờ em đã có thể ôm lấy mẹ và nói với mẹ rằng: Mẹ ơi, mẹ cứ kỳ vọng vào con đi! Nhưng đừng tạo sức ép, đừng làm con quá đỗi lo âu. Con đã lớn rồi! Con sẽ không phụ lòng mẹ đâu! Mẹ cứ kỳ vọng vào con đi!

* * *

Khi một bà mẹ mang thai đứa con trong lòng, một tình thương vô bờ bến đã tràn vào tâm hồn bà, một tình thương vô điều kiện, sẵn sàng chấp nhận, hy sinh, để bảo vệ đứa con, sẵn sàng làm mọi thứ tốt lành cho đứa con. Không đợi khoa học chứng minh thai nhi vài ba tháng tuổi trong bụng mẹ đã có thể nghe, có thể hiểu, bà mẹ bằng trực giác đã biết ân cần với con, biết hát ru con, biết trò chuyện với con. Khi con máy đạp, dù bị khó chịu bà vẫn vui mừng không xiết, mồm sống đã cựa mình, đã quậy phá, và bà mỉm cười với nó, nhẹ nhàng với nó, hãnh diện vì nó. Ông bố cũng vậy, sẵn sàng bỏ rượu, bỏ thuốc lá... vì con theo lời khuyên của bác sĩ. Vợ chồng trở nên dịu dàng trong lời ăn tiếng nói để con không bị vấy bẩn tâm hồn ngay còn trong trứng nước. Đây là một thứ tình

thương không bờ bến, hoàn toàn vô điều kiện. Có phải là "Tử" đó chăng?

Rồi khi con bi bô, chạy nhảy chơi đùa, u đầu sút trán, tróc vảy trầy da, ông bố bà mẹ nào cũng đau cái đau của con, đau còn hơn con, muốn đau thay cho con mà không được! Dĩ nhiên không phải là lòng thương hại. Quan tâm, chăm sóc, làm giảm đau, và... không quên dạy dỗ con biết phòng tránh sau này. Có phải là "Bi" đó chăng?

Rồi con lớn lên, đi học, lớp này lớp khác, đạt thành tích này thành tích khác trong học tập, thể thao, văn nghệ, bố mẹ nào chẳng hân hoan sung sướng nhìn con, chia sẻ cùng con nỗi mừng vui, không hề có chút lòng ganh tị! Vui cái vui của con như của chính mình, còn hơn cả của chính mình. Có phải là "Hy" đó chăng?

Rồi khi con lớn khôn, ra trường, có sự nghiệp, có gia đình riêng, hạnh phúc riêng, người làm cha mẹ nào cũng cảm nhận được sự bình an, hạnh phúc, thấy mình đã làm hết những gì cần làm cho con, cũng ý thức được giới hạn của mình từ đây. Dĩ nhiên vẫn tiếp tục giúp đỡ với tấm lòng rộng mở. Có phải là "Xả" đó chăng?

Từ Bi Hỷ Xả chính là cách mà cha mẹ đã dành cho con cái suốt cả cuộc đời đó vậy. ■



Đại sư Tinh Vân và tổ chức Phật Quang Sơn Quốc tế

THÍCH NGUYỄN TẠNG

Năm 1967, tại Đài Loan, tổ chức Phật Quang Sơn (Buddha's Light International Association - BLIA/PQS) ra đời dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng Tinh Vân. Người ta cho rằng PQS là tài sản quý báu của phương Đông và là một minh chứng hùng hồn của diện mạo Phật giáo ở thế kỷ XXI này như là một tôn giáo, một nền văn hóa, giáo dục, một tổ chức từ thiện và là một cảnh quan hấp dẫn cho mọi người trong xã hội. Như vậy, PQS là một tổ chức như thế nào? Trong bài viết này, chúng tôi cố gắng giới thiệu một số nét chính của tổ chức và người khai sáng, lãnh đạo PQS.

Đôi nét về Hòa thượng Tinh Vân, người khai sáng và lãnh đạo Phật Quang Sơn

Hòa thượng Tinh Vân (Most Venerable Hsing Yun, 和尙星雲), thế danh là Lý Quốc Thâm (Li Kuo Shen, 李國深), sinh ngày 22-07-1927 (Đinh Mão) tại Giang Tô (Chiangsu, 江蘇), Trung Quốc. Thân phụ là cụ Lý Thành Bảo (Li Cheng Pao, 李成寶) và thân mẫu là cụ Lưu Ngọc Anh (Liu Yuying, 劉玉英). Ngài là người con thứ ba trong một gia đình có bốn anh trai và một chị gái. Năm lên 5 tuổi, ngài đến ở với bà nội và bắt đầu ăn chay. Tám tuổi đi học trường làng và năm 13 tuổi đi xuất gia với Hòa thượng Chí Khai (志開) tại chùa Thê Hà (Chí Sia, 棲霞) với pháp danh là Ngô Triệt (Wu Che, 悟徹), về sau trở thành đệ tử thứ 48 thuộc dòng Thiền Lâm Tế của Thiền tông Trung Hoa. Năm 1947, ngài theo học Đại học Phật giáo Triệu Sơn (Chiao Shan, 趙山). Năm 1948, ngài đến trụ trì một ngôi chùa ở Nam Kinh và làm Chủ bút một tờ báo Phật giáo. Năm 1949, nội chiến bùng nổ trong nước, Hòa thượng đến Cơ Long (Keelung, 基隆) ở Đài Loan và trú ngụ tại chùa Viên Quang (Yuan Kuang, 圓光). Tại đây ngài đã cho xuất bản cuốn sách đầu tay của mình là "Tiếng Hát Trong Thảm Lặng" (*Singing in silence*). Năm 1950, ngài bắt đầu học tiếng Nhật và làm chủ bút tờ nguyệt san "Đời sống" (*Life*); năm 1953, cho in quyển "Kinh Phổ Môn"; năm 1954, ở chùa Đài Âm (Tei Yin Ji, 台陰寺) và bắt đầu đi thuyết giảng ở các vùng nông thôn và trại giam; năm 1955 đi diễn thuyết khắp Đài Loan và cho in quyển "Lịch Sử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni"; năm 1956 xây dựng một giảng đường và thành lập trường mẫu giáo Phật pháp đầu tiên tại Đài Loan; năm 1957, thành lập và làm Chủ bút tờ tuần san

"Giác Thế"; năm 1959, thành lập Hội từ thiện Phật giáo ở Sanchung, cho in quyển "Đức Phật Thích-ca và mười Đại Đệ tử"; năm 1960, in "Kinh Giác Ngộ"; năm 1963, chiêm bái Phật tích Ấn Độ và các nước Phật giáo ở Á châu, gặp vua Phật tử Thái Lan Bhumibol (1927-2016); năm 1964, in bộ *Từ Điển Phật Học Hoa-Anh*; năm 1967 khởi công xây dựng PQS (Buddha's Light Mountain), xây dựng Phật học viện Thọ Sơn (Shou Shan, 壽山) và thành lập Trường Phật pháp Chủ nhật cho thiếu nhi; năm 1970, xây dựng Ni viện Tây Dã Đạt (Tatzu, 西野達); năm 1971, khánh thành Giảng đường Đại Từ bi và được bầu vào chức Chủ tịch Hội Phật giáo Trung-Nhật; năm 1973, thành lập Viện Nghiên cứu Phật giáo Trung Hoa; năm 1975, tổ chức thuyết giảng ba ngày tại Hội trường Nghệ thuật Quốc gia, trụ sở của Chính phủ Đài Loan; năm 1976, phát hành tờ *Phật Quang học báo*, xây dựng Trường Phật học Phổ Môn, in bộ *Đại tạng Phật Quang* và tổ chức lễ khánh thành tượng đài 10.000 vị Phật tại PQS; Năm 1978 được trao văn bằng tiến sĩ danh dự tại Trường Đại học Đông Phương, Hoa Kỳ; được bầu vào chức Chủ tịch Hội Phật giáo Quốc tế về Xã hội; năm 1979, cho in tờ tạp chí "Phổ Môn" (*Universal Gate*) và phát chương trình "Cam Lộ" trên Đài Truyền hình Đài Loan; năm 1980 được bầu vào chức Chủ tịch Hội Nghiên cứu Văn hóa Ấn Độ tại Đại học Văn hóa Trung Hoa; năm 1981, là Giáo sư thỉnh giảng khoa Triết học Phật giáo tại Đại học Trung Hoa; năm 1982, tổ chức Hội nghị Phật giáo Quốc tế lần thứ 5 tại Đài Loan; năm 1984, xây dựng Đại học Phật giáo tại chùa Pháp Hiển, Cao Hùng; năm 1987, thành lập và làm Chủ tịch Hội Thanh niên Phật tử Hoa Kỳ; năm 1988, khánh thành chùa Tây Lai (Hsi Lai Temple, 西來寺) tại Mỹ và cho in bộ *Bách khoa Phật Quang Đại Từ điển*; năm 1989, tổ chức Đại hội Thiền học Quốc tế tại PQS; năm 1990, Phó Tổng thống Mỹ Al Gore viếng thăm PQS và sau đó Hòa thượng tổ chức đi hoằng pháp tại châu Mỹ và châu Âu; năm 1992 thành lập Hội Phật Quang Sơn Quốc tế (The Buddha Light International Association), tổ chức chuyến hoằng pháp đầu tiên tại châu Phi; năm 1994 được công nhận là công dân danh dự Hoa Kỳ và cho in bộ *Nhật Ký* (20 quyển); từ năm 1994 đến nay (2017), Hòa thượng Tinh Vân dành nhiều thời gian để phát triển Phật giáo tại các quốc gia phương Tây thông qua Hội Phật Quang Sơn Quốc tế, một tổ chức Phật giáo gây ấn tượng rất



manh mẽ đối với thế giới phương Tây (Hội đã tổ chức đại hội thường niên tại Canada, Úc, Pháp, Mỹ).

Một số nét chính của tổ chức Phật Quang Sơn Quốc tế

1. Tổ chức Phật Quang Sơn vì nền giáo dục và văn hóa Phật giáo

Tổ chức PQS được thành lập không chỉ quan tâm đến lãnh vực giáo dục mà còn cung cấp những chương trình văn hóa đến với con người thông qua lời Phật dạy. Trên cơ sở đó PQS đã đến với hàng vạn người trên khắp thế giới. Công việc chính của Hội về mặt giáo dục gồm có: 1. Bảo trợ các cuộc mít tinh, hội thảo về văn hóa và giáo dục cộng đồng. 2. Bảo trợ các hội thảo, hội nghị giáo dục phổ cập và giáo dục Phật giáo trong và ngoài nước. 3. Tuyển chọn và đào tạo Tăng, Ni tài năng để đại diện cho PQS đi hoằng pháp trên khắp thế giới. 4. Cung cấp tài chánh để in ấn kinh sách Phật giáo vì mục đích phát triển Chánh pháp đem lại hạnh phúc, an lạc cho mọi người. 5. Bảo trợ các cuộc trao đổi về văn hóa và giáo dục của xã hội. 6. Những hoạt động văn hóa khác có liên quan đến Phật giáo...

Từ lúc khởi đầu, tổ chức PQS có những phát triển tích cực và những ủng hộ khác nhau về hoạt động văn hóa. Năm 1988, PQS đã bảo trợ các hoạt động như sau: Bảo trợ Hội Nghệ sĩ Đài Loan triển lãm thư pháp; tổ chức in bộ *Trung Hoa Bách khoa Phật giáo*; bảo trợ hội nghị về triết học lần thứ 18 được tổ chức tại Anh quốc; bảo trợ Đại hội Liên hữu Phật giáo Quốc tế lần thứ 16 tổ chức tại Mỹ, và lần thứ 20 tổ chức tại Úc tháng 10 năm 1998. Từ năm 1989 đến nay, PQS đã bảo trợ cho các hoạt động như giúp đỡ trao học bổng cho các học giả nổi tiếng đến tu nghiệp tại Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ và các nước ở châu Âu; bảo trợ cho các trại hè PQS và các buổi hội thảo Phật giáo; bảo trợ cho báo *Chinese Daily* trong chiến dịch bài trừ ma túy; tổ chức cuộc thi giáo lý cho Phật tử thế giới vào năm 1991, bao gồm 65 phòng thi cho 50.000 Phật tử trên khắp thế giới về dự thi.

2. Phật Quang Sơn với Đại tạng kinh Trung Hoa và Phật Quang Đại Từ điển

Con người thời nay thường gặp khó khăn và tỏ ra chán nản khi gặp những bản kinh cổ, vì khó đọc và rất khó hiểu. Nhìn thấy việc này, năm 1977, Đại sư Tinh Vân đã thành lập một Ủy ban Biên tu Đại tạng kinh với sự tham gia của những bậc Trưởng lão đủ tài đức và những học giả nổi tiếng. Nhiệm vụ của Ủy ban này là chuyển dịch lại bộ Đại tạng trong một dạng ngôn ngữ hiện đại, với hy vọng rằng kỳ ấn hành mới này sẽ giúp cho người đọc dễ hiểu hơn. Ngoài công trình Đại tạng PQS, PQS còn cho phát hành bộ *Phật Quang Bách khoa Đại Từ điển* in năm 1988 sau mười năm làm việc cực nhọc. Năm 1978, Hòa thượng Tinh Vân khởi xướng công trình biên soạn bộ *Phật Quang Đại Từ điển*, Ngài đã thành lập một Ủy ban biên tu gồm 20 Tỳ-kheo-ni

do Sư bà Từ Di làm trưởng ban. Công trình biên soạn này đã quy tụ trên hai trăm người tham gia, phần lớn là xuất thân từ PQS Học viện. Năm 1988, công trình đã hoàn thành. Đây là một bộ từ điển Phật giáo tập hợp được hàng trăm nghìn tư liệu, gồm 9 quyển, 23.000 mục từ, 7.000.000 thuật ngữ và 5.000 hình ảnh, biểu đồ nhằm giải thích từ cạn đến sâu, bổ túc cho những chỗ văn tự giải thích chưa hết, chưa đủ.

3. Nhà xuất bản Phật Quang Sơn

Với mục đích truyền bá giáo lý, từ năm 1959, Nhà xuất bản Phật Quang Sơn đã ấn hành hơn 3.000 kinh sách, các loại băng cassettes và băng video bằng tiếng Hoa, Anh và Triều Tiên. Ngoài việc phát hành nhiều ấn phẩm khác nhau như kinh điển, lịch sử, văn học, nghi lễ, báo chí, nghệ thuật, sách tham khảo, truyện ngụ ngôn, truyện cổ tích, truyện tranh... cơ quan này còn ấn tống hàng trăm nghìn đầu sách và băng giảng để phát không cho Phật tử trên khắp thế giới. Chẳng hạn năm 1992, có 200.000 đầu sách các loại được ấn tống; 200.000 băng giảng và 30.000 băng video cũng được ấn hành.

4. Trung tâm Nghe Nhìn Phật Quang Sơn

Với mục đích truyền bá lời Phật dạy đến khắp tất cả mọi người để họ có được sự an lạc và hạnh phúc từ giáo pháp nhà Phật, Hòa thượng Tinh Vân đã cho thành lập Trung tâm Nghe-Nhìn PQS từ năm 1998. Trung tâm có đủ mọi thiết bị máy móc hiện đại để thu, sang và chế tạo các loại băng hình để phục vụ cho cộng đồng. Nổi bật nhất là Đài Truyền thanh PQS, từ thành thị đến thôn quê, từ miền duyên hải đến cao nguyên, mọi người ở Đài Loan đều có thể nghe được tiếng nói Phật giáo của



đài phát thanh này. Đặc biệt là Đài Truyền hình Phật Quang, từ năm 1962 đến nay PQS đã ký hợp đồng với Đài Truyền hình Đài Loan - TTV - để phát đi chương trình Phật giáo của tổ chức này vào mỗi buổi tối. Bằng phương tiện truyền thông hiện đại như thế, lời Phật dạy đã được truyền đi khắp nơi để cho mọi người dân nghe thấy và nâng cao đời sống tâm linh của họ. PQS là tổ chức Phật giáo đầu tiên trên thế giới quản lý công việc bằng máy tính và mạng lưới internet.

5. Tạp chí Giác Thế và tạp chí Phổ Môn

Tạp chí *Giác Thế* (*Awaken The World*) là một chiếc cầu nối giữa tổ chức PQS và thành viên, tín đồ của tổ chức này trên khắp thế giới. Mục đích chính của tờ báo là để thăng hoa đời sống tinh thần của mọi người, để đánh thức con người và để làm lợi ích cho đời. Trong 30 năm, tờ báo là món ăn tinh thần của hàng vạn độc giả trên khắp thế giới. Hàng năm có hơn 36 triệu tờ được phát đi. Hiện nay tờ báo được phân phối cho trên 42 quốc gia và hy vọng rằng con số quốc gia đặt báo sẽ gia tăng trong một tương lai gần. Thứ hai là tạp chí *Phổ Môn* (*Universal Gate*). Tạp chí này được phát hành lần đầu tiên vào 1979 cũng do Hòa thượng Tinh Vân làm Chủ bút. Hiện nay tờ báo được phát hành đi trên 30 quốc gia, bao gồm ở châu Âu, châu Mỹ và Đông Nam Á... Cả hai tờ báo trên đều ấn hành bằng tiếng Hoa, nhưng mỗi số đều có bản tóm tắt bằng tiếng Anh.

6. Nhà sách Phật Quang Sơn

Dựa trên bốn mục đích của PQS để cho người được

niềm tin, hạnh phúc, hy vọng và thuận lợi, PQS đã xây dựng nhiều nhà sách và cửa hàng bán quà lưu niệm. Điều đó rất thuận lợi cho Phật tử đi mua sắm: kinh sách, pháp khí, băng giảng, tranh tượng... Mục đích chính là giúp cho mọi người có cơ hội đọc nhiều kinh sách hơn để họ vun vén Phật tánh, thanh lọc thân tâm và mang lợi ích đến cho xã hội. Hiện nay ở Đài Loan có bốn nhà sách lớn và ở tiểu bang California có một nhà sách được thành lập từ năm 1991.

7. Viện Bảo tàng Văn hóa Phật giáo Phật Quang Sơn

Hòa thượng Tinh Vân xây dựng viện bảo tàng (VBT) này năm 1965 để tái dựng thời kỳ phục hưng văn hóa Phật giáo, để tuyên dương lịch sử Phật giáo và bảo vệ các bộ sưu tập điêu khắc, chạm trổ Phật giáo. Trong 30 năm qua, PQS đã sưu tập nhiều cổ vật nghệ thuật quý hiếm của PG, chia thành nhiều loại, rồi trưng bày trong VBT với mục đích giúp cho khách tham quan thưởng lãm, hiểu đúng và chính xác về nghệ thuật Phật giáo cũng như cốt lõi của văn hóa Phật giáo. Xây dựng từ năm 1973 đến 1983, VBT đã hoàn thành với diện tích rộng 4.800m². VBT đã trưng bày tượng Phật, Bồ-tát, các vị La-hán được điêu khắc, chạm trổ trên nhiều vật liệu khác nhau như gỗ, đá, đồng, gốm, sứ, ngọc bích... được sưu tập và đem về từ nhiều quốc gia khác nhau. Thêm vào đó có nhiều cổ vật quý hiếm, tranh ảnh, thư pháp... VBT PQS là một kho tàng quý báu để cho mọi Phật tử trên khắp thế giới về thăm viếng và tìm hiểu về nghệ thuật và văn hóa Phật giáo quốc tế.

8. Thư viện Phật Quang Sơn

Phật dạy: *"Bằng phương tiện lắng nghe, suy nghĩ và tu tập, mọi người đều có thể tự giác ngộ và thành Phật"*. Học tập kinh điển là một trong những Bồ-tát hạnh quan trọng. Để khuyến khích cho tín đồ học tập chăm chỉ, Hòa thượng Tinh Vân đã xây dựng nhiều thư viện và phát hành nhiều loại kinh sách để cho Phật tử thuận tiện học hỏi. Vì thế PQS và tất cả mọi chi nhánh khác trên thế giới đều có xây dựng thư viện PQS và phòng học giáo lý, không phải cho riêng tín đồ Phật giáo mà cho tất cả mọi người muốn tìm hiểu đạo Phật và thăng hoa trí tuệ của họ. Hiện nay có 4 thư viện Phật giáo cộng đồng cho dân chúng Đài Loan và 12 thư viện khác dành cho sinh viên Phật học đọc và nghiên cứu.

9. Phật Quang Sơn với công cuộc hoàng pháp

PQS rất nỗ lực trong việc truyền bá lời Phật dạy trong mọi phương tiện tích cực nhất. Khởi đầu PQS đi diễn thuyết khắp Đài Loan, sau đó mở rộng sang các nước Đông Nam Á, rồi qua châu Âu và châu Mỹ, từ chùa đến trường học, từ tổ chức chính phủ đến tổ chức tư nhân, từ nhà tù đến trung tâm quân sự... PQS đều quan tâm và đến thuyết giảng. Những năm gần đây, hình thức thuyết giảng của PQS đã được cải thiện tối đa và được công chúng khắp nơi thừa nhận. Những cơ sở tự viện, chi nhánh của PQS, các khóa dạy Thiền, tập huấn thuyết giảng, câu lạc bộ Ưu-bà-di, gia đình thanh niên Phật tử, các lớp dạy cắm hoa, dạy nấu ăn, dạy vẽ tranh, thư pháp... được tổ chức cho tín đồ đến tu học cùng nhau và tiếp xúc với nhau. Trong các năm qua PQS đã tổ chức nhiều hoạt động khác nhau để truyền chất Phật vào đời, cụ thể là tổ chức thuyết giảng và biểu diễn văn nghệ Phật giáo tại Đài Loan và gửi các đoàn Giảng sư đi thuyết giảng. Trong mỗi dịp như vậy thính giả có hơn 10.000 người đến nghe. Vào tháng 10-1990, có khoảng 70.000 người đến nghe Hòa thượng Tinh Vân thuyết giảng trong ba đêm liên tiếp tại sân vận động ở Hồng Kông. Sự kiện này đã gây chấn động mạnh mẽ và đánh thức quần chúng quan tâm đến giáo lý nhà Phật.

10. Phật Quang Sơn với công tác đào tạo Tăng tài

Theo số liệu thống kê từ năm 1994 đến nay, người xuất gia tu học tại PQS có trên 1.000 vị, trong đó có 300 Tăng sinh và 900 Ni sinh. Trung bình hàng năm con số này được nâng lên 100 vị. Phần lớn tuổi từ 21 đến 40, 70% là đều tốt nghiệp đại học, trong đó có 35 vị có bằng cao học và 3 vị có bằng tiến sĩ. Hầu hết là người Đài Loan và có trên 10% là Tăng Ni ngoại quốc đến từ Hồng Kông, Indonesia, Malaysia, Nepal, Singapore, Thailand, Việt Nam, Pháp, Hoa Kỳ và nhiều nước châu Âu khác. Hòa thượng Tinh Vân cho rằng *"Phật giáo phải là hiện đại, tiến bộ và sinh động, nó không phải là một bức tranh u sầu, âm đạm và buồn chán"*. Ngài nói *"Phật giáo cần có giới trẻ và những người trẻ tuổi cũng cần đến Phật giáo"*. Theo học tại Trường Đại học PQS phần lớn là Tăng Ni sinh trẻ tuổi, yêu đời, tự tin và cống hiến. Hòa

thượng Tinh Vân đã ban tặng cho các tu viện Phật giáo Trung Hoa một không khí sinh hoạt hoàn toàn mới mẻ.

11. Chùa Nam Thiên tại Australia, một công trình quy mô của PQS ở nước ngoài

Từ ngày thành lập Hội PQS đến nay, số lượng người theo quy y (hơn 1 triệu người) và hành trì Phật pháp ngày càng đông trên khắp thế giới. Với sự lãnh đạo tinh thần tài đức của Hòa thượng Tinh Vân, 120 chi nhánh được dựng lên ở khắp năm châu lục; một trong những công trình điển hình là chùa Nam Thiên (Nan Tien Temple), một ngôi chùa PG lớn nhất ở vùng Nam bán cầu, tọa lạc tại thành phố Wollongong, tiểu bang New South Wale, Australia, khánh thành năm 1995 với tổng chi phí xây dựng là 50 triệu đô-la Mỹ. Chùa Nam Thiên đóng một vai trò quan trọng như là một chiếc cầu nối liền giữa các nền văn hóa Đông-Tây, được xây dựng theo kiểu phối hợp giữa kiến trúc cổ truyền của phương Đông và hiện đại của phương Tây, đem truyền thống cổ xưa hòa vào với những cái độc đáo của thời hiện đại để tạo nên một cái chung nhất.

12. Kỷ niệm quán Phật-đà

Đây là công trình mới nhất của Phật Quang Sơn, tọa lạc ngay tại Phật Quang Sơn, Cao Hùng, Đài Loan, sau 9 năm xây dựng mới viên thành. Ngày 25-12-2015, Tổng thống Đài Loan, ông Mã Anh Cửu, đã đến dự và cắt băng lạc thành "Kỷ niệm quán Phật-đà" với diện tích 100 ha, lưng tựa vào núi, mặt hướng ra sông nước, tạo nên một quần thể kiến trúc hùng vĩ, sơn thủy hữu tình, đẹp như tranh vẽ. Khách tham quan đi qua Chánh Quán là con đường "Thành Phật Đại Đạo" rộng thênh thang thẳng tắp. Cuối đường là "Quảng Trường Bồ Đề", phía sau là tôn tượng "Phật Quang Đại Phật" ngồi bằng đồng cao nhất thế giới, với chiều cao 108m. Bên trong Kim thân Đại Phật, tôn trí 100.000 bản Tâm Kinh viết tay. Pháp bảo quý báu nhất ở đây là Xá-lợi Răng của Phật, hiện nay được tôn trí trong điện Phật Ngọc để Phật tử khắp mười phương về đây chiêm bái. Đặc biệt, Kỷ niệm quán Phật-đà tại Đài Loan có tám Bảo tháp, biểu trưng cho "Bát Chánh Đạo" và bốn Chánh Giác tháp tượng trưng cho "Tứ Thánh Đế".

Lời kết

Với tôn chỉ *"Hãy để cho ánh hào quang của Đức Thế Tôn tỏa sáng đến ba nghìn cõi giới và ánh sáng của Chánh Pháp được truyền bá đến khắp năm châu bốn biển"*, ngài Trưởng lão Hòa thượng Tinh Vân đã một phần nào đạt được ước nguyện hoàng pháp của mình, mong rằng thế hệ kế thừa của ngài tiếp tục gánh vác Phật sự để cho bánh xe Chánh pháp lăn chuyển mãi mãi về sau. ■

Tổng hợp từ các tài liệu: *Our Report: What has Fo Kuang Shan achieved (1991), Buddha's Light Newsletter từ 1991 đến 2016; Fo Guang Shan Monastery Worldwide Web: <https://www.fgs.org.tw/en> (2017).*



Chọn pháp môn tu

ĐỨC HẠNH

Con người quay về đạo Phật, nếu thật sự tìm cầu cho mình con đường giải thoát sinh tử luân hồi, đều phải tri hành từng bước theo chủ trương của đạo Phật. Trước hết phải quy y Tam bảo và tiếp nhận giới luật Phật, hành trì giới luật mới đúng ý nguyện quay về. Sau đó, phải học Phật pháp, và tu tập là điều kiện tất yếu. Phật pháp do chư Tăng giảng dạy, để cho các hành giả thấy được các chân lý và đạo giải thoát trong các pháp môn tu. Rồi tu hành theo đạo, sau khi đã ngộ lý. Hành theo đạo để giống như Phật. Giống như Phật, là giống như thế nào? Đó là tâm giác ngộ từng phần một, rồi đến phần hai, ba... Qua đây, cho ta biết thêm chữ học, là bắt chước làm theo. Học Phật, là bắt chước làm theo giống như Phật, đó là về tâm vô ngã, thanh tịnh, trống rỗng, là phương tiện giải thoát sinh tử, chứ không phải để được có chức quyền, danh lợi nào cả, vì trong đạo Phật không có danh, lợi...

Sau khi học và biết được bốn pháp môn cơ bản: Thiền, Tịnh, Mật, Quán niệm Chân như, các hành giả tự chọn cho mình một pháp môn tu chính và một vài pháp môn phụ được thích hợp với căn cơ, trình độ văn hóa và hoàn cảnh của mình, rồi tích cực học và tu tập ra giữa trường đời và tại gia.

Những pháp môn phụ như: Từ bi, Bát chánh đạo, Tứ đế, Mười hai nhân duyên, Tam ác đạo, Tứ nhiếp pháp, Nhân quả, Luân hồi... Ý nghĩa Sám hối, Ăn chay...

Pháp môn chính, pháp môn phụ

Tất cả pháp môn tu chính và phụ do Phật chứng đạo, nói ra năm thời suốt 45 năm, đều là những phương tiện hướng dẫn người tu tập để đạt tâm giác ngộ giải thoát. Vì là phương tiện, cho nên pháp môn nào cũng có chứa đựng cùng lúc hai lý chắc thật, đó là tục đế và chơn đế. Hành giả tu tập pháp môn cho mục đích được giác ngộ giải thoát, là phải nhìn thấy được chơn

để trong các pháp môn chính phụ mà mình đã chọn, rồi theo chơn đế, tức là dấu đạo vô ngã mà tu tập.

Chứ còn những ngôn từ diễn giảng nghĩa lý qua lại nhiều lần từ các bậc Tăng bảo tại đạo tràng hay trong các băng cassette, DVD, CD chỉ là lời tục đế, khế lý làm hiển lộ chơn đế (dấu đạo vô ngã) như ngón tay chỉ mặt trăng. Sau khi thấy mặt trăng rồi, ngón tay hết lý do tồn tại. Cho nên học pháp môn để tu là y cứ vào giáo pháp không y cứ vào người dạy. Y cứ vào trí, không y cứ vào thức. Từ đây cho ta thấy rằng pháp môn chính phụ đều có cùng một lẽ thật, đó là đạo lý vô ngã, chứ không sai khác nhau, không cách biệt nhau, gọi là tùy duyên bất biến. Do vì căn cơ trình độ của con người có khác nhau, nên Phật đã nói ra nhiều giáo pháp, nhiều lý lẽ, nhiều cách hướng dẫn, tùy duyên (tục đế) để làm sao cho hành giả được thấy chân đế là dấu đạo vô ngã, theo đó mà tu tập được giác ngộ giải thoát. Tu pháp môn nào cũng được thấy đạo lý vô ngã cả, chứ không phải pháp môn này có, pháp môn kia không.

Sở dĩ nói có pháp môn chính phụ như vậy, cũng chỉ là một cách hướng dẫn cho các hàng Phật tử thấy được những việc bố thí, cúng dường Tam Bảo, lập đạo tràng mời chư Tăng giảng kinh, ấn tống kinh điển, tụng kinh, các Phật sự tại chùa, và ngay cả những công việc văn hóa, xã hội, sinh hoạt tại thế gian... mà họ đã và đang làm bên cạnh tu Tịnh độ, Phật thất, Thiền định... đều là những pháp môn có liên đới mật thiết đến Thiền định, Tịnh độ, Mật tông, Quán niệm Chân như... đúng theo định lý Duyên khởi *"Một pháp môn có mặt trong tất cả pháp môn. Tất cả pháp môn có mặt trong một pháp môn"* gọi là viên dung các pháp.

Quy luật viên dung ấy là động cơ giúp cho con người đạt nhiều thành quả khả quan trong các cơ chế thuộc xã hội và các quả vị chứng đắc của các hành giả trong đạo Phật trên vận hành tu tập Phật pháp. Cho nên không thể tu tập một pháp môn, mà phải tu một vài pháp môn liên hệ. Giống như không thể ăn duy nhất một món cơm không, mà phải có ăn một vài thức ăn khác để giúp cho khẩu vị được tiết ra dịch vị giúp cho thiết thức (lưỡi miệng) có cảm giác ngon và giúp cho bộ tiêu hóa dễ làm việc một cách hanh thông, không bị táo bón.

Cũng như vậy, các hành giả đang trên bước đường *"kiến đạo tích vô ngã"* (thấy chơn lý vô ngã) bằng pháp môn của mình: Thiền định, Tịnh độ, Trì tụng thần chú Đà-la-ni, Quán niệm Chân như... đều phải tu tập các pháp môn phụ, để giúp cho tâm hành giả thêm vững mạnh. Nếu không nói rằng *các pháp môn phụ* được ví như các chất liệu *gạch, xi-măng, cát* xây dựng *dài sen* để bảo vệ *nhụy sen*, tức là tâm vô ngã, thanh tịnh bên trong được vững mạnh, đánh thức tâm hành giả trực tỉnh, không còn miên man trên dòng sóng chấp ngã ở công việc phụng sự đạo pháp, giúp đời độ sanh, bố thí cho tha nhân.

Chẳng hạn Định lý Duyên khởi, pháp môn phụ nhưng, được chứa đựng tư tưởng Vô ngã rất cao siêu: *"Nếu chúng ta chưa liễu ngộ được định lý Duyên khởi, thì chắc chắn chúng ta chưa có thể đạt được tâm vô ngã"*. Vì thế cho nên Đức Phật đã khẳng định: *"Vi không hiểu định lý duyên khởi đó, mà tâm con người bị rối như tơ vò, rối bù như cuộn chỉ, chẳng chịt như loài cỏ Munja"*. Đức Phật còn dạy thêm cho Phật tử chúng ta: *"Phàm làm các việc từ thiện xã hội, từ việc nhỏ đến việc lớn, đều được xây dựng trên tinh thần vô ngã"*. Hay là câu: *"Tất cả công việc cứu khổ độ sanh, mà quên phát Bồ-đề tâm, chỉ là việc làm của Ma vương"*.

Với hành giả tu tập Phật pháp cho mục đích tìm cầu con đường giải thoát bằng tâm vô ngã, hãy nhận thức những điều nói trên mà đưa tâm trở về thực tại tỉnh thức không trụ tâm ở các việc phụng sự đạo pháp, hóa độ chúng sanh để phá trừ ngã chấp mà hàng phục tâm và an trú tâm ở các việc bố thí không trụ tướng ở ba nguyên lý không; tức không thấy mình bố thí, của thí, và người nhận thí (Tam luân vô tịch); hay còn gọi là ba cấp Ba-la-mật, tức là vượt thoát những thứ ngã chấp, để qua bờ giải thoát.

Nguyên lý của những hành giả tu Tịnh độ niệm Phật A-di-đà hay tu Thiền định, thì tâm thường hằng an trú trong định. Hành giả tu tập thiền định, đối cảnh không trụ tướng (đối cảnh vô tâm). Hành giả tu niệm Phật, tâm không loạn động (một tâm niệm Phật A-di-đà, không có niệm khác xen kẽ. Gọi là niệm vô niệm. Nhưng sau đó, đa số thì lại quên, cho nên trên vận hành làm các công việc bố thí, hóa độ, Phật sự... tại chùa, ngoài xã hội mà tâm thức bị vọng động, ngã si, ngã mạn, ngã ái, bỉ thử, trụ tướng, trụ pháp... trụ không biết bao nhiêu thứ trụ, trụ pháp trụ tướng ở quá khứ và hôm nay... thì mức độ tâm định hành thiền, thanh tịnh niệm Phật trong giờ phút vừa qua, ngày qua, tuần qua đã biến thành hữu lậu (bị lọt trở lại lục đạo luân hồi), không đủ để lấp kín cái hố thẳm tâm vô đáy tràn đầy vô minh, ô nhiễm, trần cấu nói trên. Mỗi khi tâm bị đi vào những tánh hữu ngã như vậy, liền bắt nó tỉnh thức, trở về thực tại để lấy lại chơn tâm, không có gì là khó, đừng để nó triển miên trôi nổi trên biển tâm, đầy sóng tình hữu ngã.

Phương tiện được qua bên kia bờ giải thoát sinh tử là cái tâm thanh tịnh vô ngã, mà không có. Như vậy lấy gì để giải thoát? *Không qua thì ở lại bờ. Bờ bao nhiêu mét người chờ bấy nhiêu*. Đúng như lời Phật nói: *"Rất ít người qua bờ bên kia, số đông ở lại bên này, lẫn quần bên bờ"* (kinh Đại Tỳ-bà-sa).

Đúng như lời thơ: *"Tâm chưa Vô ngã, là chưa Phật thừa"*.

Kết luận

Nguyên lý của hành giả quay về đạo Phật với mục đích tìm cầu cho mình con đường giải thoát, thì *Không thể Không* ở hai việc lớn: Đó là quy y Tam bảo (có thọ

năm giới luật và mười giới tùy theo sở nguyện) và phải học và tu tập Phật pháp với chư Tăng, Ni ở bất cứ nơi đâu. Học Phật trước, sau mới đến chọn pháp môn tu. Tự mình, không ai chọn giùm. Pháp môn nào hợp với căn cơ, trình độ văn hóa và hoàn cảnh của mình, thì nên chọn. Pháp môn tự chọn là pháp môn chính. Có Bốn môn chính sau đây: 1. *Thiền định*, 2. *Tịnh độ*, 3. *Trì tụng thần chú Đà-la-ni*, 4. *Quán niệm Chơn như và Quán chiếu Vô thường*.

1. Pháp Thiền

Thiền, là pháp môn tối thượng thừa (cỗ xe tuyệt vời nhất) dành cho những hành giả có trình độ văn hóa cao, tâm hồn phóng khoáng, đại lượng, khoan dung, không bị những thứ ngã chấp chi phối, mới có thể tiếp nhận học và hành trì. Nguyên lý của Thiền thì rộng lắm. Người viết xin tóm tắt. Pháp Thiền, chính yếu, là tâm không trụ vào cảnh trần, thường hằng tỉnh thức, an trú trong chánh niệm, đối cảnh vô tâm... là những nền tảng xây dựng tâm Vô ngã, cho nên nhìn vào tất cả các pháp liền thấy ngay, thực tướng của chúng là vô ngã, không tự thể, được có bản thể là do các duyên giả hợp tạo nên, nên chi luôn bị định luật vô thường chi phối, làm tan rã, hoại diệt... Sau khi ngộ được ba chân lý *Vô ngã, Vô thường, Duyên sinh giả hợp*, hành giả luôn sống trong định một cách thường trực; tâm thường rỗng lặng, vô ngã trống không.

2. Pháp môn niệm Phật A-di-đà

Pháp môn này cũng không phải là ngắn, dành cho những hành giả có căn cơ và trình độ thấp. Nguyên lý của pháp môn Tịnh độ là *Tín, Hạnh, Nguyện*. Tín, nghĩa là có tâm tin vào tuyệt đối có cảnh Cực lạc thật sự ở phương Tây, cách đây qua mười muôn ức cõi. Nơi đó Đức Phật A-di-đà, là giáo chủ nước Cực Lạc. Đúng như lời Đức Thích-ca Mâu-ni nói: "Có tam thiên đại thiên thế giới (Ba ngàn thế giới lớn) ở ngoài không gian vô tận. Điều này, được các nhà khoa học không gian Âu Mỹ đã tìm thấy từ thế kỷ XIX, sau đó đã phổ biến nhiều hình ảnh hiện thực qua sách, báo, truyền hình. Chứng minh rõ nét, các phi hành gia Hoa Kỳ đã đổ bộ xuống mặt trăng vào mùa thu 1969. Tiếp tục khám phá sao Hỏa trong những năm qua, hành tinh có sự sống. Và gần đây nhất 2016, Cơ quan NASA Hoa Kỳ đã khám phá gần 1.300 hành tinh mới, có chín hành tinh giống trái đất có thể sống được.

Tin có thể giới Cực lạc rồi thì quyết tâm hành trì phương cách niệm Phật A-di-đà do chư Tăng, Ni hướng dẫn. Bên cạnh hành trì, hành giả luôn đem tâm phát nguyện vãng sanh về nước Phật A-di-đà. Phương tiện chính được vãng sanh Cực lạc là cái tâm không điên đảo (vô ngã), chứ không phải ý lại những thứ: "Có chút thiện căn được sanh làm người, gặp Tam bảo hiện tiền (Phật tượng, kinh điển Phật, chư Tăng) là cái duyên

đưa đẩy bản thân đi bố thí, cúng dường, là nhân tạo phước hữu lậu, mà cho rằng sẽ được vãng sanh Cực Lạc"! Hoàn toàn không được! Điều này được Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni khẳng định trong kinh *Di Đà*: "Xá-lợi-phất, bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức nhơn duyên, đắc sanh bỉ quốc". Có nghĩa là, không thể lấy chút thiện căn vốn có và phước đức, mà cho là nhờ cái nhân duyên ấy, sẽ được vãng sanh Cực Lạc!

3. Pháp môn tu Mật tông

Pháp môn này là trì tụng những thần chú Đà-la-ni. (Đại bi, mười chú liên đới nhau và một số thần chú khác như: *Úm ma ni bát mi hôm* (Án ma ni bát di hồng), *Ma ha tát, đát đa bát đát ra. Úm tê rê, tit tê rê, tu rê va ha...* Các hành giả tự chọn lấy những thần chú ưa thích nhất, rồi trì tụng. Tụng lúc đầu bằng lời, sau đó bằng tâm. Tư thế ngồi tụng giống như ngồi thiền. Thay vì hít thở ra vào, thì miệng tụng liên tục, đến lúc không hay biết gì chung quanh, chỉ nghe lời thần chú liên tục thật nhỏ vang dội trong tâm nhưng, thân rất tỉnh táo, không bị hôn trầm. Tư thế cứ như vậy ngày qua, tháng lại với thời gian năm năm, mười năm, hay lâu hơn nữa... Tâm hành giả Mật tông lúc bấy giờ không khác với các thiền sư đạt đạo. Được thấy qua những trạng thái, lời nói trong đối đãi thật hiền hòa, nhân ái, thương yêu, tôn kính mọi người từ thượng đến hạ một cách bình đẳng; nhưng những câu thần chú cứ hiện ra trong tâm, đôi khi hiển lộ ở đôi môi khi đứng, ngồi một mình, mà tâm vẫn thường hằng vô ngã, rỗng lặng. Chính là đạo cảm thông lên chư Phật, Bồ-tát không thể nghĩ bàn của những hành giả tu Mật tông (chư vị Lạt-ma Tây Tạng).

4. Pháp môn tu Quán niệm

Pháp môn này gần giống như Thiền quán ở tư thế thiền tọa, có hít thở bình thường, không chủ trương thở sâu vào, thở nhẹ ra. Trong lúc ngồi tĩnh tọa như vậy, đem tâm quán niệm vào bốn nơi, gọi là "Tứ niệm xứ": 1. Quán thân *bất tịnh*, tức là quán thấy thân thể mình và người rất dơ, nhớp, tanh hôi do máu thịt. 2. *Quán thọ thị khổ*, tức là thấy mình và mọi người không vui, mà chỉ có khổ bởi thân đang trên đà già nua, bệnh đau... nên chi tâm và thân luôn bị khổ. 3. *Quán tâm vô thường*, tức là thấy tâm ý mình và người luôn thay đổi hoài không ngừng nghỉ. Và mọi bản thể vạn hữu luôn bị thay đổi, không tồn tại lâu dài bởi định lý vô thường chi phối. 4. *Quán pháp vô ngã*, tức là thấy vạn pháp trên thế gian đều do vô số nhân duyên giả hợp tạo nên, không có vật nào độc lập, tự tạo nên bản thể.

Vấn đề đem tâm quán niệm vào các pháp có nhiều cách, do các hành giả tự tạo lấy. Chẳng hạn vào các nơi: Nghĩa địa, bãi thiêu xác người bằng củi (bên bờ sông Hằng Ấn Độ), lò thiêu bằng ga, nhà quàn, bệnh viện... Tại những nơi đó, các hành giả đã nhận ra định luật vô

thường đối với con người và vạn hữu một cách bình đẳng, không tha, miễn cho ai cả!

Sau nhiều lần đã thấy rõ mạng sống con người trên cõi đời này như sương mai, sớm chớp chiều hôm, sớm còn tối mất và vạn hữu cỏ cây, muôn loài vật... cũng như thế. Tất cả phải bị định lý vô thường hủy diệt, do vì vô ngã không tự thể qua quá trình quán chiếu mà ngộ được. Thấy được hai đạo lý vô thường, vô ngã rồi, tâm tư của những hành giả cảm thấy yếm ly, tức là thấy đời đáng chán, không đáng yêu. Từ đó, xả ly mọi thứ tham, sân, si, không còn những tính nhân ngã, ngã sở, ngã kiến, ngã ái nữa, phá trừ mọi thứ chấp ngã... Sống bằng tâm thanh tịnh, trống rỗng, vô ngã một cách thường hằng, dù cho trong lúc tu tập các pháp phụ, mà tâm ý vẫn an trú trong tinh thần vô ngã. Đang thực hành: Bốn cách thu phục (Tứ nhiếp pháp) ra xã hội.

1. Bố thí, giúp đỡ những người tàn tật, nghèo khổ bằng vật chất...

2. Ái ngữ, lời nói ôn hòa, thành thật có chứa đựng tình thương...

3. Lợi hành, dẫn thân vào xã hội, làm nhiều việc lợi ích cho mọi người về vật chất và tinh thần.

4. Đồng sự, cùng với các bạn đạo xông pha vào những nơi đang có người bị khổ nạn, mà ra tay cứu nguy một cách mau lẹ.

Mặc dù giáo pháp Phật có vô số lượng pháp môn, từ một phẩm kinh ngắn, dài, bài kệ bốn câu, đều có cùng một tính chất dinh dưỡng tinh thần trong đó, nếu con người tích cực quyết tâm thực tập sẽ có ngay niềm an lạc thanh thoát trong tâm hồn, thuộc đời sống tinh thần.

Con người luôn luôn có hai đời sống vật chất và tinh thần tương duyên nhau không thể rời nhau, nếu một trong hai bị yếu đuối, bệnh hoạn, con người mất sức sống. Vật chất là cơ thể máu thịt, gọi là *sắc*, được nuôi dưỡng bằng thực phẩm thích hợp với cơ thể mới có sức khỏe tốt. Tinh thần là tâm thức bên trong gồm có *thọ, tưởng, hành, thức*, gọi là *danh*, được nuôi dưỡng bằng Phật pháp thích hợp với căn cơ, trình độ mà tâm thức đang có, mới có thể được an lạc, vô ngã, giải thoát.

Cả hai đời sống vật chất và tinh thần đều quan trọng đối với con người trong cuộc sống, do vậy con người phải luôn nhớ chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai, không thể chỉ nuôi dưỡng cơ thể cho mập béo, tươi trẻ mà quên nuôi dưỡng tinh thần. Hay ngược lại, chỉ nuôi dưỡng tinh thần mà quên vật chất cho cơ thể. Mặc dù bản thân con người bị chết đi, bỏ lại trong lòng đất, chỉ có tâm thức một mình ra đi. Nhưng tâm thức ra đi được trong sáng, thanh tịnh, tinh anh, hay mê muội, tăm tối, là do bản thân cũ lúc sống trên đời. Nếu bản thân cũ được tráng kiện, khỏe mạnh, bởi các thức ăn thích hợp, đồng thời tâm thức được minh mẫn trên con đường tu tập đúng pháp môn hợp căn cơ, sẽ đạt được tâm thanh tịnh vô ngã, thì sự ra đi của các hành giả được siêu



thoát. Ngược lại thân thể tráng kiện, tâm hồn minh mẫn trên con đường đầy tội lỗi, vô minh, ô nhiễm, thì sự ra đi lia đời của hành giả, ắt sẽ vào ba đường ác.

Vì thế cho nên, hàng Phật tử chúng ta, ai là những người thật sự muốn tìm cầu con đường giải thoát bằng Phật pháp hãy nhận thức rõ về thân thể khỏe mạnh do chọn thức ăn tốt và chọn pháp môn tu thích hợp. Cả hai thứ pháp môn và thực phẩm phải được chọn cho thật kỹ, bởi vì cả hai thứ đều liên quan đến vận mệnh con người, một bên làm cho cơ thể khỏe mạnh để tu tập, một bên làm cho tâm thức được thanh tịnh, trong sáng, vô ngã.

Cũng như vậy, pháp môn chính phụ khi chưa vào tâm thức ta, còn nằm im trong kinh điển, chỉ là pháp vô tri, vô giác, nhưng khi ta đem vào tâm thức ta và tu tập, các pháp môn chính phụ ấy liền biến thành tâm thể hoàn tịnh do thích hợp với năm căn tịnh sắc bên trong là lúc năm trần căn (năm cửa sổ) bên ngoài không bị chi phối bởi các hiển sắc, hình sắc, biểu sắc của lục trần. Do vậy, người Phật tử muốn có được cái tâm vô ngã thanh tịnh để giải thoát, là phải chọn pháp môn chính phụ thích hợp với căn cơ trình độ của mình trong việc tu tập. Ta chọn đúng pháp môn để tu, tâm thức ta mới thấy được dấu đạo (kiến đạo tích) để hành, rồi tuần tự tiến lên được đạt đạo giải thoát ngay thực tại, tâm có trạng thái Niết-bàn, gọi là chơn tâm vô ngã.

Bốn cấp hành giả đã chọn và tu tập bốn pháp môn: Thiền, Tịnh, Mật và Quán niệm. Qua đây cho ta thấy bốn cấp hành giả này đều có cùng cái tâm thường hằng thanh tịnh, trống không, vô ngã như nhau. Gọi là chia nhau phương tiện, gặp nhau cứu cánh, là tâm vô ngã, không còn mọi ý niệm về Ngã, các phiền não, ác trước đã bị tiêu diệt sạch hết. Nói rõ hơn, tất cả Phật pháp đều là pháp môn tu có cùng vị giải thoát. Ai chọn và quyết tâm tu tập, là có quả vị giải thoát lên ngôi vị Phật thừa. Tâm chưa vô ngã, chưa có Phật thừa. ■

Tu viện Yi-Gah Cho-Ling

ANAGARIKA GOVINDA
HỒ ĐẮC TỨC dịch

Làm sao hiểu hết những đại sự đời đã dặt ta qua, biết hết những khúc quanh định mệnh (đời ra sao do ta tạo tác, nghiệp thế nào do mình gây nên), những ngã rẽ bất ngờ có khi lại sắp lại cảm quan và hành vi để làm ta thay đổi cách sống. Muốn giải thích hết những cơ sự làm ta thay đổi thì phải suy ngẫm cái lưới trời đa đoan ta gọi là cuộc đời.

Đôi khi một tia nhìn, một câu nói buột miệng, vài tiếng hát vu vơ đầu đó nổi lên ngập ngừng trong một chiều hè êm ả, hay một cuốn sách đọc tình cờ, một bài thơ hoặc một thoáng hương mùi của kỷ niệm bất chợt hiện về, đều có thể gợi trong ta bao cảm kích, và cuộc đời vì những xúc cảm ấy mà thay đổi.

Khi đang viết những dòng này, hương trầm Tây Tạng thoảng trong niệm phòng bé nhỏ của tôi, và lập tức mùi hương ấy đánh thức trong tôi những kỷ niệm ngày đầu khi mới làm quen với đời sống tu hành muôn ánh sắc. Tôi thấy mình ngồi trong một ngôi chùa Tây Tạng dưới ánh sáng hiu hắt, xung quanh là bàn thờ các bậc giác ngộ, có vị trông an lạc và nhân từ, có vị dữ tợn và đe dọa, có vị bí ẩn và huyền hoặc, nhưng tất cả đều tràn trề mạch sống, đượm muôn vẻ sắc hình dù bóng tối của đêm đen đang bao trùm lên họ.

Tôi ở trong ngôi chùa nhỏ bé này nhiều hôm khi ngoài kia trận bão tuyết kinh khủng bít hết đường đi. Ngay cả người địa phương cũng nói họ chưa từng kinh qua trận bão tuyết đột ngột và dữ dội như thế này bao giờ, còn tôi, mới giả từ Tích Lan qua đây trong tấm áo vàng của tu sĩ Phật giáo Nam tông, khăn choàng mỏng khoác vai, khác biệt giữa hai nơi khiến tôi có cảm tưởng đang sống trong một giấc mơ lạ lùng. Tu viện này nằm trên chóp núi cao nhìn xuống các thung lũng bao quanh rặng Darjeeling, cái tu viện như tung trên bầu trời sôi sục mây, những đám



mây đội lên trời từ các lòng chảo sâu khuất tầm mắt, chỉ lóe sáng nhờ những đợt sấm chớp liên hồi, rồi lớp lớp mây từ đoạn giữa của dãy Hi-mã-lạp sơn cuộn cuộn tràn xuống thung lũng, vòng ngược lên đầu núi, tất cả tạo nên một cảnh tượng tán loạn hỗn mang. Tiếng sấm rền vang không ngớt, tiếng mưa đá rơi trên mái nhà đình tai, tiếng hú của gió bão tràn ngập không gian.

Thầy trú trì tử tế cho tôi ở ngay trong trai phòng của ông, đưa mền và đồ ăn, cố hết sức để tôi thấy thoải mái trong cảnh mới. Căn phòng nhỏ của thầy quá nóng, ngập mùi nhang trầm do thầy bỏ trầm vào lò sưởi than mỗi khi cầu nguyện hay tụng kinh lâu, tôi cảm thấy nghẹt thở và không ngủ được. Vì vậy hôm sau thầy cho tôi dời qua góc khác, chỉ cách tòa nhà chính của tu viện một cái sân.

Duyên cớ gì tôi rời cuộc sống thanh thân ở thiên đàng nhiệt đới Tích Lan, qua vùng đất khắc nghiệt này, đặng ngay cơn bão tuyết Hi-mã-lạp sơn, và sống trong cảnh lạ lùng của một tu viện Tây Tạng? Tây Tạng không có trong chương trình của tôi, bình sinh tôi chưa hề tưởng tới. Với tôi Tích Lan đã thỏa mãn mọi ước mơ; vốn chắc chắn sẽ sống ở đó đến cuối đời nên tôi đã mua đất xây một chỗ ẩn tu ngay trung tâm đảo quốc, chỗ đó nằm giữa đoạn đường nối hai thành phố Kandy và Nuwara Eliya, một đất nước chỉ có mùa xuân, không có nóng hạ, không giá rét mùa đông, cây cỏ và hoa lá xanh tươi suốt mùa.

Thế rồi một hôm tôi nhận thư mời tham dự Đại hội Phật giáo Quốc tế họp ở Darjeeling¹ với tư cách là đại biểu của Tích Lan, và chủ trì tổ thảo luận văn chương trong đại hội. Lúc đầu có hơi lưỡng lự, nhưng rồi tôi quyết định đi vì nghĩ đây là cơ hội thực hành bảo vệ giáo thuyết, vốn được gìn giữ ở Tích Lan, cơ hội tuyên dương lời Phật trong một nước mà Phật-Pháp đang suy thoái thành một hệ thống phụng thờ ma quỷ và mê tín.

Giờ đây tôi đang ở trong thế giới lạ kỳ của các vị Lạt-ma, chưa biết ngôn ngữ của xứ này cũng không hiểu ý nghĩa của vô số hình tượng và biểu tượng trên các bích họa và tôn tượng trong chùa, trừ các hình tượng chư Phật và Bồ-tát quen thuộc.

Vậy mà đến hôm trời quang đãng trở lại, đường đi đã khai thông, và tôi có thể dễ dàng trở lại Darjeeling tiện nghi và Tích Lan hiền hòa, tôi vẫn không nhân dịp này để ra đi. Dường như có một cảm lực lạ lùng giữ tôi lại, càng nấn ná lâu trong thế giới kỳ bí này, nơi tôi dùng chân với những duyên kiếp lạ lùng, tôi càng cảm nhận có một thể tánh vô danh đang phô diễn, và tôi đang ở ngưỡng cửa của một cuộc đời mới.

Trong bối cảnh như vậy, lần đầu tiên tôi ý thức mạnh mẽ rằng nhờ sự vắng bật ngôn từ, niềm cộng thông im lặng với người và vật – do tôi không biết tiếng – lại khơi dậy trong tôi ý thức sâu sắc và khả năng trực dẫn của kinh nghiệm, thông thường bị nhận chìm trong cách sống tưng ca ồn ào nhằm che đậy nỗi sợ hãi phải phô diễn cái trần trụi của bản chất trước người khác. (Tôi nói “thông thường” vì nơi các tâm hồn phương Đông cảm thông trong im lặng [thoại ứng] là một hình thức của *dharsam*, nghĩa là gặp nhau, im lặng, suy nghiệm, người ta nhìn nhau *thoại ứng* không cần nói. Vì vậy các lãnh tụ tôn giáo hay các vị dày công phu thường chỉ “truyền tâm ấn” cho đồ đệ hay truyền nhân. Được *dharsam* của Thánh tăng là một phước duyên lớn).

Như đã nói, tôi được đặc ân sống trong một góc của đại điện: một niêm đường lớn hình vuông thờ pho tượng Di-lặc rất lớn, tôn dung của Ngài có lẽ sẽ chìm khuất vào phần tối trên nóc nếu không có ánh sáng từ khung cửa gió giữa điện hắt vào, khung cửa sổ nhỏ cao nhờ hai hàng cột sơn mài đỏ có khắc chạm và nạm vàng công phu. Khi đèn xuống, kim dung Di-lặc hắt ánh sáng dịu dịu từ Ngọn Đèn Bát Tử chong giữa niêm đường phía trước bàn cúng bằng cẩm thạch, trên bàn cúng sắp nhiều dây chén đồ đầy nước trong, các ngọn đèn bơ nhỏ, mấy chén gạo, và bánh cúng hình nón (*torma*, bánh làm bằng bột lúa mạch rang).

Trên sàn nhà bên trái và phải của bàn cúng này là hai hàng ghế thấp nhỏ có lót thảm, có thêm hai cái bàn vuông cũng thấp và nhỏ, hai hàng ghế này chạy từ chỗ trống gần cửa chính tới gần bức tường có đại tượng Di-lặc, hai bên tượng thờ nhiều tượng Phật và Bồ-tát khác, cùng pho tượng của tổ sư lập chùa và tượng đức Đạt-lai Lạt-ma thứ mười ba. Góc tường cuối là chỗ để hai bộ Đại tạng kinh của Phật giáo Tây tạng (Kanjur hay Cam Thủ, và Tanjur hay Đan Thủ), cả hai bộ kinh đều đóng bìa bằng vải đỏ và vàng, đặt trong các ống tròn nhỏ bằng gỗ và chống lên nhau trên các dây ghế chạm khắc và sơn phết tuyệt mỹ.

Toàn bộ bề mặt tường nội điện, khi nhìn kỹ, kể cả phần tường trên kệ sách gỗ và phần tường lùi sau các pho tượng, đều được chạm vẽ thật sống động cảnh chúng sanh trong các cõi: trời, người, phi thiên, ngạ quỷ, súc sanh; hình nào cũng tinh xảo, gây ấn tượng dù đó là hình nhân hung dữ hay hiền từ. Có nhiều hình quỷ nhiều tay, xoắn vào nhau như giao phối, xung quanh chúng những cụm lửa và khói bốc cao, kể bên là chư thiên sáng rực hào quang an tịnh trên đài sen có đệ tử quỳ dưới chân. Lại có hình thần tiên xinh đẹp và nữ thần hung tợn đang múa may lạ lùng, trên người họ đeo đầu lâu và các xương sọ người, cạnh đó là hình các hành giả khổ hạnh tham thiền và các trí giả đang dạy đệ tử. Giữa các cảnh ấy là đôi cây xanh và những dãy núi tuyết phủ, cây cỏ thác ghềnh, mây bay và giữa bầu trời xanh ngắt hiện ra bao thánh hiền hình dung xinh đẹp, điểm xuyết trong bức tranh là chim thú, muôn hình đủ sắc, những đài hoa đang nở. Dưới tất cả những cảnh này là nước



biển lấp lánh ngọc ngà, châu báu, san hô, và các rắn thần, những hộ pháp canh giữ kho châu báu này.

Đường như vũ trụ đã họp lại trong ngôi chùa này, các vách tường mở tận vào mọi miền không gian muôn trùng. Trong cõi vũ trụ ngàn mắt và vô lượng sắc tướng, tràn trề mạch sống và tâm linh dễ nhiếp cảm, tôi sống trong một tâm cảnh diệu kỳ, kiến chiếu và dung nạp muôn vẻ đẹp ẩn tượng mà không cần giải thích hay lý giải thâm ý của chúng – tôi ung dung chấp nhận chúng, như chấp nhận phong cảnh một nước lạ khi đến du ngoạn.

Giả như có người giải thích họa tiết các hình ảnh biểu tượng quanh tôi, không chừng tôi lại đâm tò mò về hình thù và lịch sử của chúng, và cái kiến thức phàm phu ấy có khi lấy mất niềm trực nhận mà các tranh tượng hòa điệu trong tôi. Ở đây tôi không chỉ chiêm bái sức tưởng tượng vô bờ của nghệ nhân, mà còn chiêm ngưỡng tri kiến của bao thế hệ vô danh tụ họp, những tri kiến ấy khởi phát từ kinh nghiệm tâm linh và thực tại tinh thần vượt khỏi mọi trí năng và phán xét của tôi.

Hiện thực nơi đây từng bước chiếm ngự, xâm nhập và ảnh hưởng toàn vẹn nhận thức và trí lực tôi về thế giới vật chất, khởi sự chuyển hóa tâm cơ tôi đối với thế tục. Tôi nhận ra chân lý đạo và cuộc sống tinh thần chính là làm sao vượt qua sự thể nghiệm thông thường của cá nhân, nó quan trọng hơn việc thay đổi quan điểm hay xây dựng niềm tin dựa trên sức mạnh của lý lẽ, suy luận, và các phép tắc xơ cứng, vì nếu dựa vào các suy tư lý trí ta sẽ bị lừa vào vòng luẩn quẩn của những khái niệm sắp sẵn: chúng ta kiến tạo thế giới vật chất hiện tại và sự hiểu biết thông thường bằng những viên gạch có sẵn. Cái hiểu biết thâm căn cố đế, cái lý trí được “dọn sẵn” như thế luôn là chướng ngại lớn nhất – sở tri chướng – chặn đứng mọi kiến chiếu sáng tạo, bít lối những kiến giải về các phương diện đa chiều của tâm linh, ngăn trở khả năng ứng cơ tiếp vật của chúng ta. Cuộc sống tinh thần phải nương vào sự chứng ngộ bằng tâm chứng riêng, chứ không phải nhờ lý trí thuần túy, tư duy và biện luận chỉ là một quá trình tiêu hóa hay tiêu giải, nó đến sau chứ không đến trước kết quả của thể nghiệm cá nhân. ■

Trích trong *Hỏi Đường Mây Trắng Qua* (The Way of the White Clouds).

Chú thích:

1. Thành phố thuộc bang West Bengal của Ấn Độ (ND).

Sự hình thành và truyền bá kinh *Pháp Hoa* đến Nhật Bản

NIKKYÒ NIWANO
TRẦN TUẤN MÃN dịch

Vào thời Đức Thích-ca-mâu-ni, không có hệ thống chữ viết được phổ biến ở Ấn Độ. Do đó, những thuyết giảng của Ngài được ghi nhớ và phổ biến bằng lời nói từ cửa miệng. Vào thời ấy, khi con người bị buộc phải học thuộc lòng những gì họ muốn nhớ, họ có năng lực nhớ vượt xa hơn ta tưởng. Đời sống của con người cũng ít phức tạp và bận rộn như ngày nay. Các Đại đệ tử của Đức Phật vốn có đầu óc trong sáng và trí nhớ tinh thuần, chăm chú lắng nghe để thu hút từng lời nói của Đức Thích-ca. Do đó, hầu như chắc chắn rằng họ không nghe nhầm những bài giảng của Đức Thích-ca. Hơn nữa, sau khi Đức Phật nhập diệt, các đệ tử của Ngài thường xuyên tổ chức hội nghị để xem những gì họ ghi nhớ có bị nhầm lẫn hay không. Sau khi xác minh những lời xác thực của Đức Phật, họ sửa chữa những nhầm lẫn của nhau, họ hệ thống hóa các ý tưởng. Do đó mà lời nói của Đức Thích-ca vẫn được giữ đúng dù được họ truyền bằng miệng.

Đức Thích-ca đã thuyết giảng rất nhiều trong những cuộc hành trình thường xuyên bằng cách đi bộ trong vùng Bắc Ấn rộng lớn suốt một thời kỳ năm mươi năm. Ngài cũng thuyết giảng bằng nhiều cách khác nhau tùy theo trình độ hiểu biết của hàng thính giả. Chúng ta phải ghi nhận rằng việc diễn dịch giáo lý của Đức Phật đã khác nhau theo từng nơi và theo từng nhóm môn đồ của Ngài, và rằng theo với thời gian, những khác biệt về lối hiểu và lối giảng giáo lý của Ngài đã lớn lên. Tuy nhiên, giáo lý của Đức Thích-ca tự nó vẫn được truyền bá đúng đắn nhờ nỗ lực của các đệ tử Ngài. Không có kinh nào là không Thánh diệu. Giáo lý của Đức Thích-ca được ghi trong các kinh *A-hàm*, kinh *Bát-nhã-ba-la-mật-đa*, các kinh *A-di-đà* và nhiều kinh khác. Nhưng chỉ trong kinh *Pháp Hoa*, cái tinh thần căn bản của tất cả giáo pháp của Đức Thích-ca trong suốt cuộc đời hoạt động của Ngài mới được lần đầu tiên diễn tả một cách sáng sủa; trong kinh này, cái tinh thần quan trọng của hết thảy giáo lý đã được kết hợp và miêu tả bằng lời lẽ dễ hiểu. Nói một cách khác, trong kinh *Pháp Hoa*, những tinh túy của Phật giáo, chính cái cốt lõi của giáo lý Đức Thích-ca được giải thích thấu đáo bằng ngôn từ đơn giản nhưng hiệu lực.

Một số người tranh cãi về các giá trị tương đối của nhiều kinh khác nhau và nuôi dưỡng cái ảo tưởng rằng những giá trị tương đối của các kinh phát xuất từ những khác biệt trong giáo lý của Đức Thích-ca. Đây là một sai lầm nghiêm trọng. Không có kinh nào do chính Đức Thích-ca biên soạn cả. Sự việc là Ngài giảng nhiều bài giảng cho vô số người

suốt năm mươi năm từ bài giảng đầu tiên của Ngài cho năm vị Tỳ-kheo ở Vườn Nai (Lộc Uyển) ở Vārānasi (Ba-lanại) đến khi Ngài nhập diệt vào lúc Ngài tám mươi tuổi. Từ trong nhiều bài giảng này, mỗi nhóm đệ tử và các tín đồ của họ đã đưa vào trong các kinh riêng của họ những bài giảng mà họ đã nghe trực tiếp hoặc được những người khác nói cho nghe. Xuyên qua bất cứ kinh nào chúng ta cũng có thể nghiên cứu giáo lý của Đức Thích-ca, Đức Thích-ca chính là bậc Thế Tôn đã phóng cùng một thứ ánh sáng trí tuệ vào chúng ta. Do đó, dù kinh *Pháp Hoa* là giáo pháp tuyệt diệu nhất trong rất nhiều kinh, nó cũng phản ánh một ngộ nhận căn bản là coi thường các kinh khác bằng cách ca tụng quá đáng kinh *Pháp Hoa*.

Biểu tượng của kinh *Pháp Hoa*

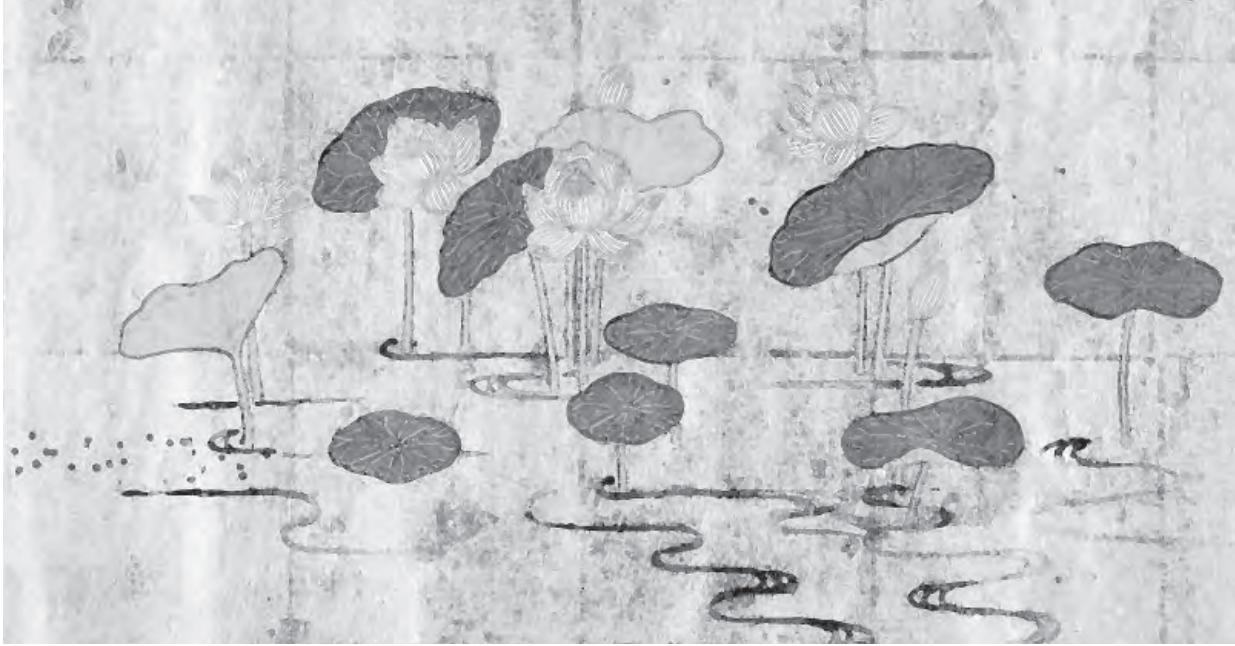
Kinh *Pháp Hoa* được soạn dưới hình thức một vở kịch để quần chúng nói chung của thời ấy có thể hiểu kinh dễ dàng. Những nhà biên soạn kinh nỗ lực giúp người ta nắm được kinh bằng cách trình bày những ý niệm trừu tượng trong hình thức cụ thể.

Ví dụ, trong phẩm 1 của kinh *Pháp Hoa*, phẩm "Tự", kể rằng hào quang phóng ra từ trán Đức Phật chiếu sáng mười tám ngàn cõi Phật ở phương Đông, hết thảy chư Phật và chúng đệ tử đều được thấy đang hiện hữu ở khắp nơi. Sự diễn tả này có nghĩa rằng Đức Phật mang thân trời cũng như ở trái đất, tức là, Ngài hiện hữu ở khắp nơi, khắp toàn bộ vũ trụ. Những miêu tả như thế, như sự rung động của trái đất và mưa hoa rơi xuống cũng thuộc loại biểu tượng này. Ngày nay, chúng ta thường gặp những biểu từ như "Tôi sợ đến cồng máu" hay "Tôi cười thắt ruột". Không một ai lại hiểu những biểu từ ấy theo nguyên nghĩa cả. Nhưng nếu chúng thực sự là không thực đi nữa, chúng cũng giúp truyền đạt một cách sinh động và có hiệu lực cái cảm giác thực sự của người nói hay người viết. Điểm này giúp chúng ta một chìa khóa cho việc hiểu kinh *Pháp Hoa*. Điều quan trọng không phải là "sự kiện" mà là "sự thật", sự thật của giáo lý của Đức Phật. Ngày cả khi chúng ta gặp phải những sự việc có vẻ không thực trong kinh *Pháp Hoa*, chúng ta cũng phải nắm chắc cái sự thật ở đằng sau cái bề mặt ngôn từ.

Bản dịch Hoa văn của

ngài Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva)

Một số người mang kinh *Pháp Hoa* sang Trung Quốc và dịch ra Hoa văn, nhưng bản thông dụng ở Đông Á ngày nay là bản dịch của Cưu-ma-la-thập. Thân phụ ngài,



Kunàrayàna, vốn thuộc một gia đình quý phái ở Ấn Độ, đến Kucha, một nước ở Trung Á, giữa Ấn Độ và Trung Quốc, rồi cưới người em gái của vua nước này. Con của vị này là Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva), sinh năm 344. Phật giáo nẩy nở ở Kucha và lúc bảy tuổi, Cưu-ma-la-thập vào một tu viện cùng với mẹ ngài, sau đó, ngài được gửi đi Ấn Độ để học Phật giáo Đại thừa.

Người ta kể rằng khi Cưu-ma-la-thập về lại quê nhà, thấy ngài là Sùryasoma vốn thấy được khả năng và phẩm chất của ngài, đã dạy ngài kinh Saddharma - pundarika - sùtra (*Diệu Pháp Liên Hoa*). Vị này đặt bàn tay phải lên trán Cưu-ma-la-thập mà nói: “Mặt trời của Đức Phật đã lặn ở phương Tây, và vầng sáng còn lại sắp chiếu đến phương Đông. Kinh này có sự liên hệ với phương Đông bắc. Hãy kính cẩn truyền bá kinh ở đây”.

Giờ đây nghĩ lại lời của Sùryasoma “kinh này có sự liên hệ với phương Đông Bắc”, chúng ta hiểu được rằng tiên đoán của ngài đã có một ý nghĩa rất sâu xa, và chúng ta không khỏi xúc động vì nhận ra rằng về sau Phật giáo đạt tới sự phát triển lớn nhất ở Nhật Bản, một đất nước nằm xa, phía Đông bắc Ấn Độ.

Vâng lời thầy, Cưu-ma-la-thập quyết định truyền bá kinh *Pháp Hoa* ở Trung Quốc về phía Đông bắc. Nhưng vì ở Trung Quốc thời ấy thường xuyên có chiến tranh và các biên địa, các quốc gia cứ thay đổi mãi, kế hoạch của ngài đã không được thực hiện dễ dàng như ngài hy vọng. Tuy nhiên, danh tiếng ngài là một dịch giả được truyền khắp Trung Quốc, và năm 401, ngài đến sống ở Tràn An, thủ đô của nhà Hậu Tần, theo lời mời của nhà vua. Cưu-ma-la-thập bảy giờ đã sáu mươi hai tuổi được phong Quốc sư và suốt tám năm cho đến khi ngài mất vào năm 431 lúc bảy mươi tuổi, ngài đã dịch nhiều kinh sang Hoa văn.

Không cần phải nói, kinh *Pháp Hoa* là kinh quan trọng nhất trong nhiều kinh do ngài dịch. Vì ngài đã nhận ra nhiều sai lầm trong các bản dịch Hán văn mà ngài đã đọc thấy, ngài giữ một thái độ rất thận trọng đối với dịch phẩm của riêng ngài. Mặc dù ngài thông thạo cả Phạn ngữ lẫn Hoa ngữ, ngài vẫn không có ý định dịch các kinh Phật sang Hoa văn một mình mà ngài tập hợp nhiều học giả

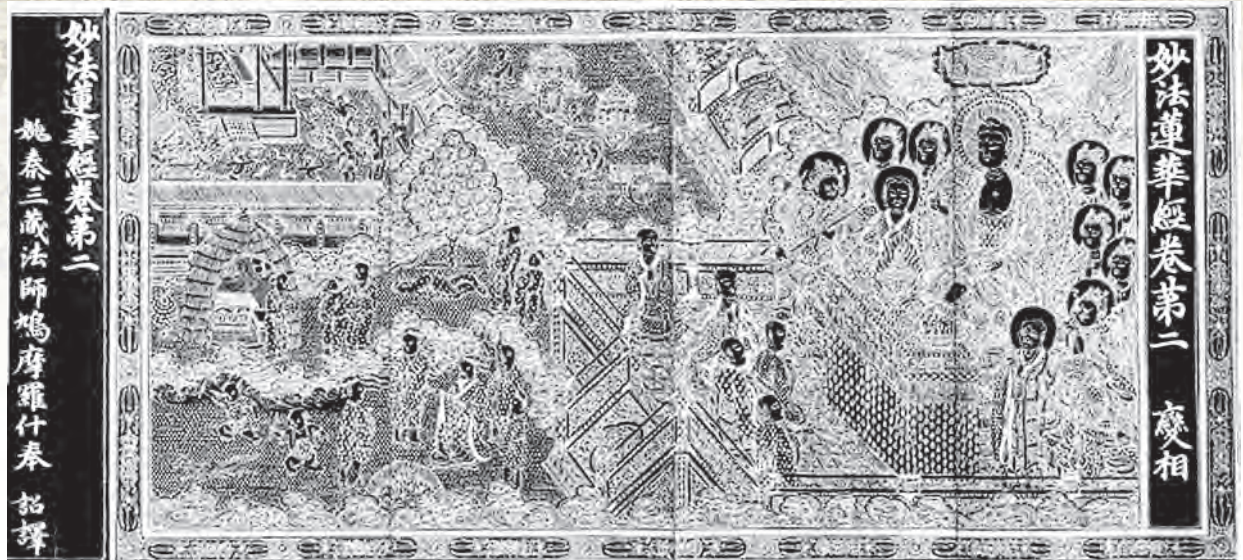
giỏi cả hai ngôn ngữ. Lại nữa, ngài giảng kinh *Pháp Hoa* trước sự hiện diện của nhà vua và những người khác. Các học giả căn cứ trên những ghi chép từ những bài giảng của ngài mà mỗi người thực hiện một bản dịch kinh *Pháp Hoa* bằng Hoa ngữ. Sau khi các học giả đã hoàn tất riêng mỗi người một bản dịch và tất cả mọi người đã xem xét bản thảo kỹ càng bản ấy, cuối cùng họ hoàn thành một bản dịch tiêu chuẩn cho bộ kinh. Người ta bảo rằng có đến hai ngàn người đã tham gia công trình này. Do đó, chúng ta có thể quả quyết kết luận rằng trong bản dịch kinh *Pháp Hoa* từ Phạn ngữ sang Hoa ngữ của ngài Cưu-ma-la-thập, giáo lý của Đức Thích-ca được truyền bá hầu như không có sai lạc.

Người ta đã kể câu chuyện sau đây về việc dịch của Cưu-ma-la-thập. Vua Dao Tần rất kính cẩn nhân cách và khả năng của Cưu-ma-la-thập, rất muốn ngài có một đứa con. Bởi vậy vua thúc ép ngài lấy vợ. Khi sắp tịch, ngài Cưu-ma-la-thập nhắc nhở: “Ta bị ép buộc phải phá giới mà lấy vợ, nhưng ta tin rằng những gì ta đã khẳng định bằng lời không bao giờ phản lại với ý định của Đức Phật. Nếu ta chân thật đúng theo những gì ta đã nói thì riêng cái lưỡi của ta sẽ vẫn không bị cháy khi thân thể ta bị thiêu”. Người ta kể rằng khi gia đình thiêu nhục thân ngài, chỉ riêng lưỡi của ngài quả thực vẫn không bị thiêu hủy và phát sáng rực.

Kinh *Pháp Hoa* sau đó đóng một vai trò rất quan trọng trong Phật giáo Trung Quốc. Sau khi Trí Giả, người được tôn sùng như một “Tiểu Thích-ca Mâu-ni” đã nghiên cứu rất ráo tất cả các kinh điển của Phật giáo Đại thừa và Tiểu thừa, ngài kết luận rằng ý tứ chân thực của Đức Phật đã được gồm trong kinh *Pháp Hoa*, và ngài viết những sơ luận tuyệt diệu về kinh *Pháp Hoa* như *Pháp Hoa Huyền Nghĩa*, *Pháp Hoa Văn Cú*, và *Ma-ha Chỉ Quán*. Như thế, kinh *Pháp Hoa* đã phổ biến rộng hơn đến khắp Trung Quốc và sau đó du nhập Nhật Bản xuyên qua Cao Ly.

Kinh *Pháp Hoa* ở Nhật Bản

Năm 577 là năm kinh *Pháp Hoa* do ngài Cưu-ma-la-thập dịch được đưa đến Naniwa (nay là Osaka) ở Nhật Bản và ba mươi bảy năm sau, bộ Hokke-gisho (*Pháp Hoa Nghĩa Sớ*)¹, bộ Luận sơ đầu tiên bằng Nhật văn về kinh



Pháp Hoa, được viết bởi Thái tử Shōtoku (574-622). Người ta bảo đây là quyển sách xưa nhất do một người Nhật viết hiện còn giữ lại.

Thái tử Shōtoku ban hành một bộ luật gọi là Hiến pháp mười bảy điều khoản, căn cứ trên tinh thần của kinh *Pháp Hoa*, và bằng Hiến pháp này, Thái tử đã thiết lập bộ Luật đầu tiên ở Nhật Bản. Điều hết sức có ý nghĩa là buổi bình minh của văn minh ở Nhật Bản được thực hiện bằng cách áp dụng cái tinh thần của kinh *Pháp Hoa*. Đến nay đã một ngàn bốn trăm năm, tinh thần này vẫn được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong nhân dân Nhật Bản.

Nhiều tu sĩ Phật giáo nổi danh ở Nhật Bản nỗ lực truyền bá giáo pháp của kinh *Pháp Hoa*, trong đó có Saichō², Dōgen³, Nichiren⁴. Đặc biệt, Nichiren đã đưa vào kinh một sức sống mới mà chịu nhận mọi khó khăn đau khổ và nỗ lực truyền bá kinh trong quần chúng nhân dân.

Gần bảy trăm năm đã trôi qua từ khi Nichiren thị tịch vào năm 1282. Giáo lý của Đức Thích-ca đã dần mất đi năng lực của nó sau khi Ngài nhập diệt, nhưng lại đạt được sức sống nhờ sự xuất hiện của kinh *Pháp Hoa* vào bảy trăm năm giữa cái chết của Thái tử Shōtoku và sự xuất hiện của Nichiren. Tuy nhiên, sau khi Nichiren thị tịch bảy trăm năm, tinh thần kinh *Pháp Hoa* lại bị quên lãng. Một số người ở Nhật Bản cũng lại tin rằng họ có thể được cứu độ chỉ bằng cách gõ trống tay và bằng cách cứ lặp đi lặp lại cái biểu thức gồm trọn nhan đề kinh *Pháp Hoa* - "Nam-mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh", "Tôi quy y kinh Diệu Pháp Liên Hoa" - hay tin rằng những cầu xin của họ sẽ được đáp ứng nếu họ chỉ cần thờ kính bài chú tụng mà Nichiren đã viết, tập trung vào biểu thức trên.

Nội dung và tinh thần của kinh *Pháp Hoa* rất thánh diệu. Việc thực hành giáo lý kinh cũng thánh diệu. Chúng ta sống đời sống hằng ngày một cách bình thường, nhưng do hiểu giáo pháp của kinh, tin tưởng nó, và tu tập nó, chúng ta cố gắng tiến đến một trạng thái tâm thức thoát ngoài ảo tưởng và khổ đau. Chúng ta hiểu ra rằng người ta cần phải sống trong hòa điệu và giúp đỡ lẫn nhau. Nếu ai có cảm nhận như thế dù chỉ vài giờ trong mỗi ngày, sức khỏe và hoàn cảnh của người

ấy sẽ tự nhiên biến đổi thành tốt hơn - đây là giải thoát thực sự của người ấy. Sao cho mọi người trên thế giới đều có được những cảm nhận như thế và sống hạnh phúc - đây là ý tưởng và nguyện vọng tối hậu được diễn tả trong kinh *Pháp Hoa*.

Thực vậy, kinh *Pháp Hoa* là một giáo lý của sự tôn trọng con người, của sự tự toàn thiện và hòa bình. Nói tóm lại, đây là giáo lý nhân bản. Ngày nay, bảy trăm năm sau khi Nichiren thị tịch, chúng ta phải tái dựng cái tinh thần của kinh *Pháp Hoa* và thiết lập một cuộc sống tốt đẹp hơn nhằm cho chính chúng ta, cho gia đình, xã hội của chúng ta và cho toàn thế giới. ■

Chú thích:

1. Hokke-gisho (*Pháp Hoa nghĩa sớ*) là một bộ luận về kinh *Pháp Hoa*, gồm bốn quyển. Dù được dựa vào bộ *Pháp Hoa nghĩa ký* do Pháp Vân, người Trung Hoa viết, tác phẩm này cũng gồm nhiều giải thích và ý kiến độc đáo. Thủ bản do chính Thái tử Shōtoku chép hiện vẫn còn.

2. Saichō (Tối Trường - 767-822) là người sáng lập tông phái Thiên Thai (Tendai) Nhật Bản. Năm 804 ngài được lệnh hoàng gia phái sang Trung Quốc, tại đây, ngài nghiên cứu giáo lý Thiên Thai. Sau khi trở về Nhật Bản, ngài xin chính quyền công nhận tông Thiên Thai. Năm 806, ngài được hoàng đế tấn phong danh hiệu Truyền Giáo Đại Sư (Dengyō-daishi). Đây là lần đầu tiên danh hiệu Đại Sư (Daishi) được sử dụng ở Nhật Bản.

3. Dōgen (Đạo Nguyên - 1200-1253) là người sáng lập tông phái Thạch Đầu (Sōtō) của Phật giáo Thiên tại Nhật Bản. Sau khi thọ giới trên núi Hiei, gần Kyoto, ngài trở thành đệ tử của Eisai, vị Thiền sư phái Lâm Tế. Ngài học bảy năm tại Trung Quốc. Sau khi về Nhật Bản, ngài sống một thời gian ở gần Kyoto, về sau, dựng Đại Thiền viện Thạch Đầu của Eihei-ji (Vệ Bình Tự) trong vùng đất nay là huyện Fukui. Ngài đã viết nhiều tác phẩm quan trọng, trong đó có tác phẩm *Shōbō-genzō* bất hủ.

4. Nichiren (Nhật Liên - 1222-82) là người sáng lập tông phái mang tên ngài. Năm 1253 ngài tuyên bố rằng người ta nên niệm lên kinh *Pháp Hoa* bằng biểu thức Nam-mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Suốt công cuộc truyền bá tích cực kinh *Pháp Hoa* của ngài, ngài đã chịu nhiều khủng bố hành hạ, kể cả bị lưu đày. Trong những tác phẩm của ngài có một bộ luận rất quan trọng về kinh *Pháp Hoa*.

Đất phương Nam ngày cũ

Mùa trăng miền Tây sông Hậu

TRẦN BẢO ĐỊNH

*Chùng nào chiếc sáng nọ bung vành
Tàu Tây liệt máy, em mới đành bỏ anh.*
(Câu hò sông Hậu)

1 Tàu ghe nướm nượp ngược xuôi kinh sáng, tạo thành những con sóng *liên tu bất tận* vỗ bờ, khiến chiếc xuồng tam bản đương cắm sào ở bến Hòa Lưu lắc lư như đỉnh cơn thủy chấn. Ông Tám ngồi nhâm nhi ly rượu ngoài sân phơi lúa với chú Hai Cò, bỗng bà Tám nhắc khéo:

“Tháng nầy vào mùa trăng rồi đó, mình! Coi chùng đêm hôm sào tuột dây, xuồng trôi mất!”

Bà Tám xài tiếng *minh* nghe sao mà ngọt xót, ngọt hơn cả đường phèn, làm bụng dạ ông phần chấn; được nước ông *lên lớp*:

“Dân mình thường bấm đốt tay tính trăng bằng con nước rong, nước kém”.

Rồi ông cất nghĩa:

“Trong tháng, con nước có hai lần rong-kém, nhưng trăng thì không chỉ một đêm mà nhiều đêm, dài tới tuần trăng:

*Rằm trăng náu
Mười sáu trăng treo*

*Mười bảy sậy giường chiếu
Mười tám nám trấu
Mười chín nín canh
Hai mươi giấc tốt
Hăm một nửa đêm...*

dân gian gọi là mùa trăng”.

Lắng nghe ông Tám cất nghĩa mùa trăng, chợt đứng Hai Cò liên tưởng tới hồi má còn sanh tiền hay nói: Mùa trăng khởi từ con nước rong giữa tháng, và nó đã dẹt từng sợi tơ vàng thơ mộng buộc ràng cái hữu tình của khách thương hồ trên kinh sáng Xà No¹.

Hai Cò ngắm nghĩ: Biết đâu, mùa trăng vừa là món quà thiên nhiên thương tặng bạn cần lao và cũng vừa là tai họa cho bạn cần lao trong cõi trần ai đầy rẫy bất công, nghèo đói!

Ông Tám vỗ bập về Hai Cò:

“Mần gì ngồi thừ ra đó, chú em?”

Không đợi Hai phản ứng, ông khề khà đứng dậy:

“Chú em cứ ngồi lai rai tự nhiên, qua xuồng bến dất xuồng theo đường nước vô ao, kéo vợ qua cần nhân miết; và đêm nay, e rằng qua mất mối!”

Những hàng bán dây đặc đom đóm treo đèn khi tỏ khi lu dưới ánh trăng loang loáng mặt nước kính mờ khói sóng. Hai Cò nhớ lời má kể về ba: Ba đi bạn theo ghe chờ lúa về chành Cái Răng. Đêm *trăng treo* mùa trăng tháng Tám, ghe của ba ở phía sau ghe của má và ba đã hò ướm thừ:

Bớ chiếc thuyền loan

Khoan khoan bót mái.

Đặng tỏ mấy lời phải trái nghe chơi...

(Câu hò Hậu Giang)

Dẫu rằng tức cảnh sinh tình, nhưng má kịp cứng lòng để lòng không mềm. Hiểu ý đứa con gái tuổi vừa độ *trăng treo*, ngoại thúc má thả câu hò buông duyên để gieo lòng người hòa cùng sông nước. Má xén lên mím cười, rồi cất giọng ngọt ngào:

Bớ chiếc ghe sau

Chèo mau em đơi

Kẻo khỏi đoạn kinh này, bờ bụi tối tăm!

(Câu hò Hậu Giang)

Nghe ngoại nói, mùa trăng tháng sau, ba cậy người mai mối; và má, hò câu hò nhắn ba rằng:

Em khuyên anh đừng làm bạn ghe chài.

Cột buồm cao, bao lúa nặng, tấm đòn dài khó đi.

(Câu hò Cần Thơ)

Ngần đó thôi, ba má đã nên vợ nên chồng!

Đời nghèo, ba má lắm gieo neo; dắt díu nhau tới kinh Bảy Ngàn mần thuê mướn, nghèo hườn nghèo, khó hườn khó!

Xót dạ vì thấy con nghèo khó, ngoại dẫn ba má về Phụng Hiệp sinh sống. Đôi lần, ngoại nói với ba: Bảy dòng nước chảy theo bảy đường sông: *Cái Côn, Búng Tàu, Mang Cá, Sóc Trăng, Lái Hiếu, Xẻo Môn, Xẻo Dong*, như đã móc ngoéo gập nhau tại đất địa Phụng Hiệp; người đời gọi Ngã Bảy². Rồi, ngoại nói thơ:

Bảy sông dẫn nước, cuộn cuộn nước

Phù sa lớp lớp, quện phù sa...

(Ca dao)

Đất lành chim đậu. Ngoại nhắn mạnh: Đất này lành nên loài chim phụng mới hiệp lại và rú nhau về sinh sống. Vợ chồng con nhớ giữ cái lành cho đất.

Dù đời có lắm phen chìm nổi, ba vẫn thuộc lòng câu nói của ngoại dạy buổi ban sơ. Và khi có chén cơm ăn, má thường ru con bằng lời ru nhắc nhớ:

Hỏi anh còn nhớ Bảy Ngàn

Củ co ăn với củ bàng thế cơm!

Lắm lúc má nói nửa chơi nửa thiệt với ba: Mình *thuộc* thì *thuộc* tới độ nhuyển như, chớ đừng thuộc nửa mùa trăng mà đâm ra sống sót!

Và rồi mấy mươi năm ba đã cật lực *đổ mồ hôi, sôi nước mắt* để *thuộc nhuyển* như cánh đồng *sậy niu* thành

cánh đồng *niú lúa vàng mơ* nơi miền đất Tây sông Hậu.

Vậy mà, *trời không trợ người hiền* nữ làm cho *đất bằng dầy sóng!* Diên Tây Be³ dùng thế thực dân và lực kim tiền, đã giựt toàn bộ ruộng đất từ Phụng Hiệp tới Long Mỹ giáp lung Ngọc Hoàng. Quá uất hận, ba tự sát ngay trên bờ ruộng của mình; và máu của ba chảy đỏ từng sớ đất. Mấy tháng sau ngày ba chết, má đội tang ba lòng *rầu thúi ruột* và má đã ngã bệnh chết theo ba vào đêm cuối năm, chỉ còn vài tiếng đồng hồ nữa là đón giao thừa. Nhà chỉ còn hai bà cháu, không đủ hơi hơ ấm cái lạnh tanh của mảnh đời trống huơ trống hoác.

Chòm xóm dù thương, nhưng ai cũng mất ruộng mất đất và cùng khổn như nhau, lấy gì giúp đỡ, lấy đâu mà đùm với bọc!

2 “Mèn đét, nãy giờ mình chú em chơi ráo nạo nửa lít để ngâm bìm bịp của qua!”

Lo chuyện xuống bọng xong, ông Tám quay lộn lại chỗ nhậu. Tiếng ông om sòm không vì trách cứ, mà vì trở mắt ngạc nhiên; bởi trước nay, tửu lượng Hai Cò ông rành như rành sáu câu vọng *Cố Tinh anh bán chiếu*, do đệ nhứt danh ca Út Trà Ôn hát *mát trời ông địa* ở cái xứ sở khoái nhịp song lang này.

Bà Tám cầm chai ba xì để và khệ nệ bung nôi canh chua cá lóc đồng nấu với khóm Cầu Đúc lừng danh thiên hạ.

“Thường mình mần xong chuyện tui muốn cọt xuống. Đồng thời, đái chú Hai... ‘Cò... muốn đáp đồng cần lựa đồng mà đáp!’”

“Mèn đét ơi! Bữa nay, lời mình có văn có chương khiến cái lỗ tai *dốt đặc cán mai* của tôi nghe đã con ráy”.

Ông quay sang bà Tám:

“Tui hỏi mình ‘Cò... đáp đồng cần lựa đồng mà đáp’ nghĩa là sao?”

Hiểu ý chồng giả bộ *hỏi là để hỏi, vậy thôi*, chớ mần sao không biết, bà Tám nín thinh, ngoái cổ nói với vô nhà, biểu cháu út Mót bưng tiếp cá ngát kho tộ đất, lươn um xả và không quên món cá trê vàng Xà Phiền cặp gắp tự tay út Mót nướng... Món này chấm nước mắm me Long Mỹ và hể nhậu là bắt liên tại chỗ!

Hỏi Hai Cò mới biết đi lằm đằm, ba má suốt ngày *đầu tắt, mặt tối* ngoài đồng. Ở nhà, ngoại nhai cơm lẫn cá trê vàng nướng đút cháu khi tới cử ăn. Món ăn chun quê lâu ngày quen thuộc, hương vị thấm vào tâm can; và rồi, nỗi thèm đeo người nỗi nhớ khôn nguôi. Nhứt là những ai xa lìa xứ!

* * *

“Bỏ qua chuyện cũ, lo chuyện mới bây giờ, chú em!”

Ông nói lời khuyên Hai Cò sau bữa cơm chiều dọn ăn ngoài sân.

Nắng chiều không đủ sức nóng hong khô nước mắt làm ứn má Hai Cò. Ông Tám lẳng xẳng rót rượu ra chén, là ông muốn xua tan cái ảm đạm buổi chiều.



Nguồn: dđalat.vn

Cảnh ngộ Hai Cò không ai thấu cảm bằng vợ chồng ông, bởi có rách áo mới thương người áo rách. Ông cũng đã từng mất sạch ruộng đất và thiếu chút nữa, mất luôn cái mạng.

"Sao! Ông nói cái gì?"

Hai Cò chưa thắm say nhưng chưa đủ tỉnh, trở bộ ngồi chồm hổm, ngạc nhiên hỏi ông Tám.

"Thì thủng thủng qua kể cho chú em nghe!"

Ông Tám hớp lung chừng chén, khà lên một tiếng. Hai Cò thấy đốm nắng rung tàu lá chuối bờ kinh.

"Thời đàng cựu, *điền* dính chặt *đôn*, theo kiểu *động vi binh, tịnh vi dân*. Thiên hạ gọi *Đồn điền*. *Doanh* kết hợp *điền*, theo điệu *Triều đình cùng dân khai hoang*. Thiên hạ gọi *Doanh điền*".

Nói tới đây, ông đột ngột thẳng gắp, ngưng lời, khiến Hai Cò bồn chồn nôn nóng muốn biết hỏi sau nó phân giải ra sao!

Ông Tám hớp cạn rượu còn đọng lại đáy chén, miệng tăng hăng lấy trợn:

"Thời đám Phú Lang Sa tới chiếm cứ đất này thì *điền* rã *đôn*, *doanh* tan *điền*. Tất cả lần hồi hóa ra *điền Tây* hoặc *điền mang tên hạng quan hay kẻ giàu có gốc Việt, tịch Tây*⁴. Đất đâu còn; mà dầu có còn thì còn nơi lút chết đắm lầy; khác gì *nạc họ ăn, xương mình gặm*.

Chợt ông thở dài:

"Nhưng rồi đến *xương* họ cũng thuận tay giựt cướp luôn!"

Đất kinh xáng Xà No chuyển màu sẫm tối. Trời chạng vạng!

Hai Cò bất ngờ về sự hiểu biết của ông Tám; và từ bất ngờ đó, Hai Cò tỉnh rượu.

"Đâu đã yên, thấy dễ ăn, bọn *hăng* nhảy vô xí phần ruộng đất để khai thác; dân miền Tây sông Hậu gọi chúng là *điền hăng*⁵. Chưa kể lũ Hội đồng, bọn giàu có... cấu kết quan chức địa phương... bày mưu sâu tính kế hiểm, nhảy xổ ra giựt đoạt ruộng vườn dân đen". Hai Cò nói khê:

"Chủ *điền* và tá *điền* là đây! Thảo nào, miền Tây sông Hậu *ruộng cò bay thẳng cánh*, tá *điền* không có được cục đất chọi chim!"

Ông Tám vụt cười khanh khách, chẳng rõ tiếng cười khanh khách vì sướng hay đau!

"Để rồi chú em coi, nước chảy ngày một tới... Ông bà mình thường hay dặn con cháu: *Khi được cái quá được thì lúc mất, sẽ mất cái quá mất*".

Hai Cò cũng tỏ vẻ mình chẳng là kẻ *dựa cột* mà nghe: "Vậy là *mất cả chì lẫn chài* phải không, ông Tám!"

3 Mùa trăng thu đồng bằng!

Hai Cò chèo mái chèo rẽ nước chao ánh trăng. Dường như ở đàng sau, có tiếng chàng trai nào đó buông giọng hò:

*Thuyền em đã nhẹ,
Chèo lẹ khôn theo
Em ơi, bớt mái khoan lèo chờ anh!*"

(Hò Vị Thanh)

Mạn xuống chồng chênh bởi sóng tàu ghe, Hai Cò nghe tiếng đặng tiếng được lời dịu ngọt của thôn nữ hò đáp:

*Đây đã chèo lời,
Đặng chờ người tri kỷ
Gặp mặt chuyện trò cho phi ước mơ!*

(Hò Vị Thanh)

Lời tay chèo, xuống trôi trong trăng. Hai Cò rạo rục nghĩ tới út Mót; và nghĩ tiếp, có lẽ đó là nơi cò đáp đồng chăng! Nếu những gì ông Tám nói là đúng thì hạng người như Hai Cò sẽ có cơ may *hết cơn bĩ cực tới hồi thái lai*. ■

Chú thích:

1. Kinh xáng Xà No (tiếng Khmer là Srock Snor, tức xóm có cây *điền* *điền*). Khởi công đào năm 1901 tới năm 1903 khánh thành. Kinh rộng 60m, sâu 40m, dài 34km. Kinh bắt đầu đào từ xã Nhơn Nghĩa (Cần Thơ) tới rạch Cái Tư (một nhánh sông Cái Lớn), kinh nối liền Cần Thơ - Hậu Giang - Rạch Giá ra vịnh Thái Lan (đoạn Rạch Giá dài 22km).

2. Chợ nổi Ngã Bảy còn gọi chợ nổi Phụng Hiệp (thị xã Ngã Bảy), hình thành từ 1915. Chợ đầu mối hàng hóa nông sản nổi tiếng nhất vùng Tây sông Hậu.

3. Albert Gressier.

4. *Điền* tây Be, Duval, Guery, *điền* ông Kho, *điền* bảy Ngàn... chiếm gần 40.000 mẫu.

5. Công ty Đông Pháp, Công ty Bát-tam-băng, Ngân hàng Đông Dương... chiếm hơn 10.000 mẫu.



Chạy lại và chạy đi

HỒ ANH THÁI

Hầu như người đọc nhiều sách dịch đều biết trường hợp một dịch giả trẻ, nổi lên rất nhanh nhờ bản dịch những cuốn tiểu thuyết Âu - Mỹ hàng đầu. Ban đầu dịch giả được tấ tấc khen hơi quá so với chất lượng bản dịch. Thì cũng là sự động viên người dịch còn trẻ mà dám làm. Thì cũng là làm cho công chúng chú ý vào những cuốn khi ấy không dễ in, nhưng đã được anh bắt tay vào dịch. Người ta khen là khen ở mức ấy. Nhưng khen rồi thì gây ra ảo tưởng và hoang tưởng cho người dịch. Sự táo bạo ở việc dịch bắt đầu chuyển sang thành sự quyết định trở thành nhà phê bình văn chương. Thao tác phê bình rất thiếu hụt về lý luận thiếu hụt về năng lực lại được trợ lực bằng sự cao ngạo vô căn cứ.

Điều ấy dẫn đến sự ngã ngựa. Trời quang mây tạnh, không sấm chớp và không sóng gió, người ta lôi ra vô vàn cái sai trong những bản dịch của anh

ta. Mới chỉ sơ sơ dăm ba cuốn đã gây kinh động về sai phạm ngoại ngữ cũng như yếu kém tiếng mẹ đẻ. Dịch là phải giỏi cả ngoại ngữ và tiếng mẹ đẻ mà anh này không đáp ứng được cả hai. Chắc chắn người ta sẽ còn động đến những cuốn khác bởi trong ấy còn nhiều cái sai hơn nữa. Bỗng nhiên tên tuổi của người dịch này được gắn với những câu ngớ ngẩn gây cười về bệnh ung thư và cái chết. Những câu để đời theo kiểu sự nổi danh ngược, nổi danh trở trêu. Tứ đại khổ, sinh lão bệnh tử. Trường hợp này chỉ dịch sai chuyện bệnh và tử thiêu, thế mà nó vụn vào sự nghiệp. Một sự nghiệp dịch thuật khai sinh thật nhanh và khai tử cũng thật nhanh.

Đấy là vị đắng của hư danh. Không phải danh thật mà là hư danh.

Người Việt bảo ngã rồi thì đứng lên làm lại. Nhưng cửa hiệu của anh đã vang lừng vụ bán hàng rơm hàng kém phẩm chất, liệu sau đó có còn khách hàng



nào tin anh nữa. Cái tên trên biển hiệu đã bị người chủ tự bôi xóa rồi còn gì.

Người Việt bảo đánh kẻ chạy đi không đánh người chạy lại. Mở rộng vòng tay bao dung. Triết lý rất đúng. Nhưng trường hợp này phải xem xét lại. Vị dịch sách này không hề chạy lại mà cứ ngựa quen đường cũ, cứ chạy đi. Sự hoang tưởng đã dẫn vị này đi xa hơn, dẫn đến một tâm lý cả thế giới chống lại ta, ta trấn trụ giữa bầy sói, ta một mình chống lại mafia.

Người cao ngạo không bao giờ hối hận về việc mình đã làm sai. Mình không bao giờ sai. Không bao giờ. Có sai chẳng là mình không may, sự nổi danh của mình trở thành tâm điểm cho ghen ghét đố kỵ. Chỉ hối hận vì không tiêu diệt được những kẻ mà mình cho là ác ý. Nhiệt kế thành khẩn tụt xuống mức thấp nhất trong khi nhiệt kế phản công vọt lên mức cao nhất. Chiến đấu. Ta trấn trụ giữa bầy sói nhưng ta sẽ cắn xé sói. Ta một mình chống lại mafia nhưng ta sẽ tiêu diệt mafia. Không phải là sói không phải mafia thì cũng diệt. Để chứng tỏ gì? Chứng tỏ cái mà ta tự cho là bản lĩnh, là ý chí kiên cường, là quyết tâm không để người đời hả hê công kích.

Đấy là cái mà người ta gọi là hội chứng Napoleon. Người mặc cảm là mình ở tầm thấp thì tìm cách vươn lên, đa ngôn đại ngôn to mồm để tự yên tâm rằng mình không thua kém gì ai. Anh ta sợ không ồn ào cay độc thì sẽ bị khinh khi.

Nhưng cuộc phản công bừa bãi chỉ chứng tỏ sự

tuyệt vọng đồng thời là sự trơ trẽn của người cao ngạo. Nó cũng là vấn đề đạo đức nhân cách như Mahatma Gandhi đã chỉ ra.

Nhiều người đã gợi ra hai lối đi cho trường hợp của dịch giả này:

Một: sự nghiệp dịch giả đã kết liễu, anh ta nên im lặng và lặng lẽ rút lui khỏi văn đàn. Một sự im lặng đầy phẩm cách.

Hai: anh ta nhờ công ty truyền thông của mình đứng ra tổ chức một cuộc họp báo. Anh ta sẽ xuất hiện để thừa nhận sai lầm của mình, kêu gọi sự khoan dung, đồng thời hứa sẽ tu tâm và tu trí để làm ăn một cách tử tế từ nay.

Sao lại không nhỉ. Đánh kẻ chạy đi chứ ai đánh người chạy lại.

*
* *

Mahatma Gandhi từng định nghĩa bảy cái tội của người đời:

- *Làm chính trị mà vô nguyên tắc*
- *Có của cải mà không nhờ lao động*
- *Hưởng lạc thú mà không có lương tâm*
- *Có tri thức mà không có nhân cách*
- *Làm thương mại mà vô đạo đức*
- *Làm khoa học mà không nhân văn*
- *Có thờ cúng mà không chịu dâng hiến.*

Đối chiếu vào bảy điều này, thử hỏi giới trí thức, giới chính khách, giới doanh nhân, giới thực hành đức tin... mỗi giới phạm phải bao nhiêu điều?

Tôi nhớ khi xa xứ, có chuyện một chuyến phà qua eo biển bị lật thì vị thủ tướng nhận trách nhiệm về mình và từ chức, một chiếc máy bay đang lặn bánh chuẩn bị bay lên thì quệt cánh vào một máy bay khác trên đường băng... thế thôi, mà ông bộ trưởng giao thông xứ ấy từ chức ngay. Từ chức, vì ông tự thấy đó là trách nhiệm của mình. Trong khi tôi đang là người đứng đầu, mà nhân viên dưới quyền tôi để xảy ra vụ việc, thì tôi là người chịu trách nhiệm.

Ông ta không đổ lỗi cho phi công hay nhân viên trực tiếp gây ra tai nạn. Ông ta không đổ lỗi cho đối thủ chính trị lợi dụng vụ việc để công kích ông, không đổ lỗi cho báo chí ác ý moi móc ông, không đổ lỗi cho công chúng thiếu thiện chí đòi ông nhận trách nhiệm.

Ông không ngồi một mình mà thương thân rồi bật dậy phản kháng. Ông không tự nuôi dưỡng tâm lý mình đang tuần tiết vì mục tiêu cao cả. Ông cũng không tự nung nấu tâm lý một mình chống lại mafia. Đầu tiên và trên hết, ông tự thấy trách nhiệm thuộc về mình.

Đấy là ông có đạo đức nghề nghiệp. ■



Âm nhạc

trong tín ngưỡng cổ xưa

LÊ HẢI ĐĂNG

Triết học, tôn giáo, nghệ thuật là ba cột trụ quan trọng trong thành trì văn hóa. Trong đó, âm nhạc nằm ở cột trụ thứ ba. Trước khi phát minh ra chiếc máy tính để nối mạng internet toàn cầu, loài người đã sáng tạo ra âm nhạc nhằm kết nối với vũ trụ, dùng lời ca tiếng hát để “chat” với thần linh, những thế lực vô hình trong thế giới vô biên. Bởi vậy, trong nhiều tín ngưỡng cổ xưa - từ nguyên thủy đến saman, từ đa thần đến độc thần - đều sử dụng âm nhạc như một biện pháp thực hành nghi lễ, đồng thời qua đó gửi bức thông điệp của mặt đất tới nhiều cõi và đối tượng khác nhau.

Ở tín ngưỡng saman, âm nhạc hầu như chiếm lĩnh toàn bộ nghi lễ, kiểm soát vai trò phát ngôn viên đối với hoạt động nghi thức. Ngày nay, ta vẫn tìm thấy dấu vết đó qua hàng loạt nghi lễ cầu đảo, lên đồng, thuật du hồn... Thông qua lời cúng, ông đồng, bà cốt, vu sư, phù thủy... lồng ghép vào bên trong hình thức âm nhạc nội dung chuyển tải.

Ở tín ngưỡng Tứ phủ, dưới sự hộ tống của các cung văn, bà đồng mới thực hiện chuyến du hành qua các chiều không gian khác nhau; từ miền sông nước tới

đồng bằng mênh mông hay lên vùng sơn cước chọn von đưa rước thánh linh nhập giá (xác phàm). Trên cơ sở đó, tín lý vũ trụ quan chia bốn, gồm: Thiên phủ, Địa phủ, Thủy phủ và Nhạc phủ mới được xác lập.

Ở hát Then, thầy Then tự mình “dẫn dắt”, “tiến cử” với thần linh bằng những câu chú, bài khấn kèm theo điệu bộ, động tác, giọng điệu... và lời ca, tiếng đàn, một hình thức khu trú bên trong nội dung âm nhạc nhằm thỉnh cầu thần linh. Các loại hình nghi lễ cầu đảo đa số cần tới sức mạnh của âm nhạc, như hát Bồng rỗi, hát Sắc bùa, hát Đưa linh...

Còn ở hoạt động pháp sự trong những tín ngưỡng độc thần, đồ sộ như Phụng vụ Thánh lễ có tới cả ban Thánh ca phục vụ; có cây đàn tối cổ bảo lưu tiếng nói từ ngàn xưa là đàn pipe organ đóng vai trò thông ngôn, “phiên dịch” thứ ngôn ngữ âm thanh kỳ diệu. Trong không gian thánh đường nhà thờ, người ta luôn dành một vị trí trang trọng cho cây đàn organ cùng với ca đoàn.

Trong Đạo quán (tín ngưỡng Đạo giáo), cơ cấu tổ chức của Ban nghi lễ chia thành hai ban Kinh sám và Cổ nhạc. Tiến trình nghi thức chia thành các tiết mục,



gọi là khoa nghi, giống như ở Phật giáo. Đạo sĩ điều khiển, dẫn dắt Đạo sinh tiến hành nghi thức thông qua các thủ pháp xướng sám, tấu, đọc, bạch, tán, tụng, niệm, chú...

Ở Phật giáo, tùy thuộc từng truyền thống văn hóa khác nhau mà có sự khu biệt về quy mô, cách thức, vai trò, tính chất âm nhạc; song trên một tầng mức nhất định, âm nhạc dàn trải và có “độ phủ sóng” rộng trên bề mặt nghi lễ. Người Ấn Độ ngày nay còn bảo lưu nghệ thuật múa, có nghĩa là hát đàn đi kèm với động tác. Thời vua A-dục, âm nhạc Phật giáo đã phát triển rực rỡ và từng bước thoát ly khỏi vùng phát tích sau khi thâm nhập nhiều vùng văn hóa khác nhau, từ đó âm nhạc Phật giáo trải qua quá trình bản địa hóa và mang màu sắc xứ sở từng tộc người. Âm nhạc Phật giáo Nam tông và Bắc tông vì thế cũng khác nhau, từ phong cách tụng, niệm, xướng, tán... cho đến hệ thống bài bản.

Xét đến cùng, âm nhạc đại diện cho tiếng nói tình cảm của con người. Chủ thể văn hóa ở từng cộng đồng phơi bày bản thể khác biệt trước hết qua ngôn ngữ và sau cùng là văn hóa. Tính chất khác biệt này thậm chí đi sâu vào từng nhóm xã hội, nhỏ hơn là cá thể đơn lẻ. Khi ngôn ngữ âm nhạc cất lên, ngay lập tức tạo ra “đường biên” vô hình phân chia biên giới văn hóa. Có những đường biên nhỏ bé, mong manh, cũng có đường biên kiên cố, đồ sộ, trường tồn như trong môi trường tôn giáo, tín ngưỡng. Bằng chứng cho thấy, ở rất nhiều tín ngưỡng cổ xưa, hệ thống bài bản tuy có cập nhật, nhưng luôn bảo lưu bộ phận truyền thừa một cách nghiêm mật, như nghệ thuật Ứng phú của Phật giáo miền Trung, nhạc lễ Hòa Hảo, xướng Sám Đạo giáo (của người Hoa, Quảng Đông), nhạc lễ Phật giáo Sư Trúc Hiền (Triều Châu)... Thông qua vai trò ủy

thác, âm nhạc thấm sâu vào mảnh đất tâm linh nhằm duy trì quyền ngự trị đối với từng truyền thống.

Trong khi nhiều học giả coi thường sự khác biệt về tôn giáo, tín ngưỡng, Samuel Huntington trong cuốn “*Sự va chạm của các nền văn minh*” đã coi đây là những khác biệt không hề nhỏ. Và biên giới thể hiện cấu trúc “vách ngăn” bên trong tôn giáo, tín ngưỡng vô cùng tinh tế, phức tạp. Riêng về phong cách, tính chất cục bộ của từng phương tiện thực hành nghi lễ là âm nhạc đã thấy rõ mức độ bí hiểm. Xoay quanh vai trò truyền thừa thời, âm nhạc nghi lễ đã thể hiện “tính tự trị” không dễ gì xâm nhập. Chẳng hạn hệ thống kinh *Upaveda* hay *Gandharva-veda* của Ấn Độ không cho phép truyền ra bên ngoài tầng đồ Bà-la-môn. Với khúc thức âm nhạc vừa dài, vừa phức tạp như ở kinh *Veda*, khả năng lĩnh hội đối với ngay cả tông đồ đóng vai trò truyền thừa mang tính thế tập (cha truyền con nối) cũng gặp không ít khó khăn trong việc ghi nhớ. Còn hệ thống *Gandharva-veda* tuy đã có sự hỗ trợ của phương pháp ký âm, nhưng lý luận về âm giai vô cùng huyền bí. Thiên tông Trung Hoa tuy chủ trương “không lập văn tự”, “truyền riêng ngoài giáo điển” nên cho dù văn tự Thiên tông không ít nhưng bản thể của nó chẳng hề hiện hữu bên trong ngôn ngữ.

Âm nhạc tôn giáo ngoài tính chất “khép kín” về môi trường truyền bá, còn bảo lưu nguyên tắc truyền thừa khắt khe, rồi hệ thống bài bản đa dạng, hóc búa, đồ sộ, đi kèm với nó là động tác phối hợp. Rõ ràng, bên trong ngôi nhà thể xác và bên ngoài tòa thành văn hóa, con người đã dựng lên những bức tường ngăn cách vô hình lẫn hữu hình giữa các truyền thống khác nhau. Bởi vậy, thật thiệt thòi cho những cộng đồng còn bảo lưu tiếng nói, nhưng đã đánh mất tiếng hát, tiếng đàn... như nhiều dân tộc thiểu số trên đất nước ta.

Một khi thay thế ngôn ngữ hay âm nhạc dân tộc mình bằng sản phẩm của dân tộc khác, bản thể “tự tính” của dân tộc sẽ phai nhạt, dần dần đi tới biến mất khỏi bản đồ văn hóa thế giới. Vì âm nhạc vốn là vị phát ngôn viên thứ nhất, trước cả ngôn ngữ. Câu nói ngôn ngữ bất lực phát sinh ra âm nhạc hẳn nhắc nhở chúng ta về cội nguồn ban sơ, trước khi con người biết sử dụng ngôn ngữ, nhờ sự bất lực ấy đã sáng tạo ra âm nhạc, rồi sau khi ngôn ngữ được sinh ra, cũng xuất phát từ sự bất lực của nó mà âm nhạc tiếp tục được sử dụng nhằm bổ khuyết cho những mảng “lỗ chỗ” ở tiếng nói chưa được lấp đầy.

Âm nhạc trong tín ngưỡng, tôn giáo cổ chính là thứ tín hiệu vắt ngang qua khoảng trống vô biên của ngôn ngữ. Nó là thứ ngôn ngữ phổ biến, nhưng lại bó hẹp trong những đường biên văn hóa khác biệt. Với tính chất bảo thủ truyền thống, âm nhạc tín ngưỡng đóng vai trò “thông ngôn” giữa các nhóm đối tượng, từ con người đến thần linh, từ thế lực hữu hình đến vô hình trong thế giới vô biên. ■

Chúa Nguyễn Phúc Chu và việc đặt tên dòng họ Mạc Cửu

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Mạc Cửu (hay Mạc Kính Cửu) là một thương gia người Hoa có công khai phá, hình thành vùng đất Hà Tiên (Kiên Giang) vào khoảng đầu thế kỷ XVIII ở Đại Việt.

Nói về Mạc Cửu (1655-1735), sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức chép:

"Hà Tiên vốn là đất cũ của Chân Lạp, tục gọi là Mương Khâm, người Kinh gọi là Phương Thành. Ban đầu có người tên là Mạc Cửu gốc xã Lê Quách, huyện Hải Khang, phủ Lô Châu, tỉnh Quảng Đông, vào thời Đại Thanh, niên hiệu Khang Hy thứ 19 (1680), nhà Minh mất hẳn (nhưng mãi đến năm Khang Hy thứ 19, vùng Quảng Đông mới bình định xong). Mạc Cửu không khuất phục chính sách buổi đầu của nhà Đại Thanh, mới chừa tóc rồi chạy qua phương Nam, trú tại phủ Nam Vang nước Cao Miên. Ông thấy ở phủ Sài Mạt của nước ấy, người Việt, người Trung Hoa, Cao Miên, Đơ Bà (Chà Và) các nước tụ tập mở trường đánh bạc để lấy máu, gọi là thuế hoa chi, bèn thâu mua thuế ấy, lại còn đào được một hầm bạc nên bỗng trở thành giàu có. Từ đó ông chiêu mộ dân Việt Nam lưu tán ở các xứ Phú Quốc, Lũng Kỳ (hay Trũng Kè, Lũng Cà-réam), Cẩn Bột (Cẩn Vọt - Kampôt), Hương Úc (Vũng Thơm - Kompong Som), Giá Khê (Rạch Giá), Cà Mau lập thành bảy xã thôn. Tương truyền ở đây thường có tiên xuất hiện trên sông, do đó mới đặt tên là Hà Tiên (tiên trên sông)".

(*Gia Định thành thông chí*, sđd, tr.78)

Qua đó ta thấy từ năm 1680, Mạc Cửu đã lập ấp rải rác từ Vũng Thơm, Trũng Kè, Cẩn Vọt, Rạch Giá, Cà Mau. Hà Tiên trở thành thương cảng quan trọng, thôn ấp định cư nằm sát mé biển, thuận tiện cho ghe thuyền tới lui, hoặc ở đất cao theo Giang Thành, sông Cái Lớn, sông Gành Hào, Ông Đốc để canh tác. Ông lập ra bảy sông bạc dọc bờ biển: Mán Khảm, Long Kỳ, Cẩn Bột, Hương Úc, Sài Mạt, Linh Quỳnh và Phú Quốc (đảo Koh Tral). Thủ phủ đặt tại Cánh Khẩu (còn gọi là Mán Khảm, Kan Kao, Cẩn Khẩu, Cẩn Kháo, Cẩn Cáo). Tiếng đồn vang xa, lưu dân

gốc Hoa từ khắp nơi trong vịnh Thái Lan xin vào đây lập nghiệp, dần dần vùng đất này trở thành một lãnh địa phồn vinh với tên gọi mới: Cẩn Khẩu Quốc. Đảo Koh Tral cũng đổi tên thành Phú Quốc (vùng đất giàu có).

Bấy giờ, ở Gia Định, chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) đã lập xong phủ Gia Định. Người Việt và các di thần người Hoa đang định cư yên ổn. Nhận thấy muốn tồn tại phải có thế lực đủ mạnh để bảo vệ, che chở cho lãnh địa mà ông đã tốn công gây dựng. Sau khi cân nhắc, năm 1708¹ Mạc Cửu cùng thuộc hạ là Lý Xá, Trương Cầu đem lễ vật đến xin thần phục chúa Nguyễn Phúc Chu.

Sách *Gia Định thành thông chí* chép:

"Mạc Cửu sai thuộc hạ là Trương Cầu, Lý Xá dâng biểu trần tình lên kinh đô Phú Xuân khẩn cầu xin được đứng đầu trông coi đất ấy.

Tháng 8 mùa thu năm thứ 18 Mậu Tý (1708), chúa Nguyễn Phúc Chu chuẩn ban cho Mạc Cửu làm Tổng binh trấn Hà Tiên và phong tước là Cửu Ngọc hầu. Mạc Cửu lo xây dựng dinh ngũ và đóng binh tại Phương Thành (Hà Tiên), từ đó dân càng qui tụ đông đúc.

Tháng 4 mùa hạ năm thứ 21, Tân Mão (1711), Tổng binh trấn Hà Tiên Cửu Ngọc hầu Mạc Cửu đến cửa khuyết tạ ơn.

Tháng 5 mùa hạ năm thứ 11, Ất Mão (1735) đời chúa Nguyễn Phúc Chú Tổng binh Hà Tiên Cửu Ngọc hầu Mạc Cửu mất, thọ 78 tuổi, con trưởng dòng chánh là Mạc Tông tự là Thiên Tứ (hiệu Sĩ Lân Thị, Thụ Đức Hiên) dâng cáo tang".



Từ đó về sau, họ Mạc rất được chúa Nguyễn chú trọng và tin dùng. Đặc biệt, chúa đã ban cho dòng họ Mạc Cửu cách đặt tên chính và tên lót tương tự như truyền thống của các chúa Nguyễn (chúa Nguyễn Hoàng đặt tên con lấy chữ Phúc làm chữ lót cho các thế hệ nối tiếp của mình). Với chữ Mạc, chúa Nguyễn Phúc Chu cho thêm bộ Ấp vào chữ Mạc để chỉ họ của người bấy giờ này, tuy cũng đọc là Mạc, nhưng viết khác với họ Mạc của Mạc Đăng Dung; bấy giờ được coi là một bấy tôi "phản loạn". (*Tên họ người Việt*, sdd, tr.109).



Với họ Mạc, từ thời Mạc Cửu trở về trước, vốn không có tên lót, nhưng kể từ đời ông trở đi; dòng họ này được chúa Nguyễn Phúc Chu ban tặng bảy chữ theo phương pháp "Thất điệp phiên hàn" để đặt làm chữ lót theo thể thứ là : *Thiên - Tử - Công - Hầu - Bá - Tử - Nam*, thể hệ tiếp theo chữ *Nam* sẽ bắt đầu lại từ chữ *Thiên* và cứ thế tiếp tục mãi.

Về tên chính, các thế hệ sẽ dùng năm chữ thuộc ngũ hành tương sinh: *Kim - Thủy - Mộc - Hỏa - Thổ* để đặt tên. Chẳng hạn, con Mạc Cửu là *Mạc Tứ* - Chữ *Tứ* viết theo Hán tự gồm bộ *Bối* và chữ *Dịch*; áp dụng phương pháp *thất điệp phiên hàn*, Mạc Cửu đã dùng chữ *Thiên* làm chữ lót cho con và đem bộ *Kim* thay bộ *Bối* trong tên chính của người con này. Do đó *Mạc Tứ* đã trở thành *Mạc Thiên Tích*.

Theo phương pháp đặt tên đó, dòng họ này đã kế tục việc đặt tên và chữ lót cho con cháu của mình như sau:

- Mạc *Thiên* Tích: con Mạc Cửu.
- Mạc *Tử* Thiêm - Mạc *Tử* Duyên - Mạc *Tử* Sanh (trong các chữ: *Thiêm-Duyên Sanh* đều có bộ *Thủy*).
- Mạc *Công* Du - Mạc *Công* Tài- Mạc *Công* Thê (Du, Tài, Thê đều có bộ *Mộc*).
- Mạc *Hầu* Lâm (cháu cố Mạc *Thiên* Tích, con Mạc *Công* Du).
- Mạc *Bá* Bình (chắt của *Thiên* Tích, con Mạc *Hầu* Lâm).
- Mạc *Tử* Khâm (cháu chắt cố của Mạc *Thiên* Tích).
- Mạc *Nam* Lan (cháu đời thứ bảy của Mạc *Thiên* Tích, con của Mạc *Tử* Khâm).

Xem thế, ta thấy rằng dòng họ Mạc Cửu đã sử dụng *tên lót* và cách đặt tên theo sự ban tặng của chúa Nguyễn Phúc Chu rất chuẩn mực và kế tục được nhiều đời; vì thế có thể nói rằng, cho dù không phải là dòng họ *thuần Việt*, nhưng họ Mạc đã được coi như là một họ trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam mà mở đầu là Mạc Cửu, người có nhiều công lớn trong sự nghiệp mở cõi của Đại Việt

Cũng cần nói thêm, trong số các con cháu của Mạc

Cửu, rất nhiều người tiếp tục làm quan cho các chúa Nguyễn và vua Gia Long (1802-1820) sau này. Năm 1780, Mạc *Thiên* Tích mất, con là Mạc *Tử* Sanh, kế đó là Mạc *Tử* Thiêm liên tiếp thay nhau làm Trấn thủ Hà Tiên. Từ năm 1807, Mạc *Công* Du (con trưởng Mạc *Tử* Sanh) được quyền làm Trấn thủ Hà Tiên trong khi chú là Mạc *Tử* Thiêm được cử đi sứ ở nước Xiêm La.

Năm 1809, Mạc *Tử* Thiêm chết, Mạc *Công* Du theo lẽ được cử thay thế, nhưng *Công* Du năm ấy bị triều đình bãi chức vì liên quan đến một vụ án bán người hầu của một quan chức lớn khác; trong khi Mạc *Công* Tài (con Mạc *Tử* Thiêm) lại còn nhỏ, nên triều đình cử người không phải họ Mạc làm Trấn thủ Hà Tiên cho đến năm 1816. Ngay sau đó, vụ án của *Công* Du được sáng tỏ, nên *Công* Du được triều đình phong chức Phó sứ của phái bộ ngoại giao đi công cán ở Xiêm. Năm 1816, Mạc *Công* Du được phong chức Hiệp trấn Hà Tiên (Phó Trấn thủ, dưới quyền Trấn thủ Trương Phúc Giác). Năm 1819, được thăng Trấn thủ Hà Tiên cho đến năm 1829.

Sau đó, họ Mạc không còn cai trị xứ Hà Tiên nữa, vì dưới thời vua Minh Mạng (1820-1840), một số con cháu của họ đã tham gia vào cuộc nổi loạn của Lê Văn Khôi chống lại triều đình. ■

Chú thích:

1. Theo *Mạc thị gia phả* do Vũ Thế Dinh soạn xong năm 1818 thì Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên lên chúa Nguyễn vào năm Giáp Ngọ 1714; nhưng hầu hết các sách sử thế kỷ XIX như *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam liệt truyện*, *Gia Định thành thông chí* đều ghi là xảy ra vào năm 1708.

Tài liệu tham khảo:

- *Gia Định thành thông chí* (quyển 3, tập trung), Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn hóa Sài Gòn xuất bản, 1972.
- *Tên họ người Việt Nam*, Nguyễn Ngọc Huy, xuất bản ở California (US), 1998.
- *Mạc thị gia phả*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, Nxb VHNT, 2002.

Tháp Chăm trong ca dao Bình Định

Nguồn: mytour.vn

PHẠM TUẤN VŨ

Tiếp cận ca dao các tỉnh Nam Trung Bộ từ Quảng Nam vào Bình Thuận, nơi hiện còn những di/phế tích tháp Chăm, có thể thấy một hiện tượng thú vị: Bình Định là địa phương có ca dao nhắc đến tháp Chăm nhiều nhất.

1. Khi viết về quê mẹ, nhà thơ Xuân Diệu đã nhắc đến những ngôi tháp Chăm cổ:

*Quê mẹ gió nổi thổi lên tươi mát
Bình Định lúa xanh ôm bóng tháp Chăm.*

(Nhớ quê Nam)

Mùa hè năm 1984, lần đầu đến Quy Nhơn, nhạc sĩ Văn Cao đã viết những câu thơ xuất thần về tháp Chăm:

*Từ trời xanh
Rơi
Vài giọt tháp Chăm
Quanh Quy Nhơn
Tôi như một đứa trẻ yêu huyền thoại.*

(Quy Nhơn 3)

Nhưng trước hết, nói đến tháp Chăm trong thơ ca, phải nhắc đến *Điều tàn* (1937), tác phẩm “đột ngột xuất hiện giữa làng thơ Việt Nam như một niềm kinh dị”¹, nổi bật với thể giới điều tàn, đồ nát của sự người, ma Hời, tháp đền hoang phế:

*Tháng ngày qua, gạch Chăm đưa nhau rụng
Tháp Chăm đưa nhau đổ dưới trăng mờ.*

(Những sợi tơ lòng)

*Đây những Tháp gầy mòn vì mong đợi
Những đền xưa đồ nát dưới Thời Gian.*

(Trên đường về)

...

Tuy nhiên, nói đến tháp Chăm sớm nhất phải là ca dao. Trong ca dao của người dân Bình Định xưa, có đến hàng chục bài nói về cổ tháp mà dân tộc Chăm để lại. Trong đó, nhiều bài nhắc đến những ngọn tháp cụ thể như tháp Đồi/Hưng Thạnh, tháp Dương Long, tháp Bánh Ít, tháp Cảnh Tiên,...

Không phải ngẫu nhiên mà tháp Chăm xuất hiện thường xuyên trong ca dao Bình Định (và sau này là thơ hiện đại viết về/trên đất Bình Định). Bởi Bình Định, nơi có kinh đô Vijaya/Đô Bàn của vương quốc Chiêm Thành một thời lừng lẫy, là địa phương thứ hai, sau Quảng Nam, có nhiều tháp Chăm nhất Việt Nam. Hiện rải rác trên địa bàn tỉnh còn lại 8 cụm di tích với 14 ngôi tháp Chăm. Đọc theo các huyện/thị Tuy Phước, Tây Sơn, An Nhơn, Quy Nhơn, thỉnh thoảng ta lại bắt gặp những ngọn tháp Chăm cổ kính. Đọc ca dao Bình Định, đâu đó lại thấy bóng tháp thoáng của những ngọn tháp rêu phong. Có thể nói, tháp Chăm là một trong những kiến trúc đặc trưng ở Bình Định, đồng thời là dấu ấn đặc biệt trong không gian nghệ thuật của ca dao ở địa phương này.

2. Theo Trần Xuân Toàn, cũng giống như ngôi đình trong tâm thức người miền Bắc, tháp cổ là “một đặc trưng của không gian văn hóa trong ca dao địa danh Bình Định”². Không gian văn hóa trong ca dao xứ Nẫu khá đa dạng với nhiều mảng sắc màu khác nhau. Trên phong nền ấy, tháp Chăm nổi bật như là những không gian trên cao, với tính chất vừa cổ kính, thâm trầm, vừa trơ trọi, kỳ bí, mang đậm tính chất tâm linh; là nơi hướng đến trong động thái “ngó lên” của các chủ thể trữ tình trong ca dao Bình Định, một đặc trưng hiếm thấy của motif “ngó lên” trong ca dao ở các địa phương khác:

- Ngó lên hòn tháp, chợ Dinh
Biết ai có tưởng nghĩa mình hay không.
- Ngó lên trên đỉnh tháp Chăm
Nhớ ai như nhớ bóng nàng năm xưa.
- Ngó lên hòn tháp Cảnh Tiên
Cảm thương ông Hậu thủ thiếng ba năm.

Motif “ngó lên” khá quen thuộc trong ca dao Bình Định, ở đó, đối tượng được “ngó lên” thường là đỉnh núi, đặc biệt là tháp Chăm. Đây là cơ sở để Lê Minh Kha khẳng định: “Đằng sau những cụm “ngó ra”, “ngó

lên” bao giờ cũng là những địa danh xứ Nẫu Bình Định. Những dáng núi, hình tháp, mặt biển in hình bóng trong ca dao³. Tháp Chăm đổ bóng xuống không gian trong ca dao Bình Định như những kiểu không gian văn hóa đặc thù, nơi phản ánh ít nhiều đời sống văn hóa - tinh thần cùng những quan niệm, tâm tư của người Bình Định xưa.

3. Khi khảo sát về địa danh trong ca dao Bình Định, Đinh Hà Triều nhận thấy, tháp cùng với núi, ruộng, đèo là những loại hình địa danh “được nhắc đến nhiều nhất”. Tác giả cho rằng: “Bình Định có nhiều ngọn tháp Chăm, đó là những công trình kiến trúc văn hóa tuyệt mỹ người Chăm - chủ nhân cũ của mảnh đất này - mà người dân Bình Định không những đã ra sức giữ gìn và bảo vệ trên thực địa mà còn đưa vào ca dao như một biểu tượng”⁴.

Thật vậy, đi vào ca dao, tháp Chăm không còn là những khách thể xa lạ, bí ẩn, cô độc như bản thân chúng. Tháp trở thành những biểu tượng mang trong mình nhiều tầng ý nghĩa, là nơi người sống trên đất Bình Định xưa gửi vào đó những chứng tích thời cuộc, những quan niệm sống, những tình cảm tâm tư.

3.1. Tháp Chăm ở Bình Định gắn với vương triều Chăm-pa một thời hùng mạnh, là chứng nhân của một vương quốc Chiêm Thành một thuở lẫy lừng:

*Vững vàng tháp cổ ai xây
Bên kia Thủ Thiện, bên này Dương Long
Nước sông trong dòng dâu bể
Tiếng anh hùng tạc để trăm năm.*

Một số tháp, đặc biệt là tháp Cánh Tiên, gắn liền với kinh thành Đồ Bàn/ Trà Bàn/ Chà Bàn (cách nhau 400m), từng có vị trí đặc biệt trong đời sống tinh thần - tín ngưỡng của người Chiêm xưa, cũng là nơi chứng kiến bao phen thay đổi sơn hà, tang thương dâu bể. Sự kiện ông Hậu tướng quân Tả tiền dinh chưởng cơ Võ Tánh tuấn tiết giữ thành Hoàng Đế (cố đô Đồ Bàn sau này), để trọn lòng trung với Nguyễn Phúc Ánh được ca dao nhắc lại cùng với tháp Cánh Tiên:

*- Ngó lên hòn tháp Cánh Tiên
Cảm thương ông Hậu thủ thiêng ba năm.
- Ngó lên ngọn tháp Cánh Tiên
Hỏi thăm ông Hậu thủ thiêng vì ai.*

3.2. Tháp Chăm là những công trình kiến trúc tuyệt mỹ từ tâm hồn, trí tuệ và bàn tay tài hoa của người Chiêm xưa, của nền văn minh Chăm-pa rực rỡ. Đi vào ca dao Bình Định, những di tích này trở thành biểu tượng cho vẻ đẹp, truyền thống văn hóa của quê hương. Do đó, khi nhắc đến tháp cổ, giọng điệu nhiều bài ca dao thường thiết tha, tự hào.

Chẳng hạn:

*- Ai về Tuy Phước ăn nem
Ghé qua Hưng Thạnh mà xem tháp Chăm.*

Hưng Thạnh là một làng cũ ngày xưa ở thành phố Quy Nhơn bây giờ, nơi tháp Đồi tọa lạc. Cho nên tháp

này ngoài tên gọi tháp Kmer (người Pháp gọi, theo như Quách Tấn trong *Nước non Bình Định*), còn có tên tháp Hưng Thạnh.

Hoặc như tháp Bánh Ít (còn có tên Thị Thiện) nằm gần cầu Bà Di, trên đường Quốc lộ 1, gần Quốc lộ 19 lên Tây Nguyên, không còn là cảnh đẹp riêng của Bình Định mà đã trở thành thắng cảnh của đất nước gấm hoa dọc theo con đường thiên lí của “nước non ngàn dặm”, được ca dao nhắc đến với cảm hứng tự hào:

*- Tháp Bánh Ít đứng sít cầu Bà Di
Sông xanh núi cũng xanh rì
Vào Nam ra Bắc ai cũng đi con đường này.*

3.3. Đặc biệt, với tính chất bền vững với thời gian, trường tồn cùng mưa gió, lại đứng sừng sững (trường hợp tháp Đồi), tháp Chăm còn đi vào ca dao với tư cách là những biểu tượng cho tình yêu lứa đôi của con người Bình Định:

*- Cầu đôi mà tháp cũng đôi
Vật vô duyên mà còn đèo bồng duyên đôi lứa
Hướng chi tôi với nàng.
- Cầu đôi mà tháp cũng đôi
Để chi nhân ngãi mà rời được nhau.
- Ngó lên mấy ngọn tháp Chăm
Nhớ ai như nhớ bóng nàng năm xưa.*

Nhiều khi, từ ẩn dụ tình yêu lứa đôi, tháp Chăm còn trở thành biểu tượng của tình yêu quê hương, đất nước mà người Bình Định gửi gắm:

*- Tháp kia còn đứng đủ đôi
Cầu nằm đủ cặp, hướng chi tôi với nường
Tháp ngạo nắng sương
Cầu nường sắt đá
Dù lời thiên hạ
Tiếng ngả lời nghiêng
Cao thâm đã chứng lời nguyện
Còn cầu còn tháp còn duyên đôi lứa mình
Nước non nặng gánh chung tình.*

4. Có thể nói, hiếm có ở nơi đâu, tháp Chăm được nhắc đến trong ca dao, thơ ca nhiều và với những vần thơ đẹp như ở Bình Định. Từ xa xưa, tháp Chăm đã đi vào ca dao nơi đây, một cách mộc mạc, bình dị mà tha thiết, chân thành, mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp. Từ mạch nguồn ấy, tháp Chăm đã gợi lên bao cảm hứng tiếp nối cho thơ hiện đại mà Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Văn Cao là những tác giả đã thành công... ■

Chú thích:

1. Hoài Thanh - Hoài Chân (2006), *Thi nhân Việt Nam*, Nxb Thanh Hóa, tr.216.

2. Trần Xuân Toàn, “Mấy nét về ca dao địa danh Bình Định”, báo *Bình Định*, ngày 2-4-2004.

3. Lê Minh Kha, “Môtíp “ngó ra”, “ngó lên” trong ca dao Bình Định”, báo *Bình Định*, ngày 19-6-2011.

4. Đinh Hà Triều, “Địa danh trong ca dao Bình Định”, dẫn theo www.maxreading.com.



Rùa thiêng huyền diệu

NGUYỄN HIẾU TÍN

Xung quanh việc có nên hay không đặt hình tượng rùa vàng làm tượng đài trong không gian thờ mộng của hồ Hoàn Kiếm (Hà Nội) trong thời gian qua tạo nên một sức hút của dư luận. Đã có rất nhiều ý kiến trái chiều từ các nhà khoa học, nhà sử học, xã hội học, cho đến các chuyên gia về không gian đô thị, kiến trúc sư... về vấn đề này. Nhưng tất cả đều có một điểm chung là thừa nhận giá trị văn hóa, giá trị tâm linh của rùa vàng từ ý niệm cho đến biểu trưng hóa vật thể, mà dân gian trân trọng gọi là kim quy hay linh quy. Bởi lẽ, linh quy là một linh vật độc đáo thuộc bộ tứ linh "long - lân - quy - phụng", vừa là biểu tượng cho sự thiêng liêng, huyền diệu, sự trường tồn, vững chãi, vừa là những biểu tượng thẩm mỹ trong tâm thức và cảm quan của thế giới phương Đông. Đặc biệt hơn, đối với người Việt, linh quy xuất hiện khá sớm, gắn liền với nhiều huyền thoại về quá trình dựng nước và giữ nước. Và do vậy, dù có nhận định như thế nào đi chăng nữa, thì vẫn có một sự thật rằng: Rùa luôn có mặt trường kỳ trong lịch sử của dân tộc này, và ngày cả ngày nay cũng vậy!

Kẻ sáng thế và công cả vũ trụ

Mỗi loài vật đều mang trong mình những đặc điểm riêng biệt, và chính những đặc điểm đó đã quy định những phạm trù ý nghĩa khác nhau từ thế giới biểu tượng của con người.

Xét về mặt sinh học, rùa là loài bò sát lưỡng cư có tuổi thọ cao và thân hình vững chắc. Cơ thể của rùa ẩn trong bộ giáp xương hợp thành mai và yếm. Mai rùa rất cứng nhằm bảo vệ ngũ tạng và tránh được sự thủy phân. Vì vậy, khi bị nguy hiểm, rùa co đầu, rút đuôi, bốn chân vào dưới mai để phòng vệ. Nó có thể nhịn ăn uống mà vẫn sống trong một thời gian dài. Chúng thường sống ở đáy sông, suối, đầm, hồ, ao... lặn giỏi, có thể bơi ở đáy nước hàng giờ nhờ vùng họng của rùa có nhiều mạch máu. Loài rùa rất trường thọ, nhất là rùa biển, nếu ở môi trường thuận lợi chúng có thể sống vài trăm năm. Hiện nay, thế giới có khoảng 200 loài rùa khác nhau. Ở Việt Nam có 29 loài rùa, trong đó rùa ở hồ Hoàn Kiếm và rùa hồ Đồng Mô được vinh dự là hai trong số bốn cá thể được coi là chủng loại rùa mai mềm nước ngọt lớn nhất thế giới. Vào ngày

19-01-2016, cụ rùa hồ Gươm đã qua đời, thọ 100 tuổi, với sự thương tiếc của nhiều người dân trong cả nước. Chúng loại rùa này được xếp vào loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng rất cao, đã được ghi vào trong Sách đỏ Việt Nam.

Theo *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, rùa thuộc cả nam tính và nữ tính, thuộc loài người và vũ trụ. Về mặt triết học, rùa là vật linh tượng trưng cho vũ trụ với chiếc mai cong tượng trưng cho vòm trời - dương, bụng phẳng tượng trưng cho mặt đất - âm, trên chiếc mai lại có những ô hoa văn kỳ lạ, biểu trưng cho ký hiệu của trời đất muốn chuyển tải đến loài người. Cái khối cục mịch của nó, cùng với sức lực bướng bỉnh, nhẫn nại, chịu thương chịu khó, bốn chân ngắn cắm vào đất vững chắc trông như những chiếc cột ở đền thờ, hay cái cột đình của làng bản. Chúc năng “chống đỡ”, “đảm bảo sự ổn định” của thế gian này đã gắn rùa với các vị thần cao nhất và gợi lên ý tưởng về sức mạnh, khiến rùa trở thành “một kẻ sáng thế” và “cống cả thế giới” trong nhiều huyền thoại Đông - Tây.

Trong các huyền thoại Mông Cổ, rùa được hình dung là “nhân vật” chống đỡ ngọn núi trung tâm của vũ trụ. Đối với người Kamouk thì họ tin rằng ngày tận thế được bắt nguồn từ cú “lật mình” của rùa khi rùa cống thế giới bị kiệt sức bởi khí nóng mặt trời lên đến đỉnh điểm sẽ nung khô và thiêu cháy mọi vật. Ở Ấn Độ, rùa trở thành là một giá đỡ ngai thần. Đặc biệt trong thần thoại *Khuấy biển sữa*, rùa là Kurma - avatara làm giá đỡ của núi Mandara, giữ cho ngọn núi này vững chãi khi Deva và Asura tiến hành cuộc chiến khuấy biển sữa để tạo ra Amrita trong tác phẩm kinh điển này. Tương tự, ở Trung Quốc, vai trò của rùa biểu hiện sự ổn định, vững chãi của thế giới thần tiên cũng như thế giới loài người. Nên trong sách *Liệt Tử* chép rằng: Đảo Tiên đứng vững được vì nhờ có rùa cống trên lưng. Huyền thoại Trung Hoa cho rằng khi bắt đầu có trời đất, thì vũ trụ ở trên một cái thế chông chênh, không vững. Bà Nữ Oa phải lấy chân rùa kê núi, nên lập ra bốn cực của thế giới, nhờ đó người trần gian mới được sống yên lành. Còn trong các mộ phần của hoàng đế, mỗi cây cột đều được dựng trên một mai rùa cũng không ngoài ý nghĩa đó.

Hình thế “vững như bàn thạch” của rùa nhắc ta nhớ đến hình dáng “nhà cao cửa rộng” để trú thân của tộc người Mường ở Việt Nam trong tác phẩm sử thi *Độc đáo Đẻ đất đẻ nước*. Chuyện kể rằng vị Tổ của người Mường lúc bấy giờ là Lang Cun Cẩn thấy đời sống còn lạc hậu, nên ông đã sai người dò la cách thức cải thiện cuộc sống này. Cuối cùng gặp được rùa vàng tư vấn: “cho biết cách làm nhà mà ăn mà ở” bằng phương pháp cứ nhìn dáng thân rùa mà bắt chước:

*Bốn chân tôi làm nên cột cái
Nhìn sườn dài, sườn cắt mà sắp làm rui
Ngó qua đuôi làm chái
Nhìn lại mặt làm cửa sổ cửa thang*

*Nhìn vào xương sống làm đòn nóc dài dài
Muốn làm nên mái thì trông vào mai mà gộp.
...*

Nhờ có sự chỉ bảo tận tình của rùa vàng, mà sau đó:

*Mường lớn Mường nhỏ
Đã làm được cửa được nhà
Có cửa vào cửa ra
Nhà hai chái mười hai ngăn
Ba mươi sáu cửa sổ.
...*

Cùng quan niệm như tộc người Mường, tộc người Thái cũng có truyền thuyết thần rùa được đấng tối cao cử xuống dạy cho dân biết cách làm nhà theo hình rùa đứng. Bởi vậy trên cột thiêng, tức là biểu tượng linh hồn của ngôi nhà, bao giờ cũng có hình thần rùa - “pua tấu”. Tư duy thú vị này được lý giải là vì rùa có phần mai cong (lưng) biểu tượng cho trời, còn phần bụng phẳng tượng trưng cho đất. Bởi vậy, khi trời đất giao hòa, con người sẽ nằm ở giữa. Và phần giữa ấy giống như cái nhà đối với con người, với phần mái là chiếc mai rùa, sàn nhà là phần bụng rùa và cột nhà chính là phần chân rùa.

Tuy vậy, dù là biểu thị cho quyền năng sáng thế vũ trụ, cho công năng chuyên chở thế gian đi chặng nữa, thì rùa vẫn là một người bạn, một biểu tượng của quán tưởng, của sự trở lại trạng thái khởi nguyên, với bước đi chắc nịch, âm thầm lao động, miệt mài sáng tạo, một tư thế cơ bản của trí tuệ!

Mật mã của văn hóa Việt

Tư duy văn hóa Việt vẫn thuần nhất là tư duy sông nước và nông nghiệp của vùng văn hóa Đông Nam Á, rùa tuy là biểu tượng của thần linh nhưng hết sức gần gũi với cuộc sống của con người. Trong ca dao Việt Nam, có câu hát rằng:

*“Thương thay thân phận con rùa,
Ra đền đội hạc, lên chùa đội bia”.*

Để nói về thân phận tội nghiệp của rùa. Điều này, có lẽ xuất phát từ bản tính hiền lành, chậm chạp, chăm chỉ, chịu thương chịu khó của rùa. Bởi lẽ, trong thực tế, hầu hết những chuyện cổ, những giai thoại, thành ngữ liên quan đến rùa đều dành cho rùa một vị trí trân trọng và thiêng liêng tôn quý.

1. Trong *Kinh Dịch*, thiên *Hệ từ hạ* có câu: “*Hà xuất đồ, Lạc xuất thụ, thánh nhân tắc chi*” (Sông Hà có hình đồ, sông Lạc có mật thụ, thánh nhân theo đó mà cai trị) nhằm nhắc đến truyền thuyết Trung Hoa cho rằng vào đời Phục Hy, có long mã xuất hiện ở sông Hà. Đời Hạ Vũ, có rùa xuất hiện ở sông Lạc. Trên lưng long mã và rùa ở hai nơi ấy đều có những hình vẽ, những dấu hiệu như những chữ viết (đồ thụ), người xưa theo đó

mà làm ra Hà đồ và Lạc thư - một kỳ thư triết học - cơ sở của ngũ hành, diễn tả quy luật biến đổi, tuần hoàn trong vũ trụ. Khi bàn về vấn đề này, Giáo sư Trần Ngọc Thêm có cái nhìn rất tinh tế, độc đáo và khoa học rằng: *"Đã là truyền thuyết, thì hẳn là ít nhiều bịa đặt. Nhiều học giả Trung Hoa trước đây cũng đã thấy rất rõ tính bịa đặt trong truyền thuyết về Hà đồ và Lạc thư của tác giả Khổng An Quốc và Lưu Thâm này. Tiền Nghĩa Phương đời Nguyên trong cuốn "Chu Dịch đồ thuyết" đã từng viết: "Quốc và Hâm đều bảo Phục Hy bắt chước Hà đồ để làm vạch bát quái, hậu thế tin theo hết đời nọ sang đời kia mà chẳng biết tình ngộ. Hiền tài như Chu Tử (Chu Hy đời Tống) mà không thoát khỏi khúc thuyết (lời nói quanh co), cuối cùng cũng chẳng thông hiểu vấn đề"* [3:140]. Nhận định này khá thuyết phục. Thật vậy, con rùa mang Lạc thư trong truyền thuyết trên là một con vật sống ở vùng sông nước phương Nam, mà chính sử Trung Hoa đã ghi nhận trong các sách của họ. Trong sách cổ *Ngự phê thông giám tập lãm* của Chu Hy (Trung Hoa) viết: *"Năm thứ Năm đời vua Nghiêu (2353 trước Tây lịch) có người Việt Thường từ phương Nam đến châu, qua hai lần thông dịch dâng một con rùa lớn sống ngàn năm, vuông non ba thước, trên mai có khắc chữ Khoa đầu (hình giống con nòng nọc) ghi chuyện từ khi mở trời đất. Vua Nghiêu sai chép lấy, gọi là Quy Dịch".* Sự kiện này cũng được nhiều sử cổ trong và ngoài nước khác ghi lại, như: sách *"Thuyết văn giải tự"* của Hứa Thận và *"Thông chí"* của Trịnh Tiểu đời Tống, sách *"Lĩnh Nam chích quái"* của Vũ Quỳnh... Đoạn văn cổ này cho phép chúng ta đoán rằng: Nam Bắc vốn là hai nền văn hóa khác nhau (phải qua hai lần thông dịch). Rùa là đặc sản phương Nam nên được làm quà biếu; phương Nam có văn tự riêng trước Hán và khác Hán (chữ khoa đầu); phương Nam có những tri thức cổ (chuyện từ khi mở trời đất) và được vua Nghiêu sai phiên dịch và ghi lại (quy dịch). Theo đó, trong ngũ hành về vật linh (tả thanh long - rồng, hữu bạch hổ - hổ, tiền chu tước - chim, hậu huyền vũ - rùa, trung tâm là con người), rùa thuộc phương Bắc hành thủy (nước), có tầm quan trọng số một (sau đất, hành thổ) đối với nghề trồng nông nghiệp lúa nước. Bởi rùa gắn liền với nước, nó hiền lành, chậm chạp, sống lâu (ổn định, bền vững, âm tính), nhưng rất linh hoạt: ai động đến nó sẽ lập tức thu đầu và tứ chi vào bộ áo giáp của mình (nhờ linh hoạt mà ổn định và bền vững). Đặc điểm này của rùa cũng chính là tính cách đặc trưng của dân tộc Việt: lối sống linh hoạt và ưa sự ổn định.

Như vậy, rùa đã mang sẵn trên lưng những dự báo trong việc quan trắc hiện tượng tự nhiên, rồi từ đó suy ra các hiện tượng xã hội. *Kinh Dịch* là một kho tàng triết học uyên thâm của văn hóa phương Đông và phải nhận rằng rùa đã mở đầu cho nền triết học kỳ vĩ ấy. Phải chăng rùa chuyên chở văn tự, một nền tri thức cổ xưa, nên hoa văn trên mai rùa lại là những "mật ngữ" huyền bí. Sự linh thiêng, màu nhiệm đó đã trở thành

"công cụ" hành nghề không thể thiếu đối với những nhà tiên tri dự đoán trước đây, mà dân gian hay gọi là "sờ mu rùa" của các vị thầy bói toán là vì lẽ ấy.

2. Xét về huyền thoại, người Việt xưa đã gửi gắm nhiều khát vọng, nhiều thông điệp qua hình ảnh rùa, khiến chúng ta thêm trân trọng và tự hào về một dân tộc bất khuất và yêu chuộng hòa bình.

Trong truyền thuyết, và ký ức dân gian qua những chuyện cổ tích rùa thần xuất hiện với linh khí thần kỳ biểu trưng cho sức mạnh Việt Nam. Còn nhớ, vào khoảng thế kỷ thứ III trước Tây lịch, có chuyện Rùa Vàng, tức thần Kim Quy đã cho Thục Phán An Dương Vương mượn thanh bảo kiếm để chém tinh gà trắng, dựng được thành Cổ Loa, để lại câu ca dao trong tâm thức người Việt:

*"Ai về thăm huyện Đông Ngàn
Ghé thăm thành ốc, rùa vàng tiên xây".*

Sau đó, lại cho nhà vua mượn móng rùa để làm nõ thần, đánh đuổi giặc ngoại xâm phương Bắc. Thần Kim Quy còn thân thiết với vua, đồng hành cùng vua, ngay cả đến lúc cùng đường tận lực, vua cũng được thần rẽ sóng nước đi vào cõi vĩnh hằng.

Sau sự kiện trên 18 thế kỷ, rùa vàng lại xuất hiện để nhận lại thanh bảo kiếm mà Lạc Long Quân đã cho vua Lê Lợi mượn từ ngày dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn chống giặc Minh. Nhận gươm ở sông Lương, trả gươm ở hồ Lục Thủy. Câu chuyện truyền thuyết này ắt do kể sĩ sáng tạo. Nó chứa đựng những thông điệp rất hợp lòng dân, nên ngay lập tức, nó lan truyền nhanh, mọi người đều thuộc và kể lại cho nhau nghe, vì nó sinh động và hấp dẫn. Sức hút của truyền thuyết "rùa thần đòi gươm" mạnh đến mức, hồ Lục Thủy được đổi thành tên hồ Hoàn Kiếm, âm vang sáu thế kỷ nay, và mãi mãi lan truyền ra thế giới khát vọng hòa bình của người dân Thăng Long- Hà Nội.

Như vậy, rùa vàng không chỉ gắn liền với huyền thoại bi tráng của dân tộc về quá trình dựng nước, giữ nước mà còn gắn với một huyền thoại tuyệt đẹp về tính nhân văn trong việc giữ gìn hòa bình, khép lại chiến tranh bằng hành động trả lại gươm thần. Đây cũng là ước vọng ngàn đời của dân tộc - khát vọng hòa bình.

Triết lý của sự vĩnh cửu

Trong đời sống tâm linh, rùa là một trong bốn linh vật (tứ linh): long (rồng), lân (kỳ lân), quy (rùa), và phượng (phượng hoàng), thường ngự trị ở các đền chùa, được cung nghênh trong các lễ hội. Theo đó, rồng tượng trưng cho sức mạnh, lân tượng trưng cho thái bình, phượng tượng trưng cho hạnh phúc, thì rùa là biểu tượng cho sự thiêng liêng, huyền diệu, sức khỏe, tuổi thọ và sự trường tồn. Rùa xứng đáng là biểu tượng thẩm mỹ trong tâm thức và trong cảm quan của người dân Việt.



1. Ở người Việt xưa, trong dân gian vẫn lưu hành câu thành ngữ: *Quy trừ hạc toán*, tức là tính toán, cầu chúc cho tuổi thọ ngang với tuổi hạc, tuổi rùa. Điều đó, cũng phần nào lý giải cho việc “*ra đến đội hạc*” của rùa. Bởi vì, sự kết hợp giữa hai con vật linh là rùa và hạc này đội nhau đã tạo nên biểu tượng “*thọ đội thọ*” (song thọ). Vì lẽ đó, trong các đình miếu ta thường thấy đôi rùa đội hạc đứng chầu hai bên bàn thờ các vị thần linh hay thần hoàng, biểu hiện sự thanh tao và trường tồn.

Cũng có cách lý giải khác cho rằng hạc là loài chim quý được dùng để tượng trưng cho đạo giáo thần tiên, ở đâu có hạc là ở đó có tiên nên các hoa văn, họa tiết trang trí thường có cảnh tiên cưỡi hạc. Theo dân gian, con hạc đầu đội công lý, mắt biểu trưng cho mặt trời và mặt trăng, cánh là gió, lông là cây cỏ, còn chân có ý nghĩa là đất. Bởi vậy, đây là một linh vật biểu tượng cho không gian, cho bầu trời và lực dương. Do đó, hạc còn biểu hiện cho sự tinh tuý, thanh cao, siêu thoát có tính đạo giáo. Còn con rùa thuộc phần âm, biểu trưng cho đất. Hơn nữa, rùa không ăn nhiều, nhịn đói tốt nên được coi là một con vật biểu trưng cho sự thanh cao, thoát tục. Đó là tư duy nông nghiệp, âm dương đối đãi tồn tại từ bao đời nay ở dân tộc ta. Cho nên, hình ảnh hạc đứng trên mình rùa thể hiện sự hài hòa, gắn kết giữa hai thái cực âm dương (bầu trời và mặt đất). Có âm, có dương, tức là có sự sống và do đó, nó là biểu tượng của sự phát triển và trường tồn.

2. Chính vì tượng trưng cho sự trường tồn và bất diệt mà hình ảnh rùa đội bia đá, trên bia ghi lại những câu chuyện, lịch sử, danh nhân... thể hiện sự “tín nhiệm” của ông cha ta khi giao cho rùa việc lưu giữ văn hoá, sử sách được trường tồn với thời gian và dân tộc. Ở Việt Nam, hình tượng rùa đội bia đã xuất hiện từ thế kỷ XII, ở chùa Linh Ứng (Thanh Hóa), nhưng đến thế kỷ XV, từ đầu thời Hậu Lê, mới bắt đầu phổ biến. Rùa đá lớn nhất đội bia Vĩnh Lăng được xác nhận ở khu Lam Kinh - Thanh Hóa, dài 346, rộng 2m. Tại Văn Miếu Hà Nội là nơi còn bảo lưu đầy đủ nhất các tác phẩm rùa đội bia đá của Việt Nam với 82 tấm bia để danh 1.304 vị tiến sĩ triều Lê từ năm 1442 đến năm 1780, và nhiều

tấm bia khác trong cả nước. Về hình thức, những tấm bia đá được sáng tạo theo đúng với quy định của trời đất và các tầng vũ trụ. Chán bia và vòng chầu mặt trời là biểu trưng của tầng trên. Còn đế rùa đóng vai trò ở tầng dưới, sự việc của con người sẽ nằm ở giữa con rùa và hình chầu mặt trời. Điều đó tạo nên mối quan hệ hài hòa thiên địa nhân hợp nhất. Hay có thể nói, ba biểu tượng ấy hợp lại tạo thành hình ảnh rùa đội bia với thế vững chãi, bền chắc mang ý nghĩa trường thọ, vĩnh cửu, biểu tượng cho sự bền vững. Mặt khác, hình ảnh rùa đội bia biểu hiện sự tôn trọng trí thức, đề cao học vấn trong công cuộc dựng nước của các bậc tiền nhân. Thế mới rõ công lao: “*ra đến đội hạc, lên chùa đội bia*” của rùa đã chuyển tải thông điệp về văn hóa tri thức và văn hóa tâm linh của dân tộc. Không chỉ có hình ảnh rùa đội bia, đội hạc, mà trong văn hóa của người Việt có rất nhiều hình ảnh biểu tượng đặc sắc khác hình ảnh rùa đeo Lạc thư, hoặc mang kiếm thư trên lưng... biểu thị cho sự vận hành của vũ trụ và là bệ phóng đem lại báu vật cho trần gian đó là tri thức và trí tuệ.

Hình ảnh thân thương và huyền bí của rùa, đến nay vẫn còn nguyên giá trị tốt đẹp của nó. Trong tâm thức người Việt, không chỉ gắn liền với hình tượng rồng bay lên thẳng hoa trên trời cao “Thăng Long” mà còn gắn liền với hình tượng rùa ổn định, trường tồn, sâu lắng ở mặt đất. Biểu tượng của sự thăng hoa trên nền tảng của sự vững chãi, kiên cố đó, hy vọng rằng Việt Nam sẽ phát triển một cách toàn diện với một sức mạnh tiềm ẩn và một chiều sâu văn hóa đích thực trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Đức Dương (chủ biên), 2014, *Biểu tượng văn hóa ở làng quê Việt Nam*, Nxb Văn Hóa-Thông Tin.
2. Vũ Ngọc Khánh, 2005, *Hành trình vào Folklore Việt Nam*, Nxb Thanh Niên.
3. Trần Ngọc Thêm, 1997, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Tổng Hợp TP.HCM.
4. Mai Thực, 2011, *Cụ rùa hồ Gươm*, trang web Newvietart.com.



Bức thư của người mẹ trẻ

TRƯƠNG VĂN DÂN

Con thương yêu,
 Từ hơn tháng nay... mẹ biết có sự hiện diện của con bên trong thân thể mình. Mẹ con mình đã "quen" nhau dù mẹ chưa thực sự thấy hình dáng con như thế nào. Khuôn mặt con ra sao? Chiếc mũi, đôi mắt con thế nào? Đến giờ mẹ chỉ có thể tưởng tượng ra thôi... thế nhưng mẹ vẫn cảm nhận một nhịp đập khê khàng như hơi thở trong lòng mẹ, cảm nhận những máy động của con qua giác quan bén nhạy của tình mẫu tử... vì thế cho nên mẹ nghĩ là mẹ con mình đã bắt đầu biết và "hiểu" nhau... Bây giờ đây mẹ biết là con đang thực hiện những bước chân nhỏ nhoi để bước vào thế giới loài người cùng với nhiều người khác. Có người gầy gù,

có kẻ xa xôi nhưng dù muốn dù không con sẽ chia sẻ cùng họ một phần lịch sử làm người.

Mẹ đang tưởng tượng đến đôi mắt của ba con lúc con mở mắt nhìn đời. Ánh nhìn vui sướng khi thấy con hiện diện. Ba sẽ nắm lấy bàn tay con, nghe con khóc tiếng đầu tiên khi chào đón cuộc đời mà ba mẹ đang đối diện. Nhìn ánh mắt tràn đầy yêu thương đó, mẹ còn thấy trong đó có niềm vui nhưng cũng pha lẫn lo âu vì muốn được bảo bọc con về những điều mà lớn lên con phải gánh lấy.

Mẹ tin chắc là ba con sẽ nghe được tiếng khóc đầu đời của con, vì rất yêu mẹ, ba con sẽ không bao giờ rời xa mẹ, hướng chi đó là lúc mà mẹ phải chịu bao đòn đau và khó nhọc để sinh con. Ba con lúc đó sẽ ở bên

chạnh mẹ. Nắm lấy bàn tay mẹ để chia sẻ nỗi đau và niềm vui được đón nhận con. Rồi còn những ngày sau đó, ba mẹ, ông bà, chú bác, anh em, họ hàng... tất cả sẽ là những người mà con có thể nương tựa và tất cả sẽ cùng giúp con bước đi trên con đường khúc khuỷu và gập ghềnh mà người ta gọi là đường đời.

Từ ngày biết có con, mẹ ít nghĩ về mình. Những lúc ngước nhìn trời cao mẹ luôn cầu nguyện là con sẽ được sinh ra, khỏe mạnh và có một cuộc sống bình an. Mẹ cảm ơn trời Phật đã cho mẹ được làm mẹ và mẹ mong là mình sẽ xứng đáng với quà tặng quý giá nhất đời này.

Con sẽ sinh ra trên đất nước Việt Nam. Thành phố Sài Gòn mang đậm tính lịch sử. Con sẽ làm quen với đời sống ở đây, học hỏi những tập quán và những điều kỳ diệu về tính năng động của nó. Mẹ mong rằng con sẽ yêu thích vì từ thành phố này con sẽ lớn lên và khám phá cuộc đời.

Nhiều lần trong những ngày này, mẹ tưởng tượng về một tương lai cho con, mẹ hay nghĩ đến những gì con có thể làm, những bước chân đầu tiên mà con sẽ tung tăng. Có lẽ đó là khuyết điểm bẩm sinh của những người mẹ, và chỉ đến bây giờ mẹ mới hiểu, nhưng đồng thời mẹ cũng muốn con tự khám phá ra tất cả những gì mà cho đến lúc này mẹ đã học hỏi từ cuộc đời và giải thích cho con về những điều mà mẹ đã từng học từ những sai lầm. Mẹ hy vọng là chúng mình có đủ thời gian để thực hiện điều đó.

Mà chắc rồi! Dù có bận bịu đến đâu mẹ cũng sẽ dành cho con rất nhiều thời gian. Mẹ hứa là sẽ tổ chức lại đời sống để tự mình chăm sóc và dạy dỗ con chứ không phải suốt ngày bận bịu vì công việc rồi giao con cho người giúp việc. Không! Mẹ con mình sẽ ở bên nhau. Thời gian bên cạnh nhau là thứ quý nhất. Vàng bạc, đất đai dù có giá cao đến đâu cũng có người bán. Còn thời gian thì không tiền bạc nào mua được và mẹ nguyện sẽ dành cho con thời gian mà mẹ có.

Đó là món quà tặng quý giá nhất mà mẹ có thể trao cho con. Vì khi tặng thời gian, chính là tặng một phần đời của mẹ vì thời gian đó mẹ không bao giờ có thể lấy lại.

Con, cũng như tất cả những đứa bé khác, ngay từ lúc sinh ra đã là một phần của Tương Lai. Một hạt giống tuyệt vời mà cuộc đời đã ban tặng. Ba mẹ và tất cả những người lớn có bổn phận và trách nhiệm sẽ không để con thiếu bất cứ điều gì để trưởng thành, khôn lớn.

Mẹ ước ao là những người lớn sống bình an, trách nhiệm và ý thức để không để lại cho con những hệ lụy nguy khốn vì lòng tham hay ích kỷ mà các thế hệ trước đã tạo ra như hiện giờ.

Mẹ biết là mơ ước này dễ trở thành ảo tưởng vì hiện nay lòng tham ác đang chế ngự thế giới. Nhưng mẹ biết làm sao với sự yếu đuối của mình? Mẹ chỉ hy vọng là một ngày nào đó, một tia nhìn hay một tiếng khóc

của trẻ thơ có thể làm thức tỉnh lòng ích kỷ mù quáng của người lớn để có thể có một kết quả tích cực bất ngờ. Nếu không, tiếng kêu đau thương chỉ là âm thanh tuyệt vọng vang lên giữa sa mạc.

Nhưng dù thế giới này có ra sao... thì mẹ cũng cố gắng tìm thấy năng lượng và thời gian để giáo dục con, chuẩn bị để cho con vững chãi bước vào cuộc đời... Mẹ sẽ đem hết tâm huyết, dù có khi cũng phạm những sai lầm... nhưng mẹ tin là chúng mình sẽ học hỏi từ những vấp ngã đó để đứng lên... và bước tiếp.

Mẹ biết là con cần rất nhiều thời gian để có thể hiểu những lời này của mẹ... nhưng mẹ hy vọng rằng cuối cùng con cũng hiểu được tâm tình, ước mơ và những lo âu của mẹ. Trước đây mẹ là người đàn bà can đảm. Nhưng từ ngày có con mẹ đâm ra lo âu và sợ hãi đủ thứ. Mẹ không sợ chết nhưng lại lo là nếu mình có mệnh hệ gì thì không ai chăm sóc con tốt hơn mẹ được.

Hy vọng là mẹ con mình không cô đơn. Trong gia đình, bạn bè chọn lọc, những bạn đồng hành... chúng ta sẽ gặp những tâm hồn đồng cảm, có nhiều yêu thương và chia sẻ những mơ ước này... để giúp mẹ con mình vững bước trên đường đời.

Mẹ cầu mong đời con sẽ bình an và hạnh phúc với những gì mình sẽ có. Mẹ tin là Thượng đế công bằng, ngài không cho ai quá ít, cũng không cho ai quá nhiều. Vì thế, con nên biết trân trọng, vui hưởng và biết ơn những thứ mà con có, dù những thứ đó không phải là những vinh quang tột đỉnh.

Cho dù có bất mãn đi nữa, con chớ quên mình có thể là người may mắn hơn một nửa nhân loại hiện nay trên mặt đất. Mẹ mong con ý thức về điều đó.

Mẹ yêu con. ■





Mưa hoa

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Đà Lạt, bầu trời như gã họa sĩ “chảnh” tính. Gió chẳng làm nổi một cơn mưa. Mây chẳng có ý định nào rõ ràng. Còn nắng như cô gái yếu đuối, ne né bên vạt cỏ này, và thấp thoáng bên kia; non nớt rải bức tranh màu nước nhợt nhạt. Ai động đến liền rụt rè biến mất, mà khi hờn dỗi thì xui gió thổi lạnh se sắt làn da...

Và nước mắt, chảy trong vắt như chẳng có chút gì hờn dỗi làm vẩn đục. Đó là những hạt mưa bé tí đầu mùa của xứ sở mù sương, và mây cuốn trôi những chiều tím ngắt...

Đà Lạt bắt đầu đã có tiếng ve cuống quýt, kêu như một sợi chỉ nhỏ vắt qua lũng sâu. Ai bảo xứ lạnh không có ve mùa hạ? Có đấy, ve như tiếng vĩ cầm của cô bé mù trong căn nhà gỗ vách ván buồn tênh. Cuộc sống chậm từng milimet, dù mưa có rơi nhanh! Nhưng mưa và Đà Lạt là cặp tình nhân kín đáo, chẳng bao giờ cho ai biết, nên tôi gọi mưa là tiệc cưới của cỏ cây hoa lá. Họ cưới nhau chậm rãi từng bước chân, sau cuộc tình loanh quanh nắng gió và lạnh lùng se sắt. Cơn mưa báo hiệu tuổi dậy thì của mùa hạ. Hồn nhiên gay gắt và ồn ào bất chợt. Mưa là cơn lên đồng của cậu sinh viên nghèo trọ học, đến tháng trả tiền trọ, ngựa cổ hát lên bản tình ca vô vọng về phía thành thang. Mưa như cô gái mang chút quà mềm dịu, xoa nhẹ lên niềng cô độc tự nhiên.

Có người nói mưa như tiếng nhạc của Trịnh Công Sơn, về thăm căn gác đi hiu hèn bên rừng thông vi vút, từng nốt dương cầm thả xuống cơn đau nào đó. Họ tìm trên tháp cổ, tiếng mưa mang âm nhạc chảy thấm

vào từng viên gạch rêu phong. Trên tầng cao có ống khói của ngôi biệt thự cổ, ai đó nâng ống kính soi vào từng góc phố mưa giăng đầy những hoài niệm lạc thời. Trời mưa cho thơ và âm nhạc, bởi Đà Lạt quá lãng mạn trong tiếng mưa. Người ta ngồi nghe mưa trong quán cà phê, rồi nghe mưa sầm sập chạy trên từng con dốc nhỏ. Ai có tâm sự gì, nghe mưa rơi tâm sự đó. Tôi đã từng như thế trong tiếng mưa cô đơn, có khi mưa phủ dụ ta dưới mái chùa ẩn dật; có khi lại dắt ta đi trong cơn khát của đôi cỏ cháy giữa buôn làng người Lạch. Người Lạch vốn thích mưa, tôi thấy họ nhảy múa trong mưa để tư thông với trời đất niềm khổ hạnh của hạt nảy mầm. Đại ngàn được tưới tắm, buôn làng được gội rửa. Với chút hạnh phúc nhỏ nhoi của mưa, họ chẳng cần lo nghĩ đến điều gì to tát hơn mưa, ngoài cái ăn, cái mặc. Họ vít ống rượu cần, và những bài hát hoang dã bay lên...

Hãy mưa đi cho đôi xanh, núi biếc, cho mặt hồ thoáng gợn nét long lanh. Mưa đánh thức những nụ mầm đang ngủ muộn. Mưa làm bật lên muôn hoa, mưa xông hương trong nghi lễ tẩy trần:

“Có tiếng chiêng rền thay tiếng sấm

Có làn hương nhẹ nhẹ lễ nghi mưa

Em bước tới từng hạt mưa bước tới

Mưa cũng hoa mà hoa cũng mưa...”

Mưa hoa là “mưa cũng là hoa”, mà “hoa cũng là mưa”. Ý nghĩa “hai trong một” là sự quyến rũ độc đáo của hoa, chiêu cảm những cơn mưa thời tiết quay về cho Đà Lạt thật gần. Có phải vậy không, mà mưa Đà Lạt là sự trong trẻo của bầu trời, một vương quốc mới

của các loài hoa đồng thời bùng dậy, thay sắc? Như người đẹp trong tranh “Bích Câu kỳ ngộ”, hoa bước ra đời sống và tỏa hương thơm ngát đất trời. Ai có hạnh phúc được trú xứ thiên đường trần gian tại Đà Lạt, ắt phải nghiệm thế nào là mưa hoa, cơn mưa có kỳ công của tạo hóa như một lễ sinh tồn cần thiết. Vì vậy mà mưa Đà Lạt mang trong mình nó thông điệp của giấc hồi sinh, cứ trôi trôi vào tiếng nói, len lỏi vào tâm thức, nở ra trong ánh mắt, nụ cười của bao vùng miền cộng sinh hợp lại. Mưa Đà Lạt còn có thể là mưa Huế, mưa sông Trà, mưa Hội An, hay mưa Hà Nội - Sài Gòn... chẳng biết. Chỉ biết nó chảy qua bao cuộc lãng du, bao cuộc tang bồng hồ thủy, bao cuộc hạnh ngộ mà chưa kịp nói lời chia tay.

Phải rồi, Đà Lạt và mưa chưa hề có cuộc chia ly. Họ là cặp tình nhân quấn quít, cuồng bạo, nhưng không bao giờ xua đuổi giấc mơ của người yêu Đà Lạt. Có thể bạn chia tay với những giấc mù sương, chia tay với cốc cà-phê dậy muộn, chia tay với ánh đèn vàng chợ Âm phủ, nhưng bạn không thể chia tay với từng giọt mưa bịn rịn trong đời. Đời là cuộc chia tay bất tận, nhưng mưa dạy ta nhìn ngắm nó trên những bông hoa. Sao nở chia tay, dù là một phút ngắn ngủi của đời sống quặng ta vào bụi bặm; ta sẽ trở lại để cúi xuống trước những đóa hoa. Và làn hương nhẹ nhàng nói lên điều muốn nói. Chỉ có mưa hoa giữa đời sống này mới là niềm thích thú an nhiên, Đại thi hào Nguyễn Du, xưa đã từng viết “*Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên*”... là vậy.

Đời người, ai cũng từng sống trong mưa. Tôi có người bạn xứ Tháp Chàm, quanh năm thiếu mưa, nên bạn thêm chút mưa rừng Đà Lạt, thêm nổi rung động của áng mây chuyển màu, rắc mưa trên đỉnh núi cầu

vồng. Tôi cũng có lần thềm chút co ro của cô bé bên hiên chiều, cầm trên bàn tay tê cóng ly sữa đậu nành nóng hổi, bốc hơi. Đó là chút thềm thưởng bất chợt, còn cái thềm được ngắm mưa hoa là cả một tâm thức Đà Lạt mới có. Thềm mưa để nhớ, khác với thềm mưa để vỡ. Để nhớ là những ám ảnh của ký ức vàng son hoặc phiến muộn, dù có mưa cũng không làm trôi tuột được lớp vỏ u hoài.

Còn mưa vỡ ư? Nó bao giờ cũng làm cho người ta ngộ ra, từng giây phút của kiếp Con Người trong đời sống long lanh này, mà vì một lý do nào đó, chúng ta không kịp nhận ra. Và đôi khi, chúng ta phải đi đến cùng tận nỗi tuyệt vọng, mới nhận ra “*mưa là hoa mà hoa cũng là mưa*”. Nó đẹp như nỗi nhớ và hơn cả nỗi nhớ là nỗi buồn của một bông hoa, cùng nỗi buồn của hạt mưa tuôn. Thế đấy, mưa không xóa tan, mà làm sống lại những bừng nở đã bị lãng quên trong cuộc tìm kiếm đích thực với ngôn ngữ của mưa.

Mưa hoa... ■



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2017

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2017, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 46 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 40 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc , Q.BT	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 10 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Vinh	: 10 cuốn/kỳ
Mỹ thuật tượng Zen Art	: 10 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương	: 9 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu	: 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 6 cuốn/kỳ

Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
BS Trần Ngọc Đình	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai , Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản , USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triêu , Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh	: 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên , Cty Cơ khí Mê Linh	: 2 cuốn/kỳ

Cty Nén Hạnh Phúc , Q.BT	: 2 cuốn/kỳ
Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp , Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Cô Hoàng Thoại Châu	: 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **388 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;

Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335

Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập

Nương nhờ dưới những tầng cây

HOÀNG VĂN HÀO

Thủ Dầu Một thuộc tỉnh Bình Dương, vốn là thành phố có nhiều cây xanh nhưng lại ít cây cổ thụ dọc đường. Vậy mà có con đường dẫn vào Trường Trung học phổ thông An Mỹ lại đột khởi lên hai hàng sao cổ thụ cao vút và tuyệt đẹp. Và không biết tự khi nào, dưới hai hàng cây ấy lại mọc lên một khu chợ tự phát mà người dân ở đây gọi là chợ Hàng Sao với người mua kẻ bán tấp nập từ sáng sớm đến tối mịt. Những năm gần đây, để tiện cho việc mua bán được ngăn nắp trật tự và không ảnh hưởng đến giao thông, có một tư nhân đã bỏ vốn ra đầu tư xây một khu chợ khang trang gần đó. Tuy nhiên chợ xây xong đã lâu mà chẳng ai vào, đã nhiều lần chính quyền phải vào cuộc, vận động người dân vào chợ, kể cả việc phạt vi phạm hành chính lấn chiếm lòng lề đường, nhưng làm khó thì họ lại giạt ra hai bên đường, thuê kiosque để tiếp tục buôn bán chứ nhất định không chịu vào chợ. Dự án xây chợ đến nay coi như thất bại “toàn tập”. Ngoài các yếu tố như giá cả mặt bằng, việc sợ mất mối khi dời sang chỗ mới, người mua ngại phải gửi xe để vào chợ... thì có lẽ còn một nguyên nhân khác cũng không kém phần quan trọng, đó là người mua và bán đã quen với sự họp chợ, quen với việc nương nhờ bóng mát dưới những hàng sao. Thói quen ấy không thể ngày một ngày hai mà bỏ được.

Cũng trong thành phố trẻ trung này, tôi nhắm và đếm có khoảng hơn chục quán cà-phê, quán nước có cái tên là những loài cây như: si, xoài, kơ-nia, tầm vòng, sanh, me, bàng, lộc vừng, tre vàng... Và tôi chỉ xin kể bốn cái quán mà mình hay lui tới nhiều nhất:

Cà-phê Cây Si ẩn mình dưới gốc si to lớn mọc sát bờ rạch có rễ mọc tua tủa cùng với nhiều nhánh phụ của cây ngã đổ rạp xuống gần mặt nước, khách hàng đến đây chủ yếu là lớp trẻ, quán rất đông khách vào những ngày nắng nóng, họ đến đây không chỉ để hóng mát, uống cà-phê mà còn mang theo cả cần câu để câu cá thư giãn, một hình ảnh rất đối thanh bình trong cái thành phố bình yên này. Quán Góc Xoài chuyên bán cà-phê đá, loại cà-phê rang xay Phước Sanh là thương hiệu nổi tiếng ở đây và đã có từ trước năm 1975, quán bán vào sáng sớm và chiều tối, khách hàng chủ yếu là các bác, các ông cao tuổi đến đây để bầu bạn và chuyện trò. Điều gây ấn tượng nhất của quán này là gốc xoài lưu niên mọc ngay chính giữa mặt bằng, ông chủ quán đã khéo léo lợp mái xung quanh gốc xoài chỉ chừa một lỗ nhỏ giúp gốc xoài vươn lên để

sống, sum suê tỏa bóng mát và cho quả; quán dù lợp mái tôn nhưng vẫn rất mát, lớp lá mục đọng trên mái như lớp cách nhiệt thật tuyệt vời; vào mùa quả chín, thỉnh thoảng người uống cà-phê còn nghe cả tiếng rơi lộp độp lăn tròn trên mái của những trái xoài vàng ươm rất là thú vị.

Cách đây hơn mười năm khi mới về đến thành phố này, tôi thật sự bất ngờ và thú vị khi được nhìn thấy cây Kơ-nia, vốn là loài chỉ mọc ở vùng nắng gió cao nguyên. Ngày đó, con đường ngang qua gốc cây này còn là đường đất dốc bụi mịn mù, dân cư và người qua lại thưa thớt. Vậy mà từ khi mở đường và lợp nhựa, con đường này trở nên tấp nập. Dưới bóng mát của cây Kơ-nia to lớn này dần dần mọc lên những hàng quán phục vụ những mặt hàng khác nhau nhưng tất cả đều có cùng tên của loài cây huyền thoại này: Kơ-nia. Và quán mà tôi hay đến nơi này là một quán cà phê.

Cuối cùng, tôi vẫn nghe nói, nếu ai đó muốn gặp những con người am tường nhất về Bình Dương, hãy đến với quán cà-phê Tầm Vòng Thi Thoại thì sẽ được gặp họ. Và tất nhiên là tôi đã đến, và đến khá thường xuyên. Đó là cái quán cà-phê vỉa hè đơn sơ với ghé dây, nhưng được nhiều người nhớ đến bởi có hai bụi tầm vòng vươn cao với ngàn lá xanh rì. Chính tại nơi này tôi đã được gặp thầy Nguyễn Hiếu Học, một người thầy giáo già có mái tóc bạc phơ đang ngồi đàm đạo với các bạn hữu quanh mình. Thầy vốn là một học giả rất nổi tiếng ở đây, người có rất nhiều đầu sách chuyên viết về vùng đất Bình Dương xưa và nay, người mà nhà văn Sơn Nam lúc sinh thời đã thốt lên: “Nói đến Bình Dương là nói đến Nguyễn Hiếu Học và nhắc đến Nguyễn Hiếu Học là nghĩ ngay đến Bình Dương...”. Cà-phê ở đây không chỉ thơm ngon, giá cả bình dân mà hơn hết là còn được hai vợ chồng chủ quán tự tay phục vụ. Chủ quán quả là người rất tuyệt vời, mê sách cổ và hay làm thơ, là người Bắc, anh lấy vợ Bình Dương, có quãng thời gian rất dài sống phiêu bạt ở thành phố cao nguyên Đà Lạt, nay về đây, trên mảnh đất của gia đình bên vợ, hai anh chị mở quán cà-phê này để mưu sinh. Anh là một người có tâm hồn phóng khoáng và quảng giao. Nhiều khi đến đây, tôi và các bạn của mình còn được anh đọc tặng cho những bài thơ khá hay còn rất ‘nóng hổi’ thật thi vị.

Tôi yêu thành phố bên dòng sông Sài Gòn hiền hòa này không chỉ bởi môi trường thoáng đãng, xanh và sạch đẹp, đường sá rộng rãi, con người hiền hòa chân chất mà còn yêu bởi những cái quán nhỏ nhỏ xinh xinh duyên dáng nương nhờ bóng mát dưới những tầng cây này. ■

Tuổi thơ của con

NGUYỄN ĐÌNH THU

Tuần nào cũng vậy, từ thứ Hai đến thứ Bảy, ngày nào con cũng sẽ ở trường mầm non từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Mỗi sáng thức dậy, không khí gia đình mình lại náo nhiệt hẳn lên. Nào là tiếng mẹ gọi cả nhà thức dậy; nào là tiếng ba giục con ra đánh răng, rửa mặt; tiếng cô Hồng bên kia đường gọi sang lấy đồ ăn sáng đã làm xong chuẩn bị cho con đến trường. Con đeo chiếc cặp hồng xinh xinh, được ba bế lên xe vẫn không quên ngoái đầu lại vẫy chào. Nhìn con ngoan ngoãn theo mẹ đến trường rồi chiều về lại í ới gọi, chạy ủa lại ôm ba hôn chút chút, ba thấy rất vui nhưng cũng thấy thương con biết chừng nào.

Hồi còn nhỏ, vào mỗi buổi sáng, ba chỉ đeo mỗi cái ghế gỗ ông nội đóng cho lững thững đến trường trẻ ngoài đình làng để nghe cô giáo kể chuyện hay múa hát. Cả buổi chiều và tối, ba được thỏa sức vui chơi, nô đùa với lũ bạn quanh xóm đến cả quên ăn, quên mệt. Giờ thì con phải đi trường cả ngày. Chiều về, sau khi ăn cơm xong, ba lại thấy con lúi húi lấy cuốn vở ra rồi cặm cụi viết bài, làm toán cô giao về nhà. Từng ngón tay non của con chụm lại ôm lấy cây bút chì bé xíu. Con chăm chú nhìn vào vở, cái đầu hơi nghiêng nghiêng, mái tóc ngang vai, từng sợi mềm xòa xuống một bên trông thật đáng yêu. Có lúc, mồ hôi con khẽ nhai, con lại lấy tay vén mớ tóc mai lên, để lộ đôi má hồng trắng trẻo. Hình như con chẳng để ý đến ai, cũng chẳng cần ba mẹ phải nhắc nhở. Con cứ thế hoàn thành công việc của mình.

Tuổi thơ của ba là những tháng ngày còn thiếu cái ăn cái mặc; một cây bút chì, một cuốn vở mới vẫn hiện về dai dẳng trong những giấc mơ. Ngày bằng tuổi con, ngoài vài bài hát thiếu nhi quen thuộc và bảng chữ cái, ba chưa biết đọc, biết viết, biết tính toán như con bây giờ. Thế nhưng ba biết đến cánh đồng lúa trước nhà ông bà nội mùa nỏ mùa thay áo, hết xanh non, xanh đậm lại vàng ươm. Ba biết đến những cánh hoa khoai tím biếc, những trái cà chua chín hồng, những cây bắp cải, su hào bụng căng tròn hay những bụi khoai tây lúc nhúc củ to củ nhỏ nằm phơi mình dưới nắng. Đó còn là hình ảnh dòng sông quê với đôi bờ cỏ mượt uốn lượn bên làng, là đàn bò đủng đỉnh gặm cỏ non ven bờ vào mỗi mùa gặt, là cánh diều no gió giữa đồng chiều mênh mông, là những bài hát đồng dao, trò chơi dân gian hay những đêm trăng thanh trước hiên nhà, bà vẫn thường phe phẩy cái quạt mo và kể cho ba nghe biết bao câu chuyện cổ tích,...



Nhà mình đang ở bây giờ đóng khung trong mấy chục mét vuông, hai bên nhà sát nhà chật cứng. Một chút vỉa hè phía trước bụi bặm, xe cộ dưới đường qua lại nườm nượp không đủ cho con vui chơi thỏa thích. Mỗi lần nghĩ đến điều này, ba ước gì mình có thể lấy cả cái sân gạch rộng rãi, khu vườn xanh mát nhà nội; lấy cả những con đường làng, chân đi mát lạnh; và cả cánh đồng quê với những bờ tre lớn chạy dài thẳng tắp một thời in dấu chân ba để con được thoải mái nô đùa.

Nghĩ đến những thiệt thòi của con, ba mẹ chỉ biết cố gắng bù đắp cho con phần nào. Ngày Chủ nhật là ngày nhà mình vui nhất. Mẹ sẽ đi chợ mua những thức ăn mà con ưa thích. Tối đến, cả nhà mình lại đi siêu thị, công viên. Con chạy nhảy thích thú, ngả nghiêng cười khi được nhập cuộc vào những trò chơi, giải trí. Rồi ba mẹ còn chở con đi thăm nhà người quen hay con được kéo các bạn về nhà mình chơi đồ hàng, trốn tìm, giả làm cô giáo,...

Tuổi thơ của con không còn đôi cơm rách áo. Tuổi thơ của con biết đến máy tính, điện thoại, và còn sẽ biết nhiều thứ hiện đại hơn nữa. Nhưng sao ba vẫn thấy thương con nhiều lắm! ■

Qua cõi phù sinh

TRẦN QUÊ HƯƠNG

Trăm năm một cuộc tử sinh
 Mới vào đời đã hữu tình buồn vui
 Mắt vừa mở đã khóc cười
 Tay chân chồi đập trong nôi thể trần
 Bú mớm tiểu tiện lần quần
 Chịu thương chịu khó vạn lần chùi lau
 Mẹ nhìn con, tình ngọt ngào
 Niềm vui vô tận dạt dào ngày đêm
 Kể từ dạo ấy lớn lên
 Biết đi, biết chạy tăng nhen trăm năm
 Mặc nhiên, cuộc sống âm thầm
 Uống ăn, đói khát hạt mầm phù sinh
 Cuộc đời chìm nổi lênh đênh
 Kiếp người lặn dật lung linh xoay vùn
 Thiên chân hiển hóa phù vân
 Sáng, trưa, chiều, tối vạn phần phong ba
 Từ trong vô tận ba la
 Tánh xưa mặc khải thăng hoa diệu vời
 Khi đói, khi khát... ngậm ngùi
 Khi no, mát dạ... *nói cười hờn nhiên*
 Đến khi muốn xuất xử triền
 Bồn chồn, bức xúc não phiền giao bôi
 Đến khi xuất xử nhẹ rời
 Thông dong tự tại, *nói cười hờn nhiên*
 Trường đời dòng suối vạn niên
 Uống ăn, vui khổ triền miên nghiệp trần
 Tự quán chiếu, tự tu thân
 Kiểm soát ăn uống, dưỡng thần phong quang
 Vào ra tuần tự nhẹ nhàng
 Trăm năm sanh tử thiên đàng bến xưa.

Đường vào cửa Phật

THANH TRÍ

Đường vào cửa Phật rộng thênh thang
 Cứu độ môn sinh thoát kiếp nần
 Bến Giác chiều hôm nghe Bát Nhã
 Thềm Không sáng sớm tụng Kim Cang
 Lục căn thanh tịnh gieo nhân tốt
 Ngũ giới an nhiên giữ đạo vàng
 Pháp ngộ khơi nguồn tâm chánh niệm
 Cuộc đời bừng sáng ánh Từ Quang.

Ngồi ăn một mình

NGUYỄN TỪ

Lủi thúi ngồi ăn có một mình
 Bát, tô, muống, đĩa cũng buồn tênh
 Khô lân, chả phụng hay rau cháo
 Cũng chỉ ngồi ăn có một mình!
 Dù đói hay no cũng phải ăn
 Lót dạ, nuôi thân, vững tinh thần
 Miệng nhai, tay gắp không nhanh nữa
 Buồn tuổi hoàng hôn đã đến gần!!

Khoảng lặng

TK.VY TIẾU

Cuộc sống cuộn cuộn trôi,
 Dòng đời không ngừng chảy,

Cánh cò chao nhấp nháy,
 Trong ráng chiều đầy vơi,
 Thắm sâu quầng lặng đời người,
 Ngược dòng chớ có nghĩ nơi mái chèo.

Thời gian vèo thoáng chốc,
 Ngang dọc phút giây qua,
 Nghe tim đau từng nhịp,
 Mọi thom hết mặn mà.
 Giữa dòng chao, cuộn phong ba,
 Lung linh bào ảnh - sương tà khói bay.

Khoảng lặng dày chấp chới,
 Từng sợi mỏng tâm linh,
 Lặng trôi vào tịch lặng,
 Mơ tháng ngày hồi sinh.
 Đau rêm cánh gió hữu tình,
 Phơi bày lụy nghiệp, u minh đậm hồng.

Phút chờ mong trốn chạy,
 Tìm thấy dấu thiên đường,
 Nhớ nhung - vùi huyết lạnh,
 Thả tình bay ngàn phương.
 Xin ôm khoảng lặng vô thường,
 Soi gương nhìn bóng ngàn phương khói tà.

Ru đời: ngọt - đắng lời ca,
 Thăng trầm, phách nhịp đậm đà sắc hương.



Lạ lòng

MIÊN ĐỨC THẮNG

Tuổi xuân qua mau quá
Tóc xanh nay trắng phau
Da mồi như rùa cổ
Trăm năm rêu phủ màu
Chân đi về hôm nọ
Nay ngồi đã muốn đau
Thân cứ theo màu áo
Cũng bạc theo áo màu.
Thời gian không chậm lại
Thời gian cũng chẳng nhanh
Tâm già cứ quẩn quanh
Lạ lòng thay hờn giận
Lạ lòng thay hận phiền
N như vẫn còn thanh xuân
N như đứng ngoài sông núi
Tươi vui không đổi màu
Lạ lòng thay hờn giận
Lạ lòng thay tị hiềm
Trong vui buồn phiền nào
Sao vẫn cứ mới toanh.

Tháng Tư mùa cũ

KIM HOA

Ngoài chùa tôi đứng một mình
Nghe trong chùa tiếng tụng kinh lễ chiều
Đời bao nhiêu? Tuổi bao nhiêu?
Vẫn chưa rõ được những điều thực hư.

Trăng tròn mùa giữa tháng Tư
Mừng ngày Khánh đản Đạo sư trời, người
Tôi về chùa - Thích vậy thôi!
Nghe lời Pháp nhũ, đổi đời từ đây.

Tôi theo học bạn, học thầy
Chưa xa phước mỏng, còn đây nghiệp duyên
Đường về sớm tối cần chuyên
Lân la tâm gởi rừng Thiên nhẹ tênh!

Tháng Tư mùa giải trắng lên
Tôi trân trọng giữ chưa quên bao giờ
Đã đem bán sự nghi ngờ
Bán luôn cả cái bờ vợ thuở nào.

Nú giọt mưa gầy

TRƯỜNG KHÁNH

Trời buông mây nhẹ nhàng trôi từng sợi,
Sợi gầy hao thoang thoang nhẹ nghiêng rơi
Sợi gợi buồn rớt về phía xa xôi
Phương ấy có ai, đang chờ đang đợi!?
Từng phiến mưa bay theo gió về trời.

Bàn tay em thon mềm ru mùi ngón,
Dáng búp măng, bé bé móng sen hồng,
Mưa trôi về phía - thời tiết lập đông,
Xin thâm tạ môi hồng mùa rét đến.

Dang tay nú giọt mưa gầy thánh thiện,
Uớp vào tím dòng lưu bút thơm hương.
Dấu tích cổ, mòn hao vùng tuổi nhỏ,
Nghe âm giai tàn tạ dấu vô thường.

Tay gầy em nú giọt thương,
Để nghe tim hướng dẫn đường mưa bay.
Từ trong sâu thẳm hao gầy,
Hong hôn để có những ngày bên nhau.

Ở chính quê hương tôi

RAJITH SAVANADASA
TRẦN KHIẾT BÁCH dịch

Được, tôi biết là bạn muốn được giúp đỡ. Bạn là người tốt mà! Nhưng bạn có thể làm được việc gì?

Tôi muốn điều gì ư?

Không muốn gì cả. Không. Tôi không cần của cải. Tôi không cần những chiếc xe hơi to lớn của quý vị, những chiếc điện thoại di động của quý vị, và những chiếc áo vét bằng da dầy cui của quý vị... nếu những chiếc áo vét da dầy cui ấy ấm hơn chiếc áo len này, vậy thì cũng có thể... Tôi không cần những chiếc quần dầy bằng vải bông dệt chéo go mà quý vị mặc bó sát vào người. Tôi vẫn bảnh khi mặc những chiếc quần bằng vải bông này. Thỉnh thoảng, vào lúc trời lạnh, tôi vẫn cứ mặc áo ngủ ở trong rồi mặc bên ngoài bộ y phục bình thường của mình.

À phải, đôi giày này cũng có phần mòn rồi nhưng ít ra tôi vẫn có đôi giày.

Trong ngôi làng tôi ở trước đây, chẳng có ai đi giày. Kể cả dép cũng vậy nữa. Chúng tôi toàn đi chân trần. Trên những con đường đầy đá sỏi, những lối đi lầy lội và cả những ngọn đồi đầy gai góc. Tôi có rất nhiều bạn. Chúng tôi đi lại từng bầy như những bầy dê, nhảy quăng loanh quanh, đùa bỡn chọc phá lẫn nhau rồi hái các loại quả mọng nước ở những bụi rậm đầy gai. Có những du khách từ thành phố về, lưng đeo túi đựng hành trang và cầm theo những chai có nút để hút nước ra. Họ mang những đôi giày như loại này. Có một người trong bọn họ bảo với tôi rằng đó là loại giày để chạy bộ. Ông ta nói, giúp cho các em chạy nhanh hơn. Kể từ bấy giờ, tôi luôn luôn mong muốn có một đôi. Tôi muốn đánh bại người bạn thân nhất của mình trong một cuộc đua. Anh chàng này luôn luôn chạy nhanh hơn. Tôi đã chạy đua với anh ta hàng ngày trên con đường từ nhà đến trường. Tôi luôn luôn thua cuộc. Cuối cùng, nhanh như anh ta thì việc chạy cũng không cứu nổi mình. Chính cái kẻ

chậm hơn, già hơn là tôi lại thoát được. Thật sợ hãi và đáng xấu hổ cho tôi là tôi đã bỏ lại mọi người ở phía sau. Nay thì tôi có được đôi giày này rồi, nhưng đã quá trễ. Tôi chẳng còn ai để chạy đua.

Hãy ăn cái gì nhé, ông bảo ăn cái gì à?

Nhưng tôi không thể. Tôi không ăn được loại mì ống của quý vị, tôi không thích món này. Tôi không muốn đi tới những nhà hàng to lớn của quý vị nơi có ánh đèn mờ và những miếng thức ăn được cắt vuông vắn rồi được bày biện trong những chiếc đĩa rộng với sự cân nhắc cẩn thận bởi những người hầu bàn ăn mặc thật bảnh bao. Tôi chỉ cần một ít cơm, vài món rau hay cá có nước chấm. Thiếu nước chấm thì cơm sẽ khô, như ở trong những nhà hàng dọn thức ăn Tàu nơi họ phục vụ quý vị món cơm chiên với mực ống. Nước chấm đâu? Tôi hỏi. Hãy dùng nước sốt ấy, họ trả lời. Nhưng nước sốt đậu nành (nước tương) là nước biển màu đen. Món này làm cho mọi thứ đều có vị muối. Tôi đã ớn cái vị mặn ấy suốt cả đời rồi. Tôi cần nước chấm. Tôi cần nước sốt.

Tôi xin lỗi nhưng tôi chẳng thể nào cho phép mình ăn cái món bánh nướng có thịt của quý vị. Món chiên của quý vị. Món bánh kẹp thịt của quý vị. Toàn thịt là thịt. Tôi không thể loại cái mùi ấy ra khỏi đầu tôi - mùi thịt cháy, mùi thứ gì đó đã từng bị chảy máu khi đang sống. Làm sao tôi có thể ăn nó sau khi thấy được tất cả những gì tôi đã thấy?

Thế tôi có xem truyền hình không?

Đôi khi. Tôi cố học ngôn ngữ của quý vị bằng cách xem truyền hình, nhưng đó là một việc khó khăn. Tôi chẳng cần phải xem những bộ phim tiếng Anh của quý vị với những thứ người máy và những loại siêu nhân có sức mạnh phi thường của quý vị. Tôi không thể hiểu được trong phim mọi người nói những gì. Sự kiện diễn ra quá nhanh. Luôn luôn mở đầu bằng một vụ nổ và kết thúc với một vụ nổ còn lớn hơn. Thật

là giỏi khi những vị anh hùng luôn luôn bằng cách này hay cách khác chỉ trong đường tơ kẽ tóc là thoát được những viên đạn, những vụ nổ và những con quái vật cao hàng ba thước tây. Nhưng tôi lo lắng. Có ai bị bỏ lại phía sau? Có phải ngọn lửa đã thiêu cháy đứa trẻ? Phải chăng hàng trăm viên đạn đã xé da thịt một người mẹ? Có phải một người anh đã mất một chân? Tôi không thể chịu được như vậy – điều đó quá đáng. Khiến tôi luôn luôn muốn bỏ chạy một lần nữa.

Tôi có thích đi du lịch không? Không thích lắm. Tôi đã đi đủ rồi. Ngay cả đến đây cũng là quá khó. Tôi chẳng cần phải tới New York, thăm London hay Paris. Những kim tự tháp, những tòa lâu đài chẳng phải là những thứ để dành cho tôi. Tôi chẳng thể rời khỏi nơi đây. Quý vị biết điều đó chứ, không à?

Nhưng có thể một ngày tôi sẽ thấy tất cả những thứ đó. Quý vị thấy đó, ở quê hương của tôi, chúng tôi tin rằng mình là ba thứ - nước, đất và không khí. Chúng tôi đã được tạo thành từ một hỗn hợp của ba thứ ấy. Và khi chúng tôi bị chấm dứt, một lần nữa, chúng tôi lại trở thành chất lỏng, cát và hơi thở. Một ngày nào đó tôi sẽ rời ra thành từng mảnh. Và khi tôi trở thành cát bụi, tôi sẽ trôi dạt qua tất cả những tòa nhà cao tầng của quý vị, nơi những nhân viên văn phòng ngồi trước những chiếc máy điện toán suốt đêm; qua những cửa hàng McDonald đầy mùi thịt cháy; qua những quán rượu những hộp đêm nơi mà các cô gái ăn mặc như thể có tình trạng thiếu vôi bên cạnh những chàng trai uống rôi ói mửa ở những con đường nhỏ dùng làm bãi giữ xe; qua những khu đất nơi có những người khổng lồ chơi bóng bầu dục của quý vị; qua những dây nhà ngay ngắn có mảnh vườn được tưới bởi những chiếc xe phun nước của quý vị. Tôi sẽ trở thành thứ nước ấy. Nằm trên cỏ rồi chảy xuống rãnh. Tràn vào những dòng sông của quý vị, vượt qua những dãy núi của quý vị, rồi đổ vào biển. Trở thành không khí rồi bay vượt qua đại dương và tìm đến quê hương tôi. Nhìn xuống, và cha tôi kìa. Cười mỉm. Bàn tay của mẹ tôi vuốt má tôi. Anh tôi chị tôi em tôi hát vang. Tôi là tất cả mọi thứ. Ở tất cả mọi nơi. ■

Nguyên tác: *In my own country*, Rajith Savanadasa, Asia-Europe Short Story Contest.

Rajith Savanadasa là người Sri Lanka hiện sống tại Melbourne (Úc Đại Lợi). Rajith đến Úc để học về công nghệ, nhưng vào năm cuối của học trình, anh bước vào lãnh vực sáng tác văn học và đã xuất bản một tập truyện có tựa là *Ruins*. Rajith là sáng lập viên và người đóng góp chính cho trang mạng Open City Stories, chuyên ghi nhận về đời sống của một nhóm người đang tìm kiếm nơi nương thân ở Melbourne.

Nguồn: culture360.asf.org/short-story-contest/in-my-own-country-rajith-savanadasa-australia/.



Sách **Vấn đáp Phật giáo** của Trần Tuấn Mẫn

Lời giới thiệu

HÒ ANH THÁI

Dạo ấy, hễ cầm trên tay tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* thì bài đầu tiên tôi đọc ngay là ở mục Hỏi đáp. Từ những vấn đề giáo lý, đức tin, triết học, những vấn đề lịch sử và huyền thoại Phật giáo, cho đến những vấn đề rất thực tế như chuyện ăn chay ăn mặn, ý nghĩa của việc đi khất thực... Mỗi bài dưới dạng nội dung trả lời cho một câu hỏi là hoàn chỉnh một vấn đề. Ngắn gọn, cô đọng, súc tích, đồng thời đầy tính khái quát, có chiều sâu, có ý nghĩa gợi mở và khích lệ người đọc tiếp tục khai thác tài liệu từ những nguồn khác. Các bài viết đều có sức hấp dẫn của tri thức, vừa quen vừa lạ, vừa bảo đảm tính chính xác lại khiến người đọc có lúc ngỡ ngàng như được đón nhận tri thức mới. Cái lạ cái mới cái hấp dẫn ấy của mục Hỏi đáp đã khiến tôi thường xuyên mong chờ mỗi kỳ tạp chí.

Người trả lời ký tên là Bàn Ẩn. Tôi đoán đây là một tác giả cộng tác thường xuyên với *Văn Hóa Phật Giáo*. Lại còn nghĩ, có khi đây là một tập thể tác giả mang một cái tên chung. Giống như có thời nhiều tác giả làm nên cái tên chị Thanh Tâm ở báo *Phụ Nữ Việt Nam*.

Năm 2012, tôi mua một cuốn sách tên là *Vấn đáp Phật giáo*, xem lướt qua tại chỗ thì thấy đây là tập hợp bốn mươi tám bài của mục Hỏi đáp trong hai năm 2007 và 2008. Ở trang bìa gấp có mấy dòng giới thiệu về người viết:

“Tác giả Bàn Ẩn (người phụ trách chuyên mục Hỏi đáp trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*) đã biên soạn, phiên dịch nhiều tác phẩm, từng giảng dạy Phật học nhiều năm ở Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, hiện là Phó Tổng Biên tập Thường trực kiêm Thư ký tòa soạn Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*”.

Tôi reo lên trong lòng, thế thì tôi biết người này. Ông không hề là người xa lạ, chúng tôi vẫn thường xuyên liên lạc về bài vở bằng thư điện tử. Ông là Trần Tuấn Mẫn, nhà giáo, nhà báo, nhà nghiên cứu Phật học mà tôi tin cậy.

Trước hết nói về sự tin cậy. Lần đang viết cuốn sách khảo luận *Namaskar, xin chào Ấn Độ*, tôi chạm đến khái niệm transcendental meditation, viết tắt là TM. Đang bí, không biết tiếng Việt gọi nó là gì, tôi gặp anh Mẫn ở Huế, bèn tranh thủ hỏi, anh bảo đó là tối thượng thiện.

Tối thượng thiện. Người chuyên sâu nghiên cứu mới chỉ ra ngay được như thế.

Lâu lâu trước đó, tôi viết xong cuốn *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, rồi nhờ thầy Thích Chơn Thiện đọc giúp. Thầy đọc, góp ý tỉ mỉ một số chi tiết. Tôi vẫn có chút tham lam, muốn có thêm một người am hiểu vấn đề đọc giúp, bèn nhờ thầy giới thiệu. Thầy Thích Chơn Thiện nói luôn: Nhờ anh Mẫn đọc được đó.

Tôi chỉ nghe tên anh Mẫn, biết anh là con trai của nhà văn, nhà phê bình văn học Trần Thanh Mai, chứ lúc ấy chưa gặp anh. Việc nhờ anh đọc bản thảo cũng không thực hiện được vì cách trở và thiếu sự kết nối.

Năm 2007, cuốn *Đức Phật, nàng Savitri và tôi* có buổi ra mắt ở Nhà Văn hóa Thanh niên, thành phố Hồ Chí Minh. Rốt cuộc tôi cũng phải xuất hiện, mặc dù thường xuyên tránh những sự kiện kiểu này. Nhiều người đọc, nhiều đồng nghiệp viết văn lần lượt lên phát biểu và trao đổi. Cho đến lúc nhà văn Nguyễn Thị Minh Ngọc là người dẫn chương trình cầm lên một tờ giấy và đọc: xin mời ông Trần Tuấn Mẫn ở Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh. Tôi giật mình. Nhớ ngay đến lời thầy Thích Chơn Thiện năm trước: Nhờ anh Mẫn đọc được đó.

Anh Mẫn hôm ấy đã lên nói những điều thiện chí và đồng cảm với cuốn sách. Anh nêu một chi tiết khác biệt giữa tiểu thuyết và kinh điển Phật giáo: chàng phú thương Yasa về sau thành một Đại đức trong Giáo hội của Phật, còn trong tiểu thuyết của tôi, chàng có lúc phạm sai lầm trước cám dỗ của nàng Savitri.

Nêu ra vậy thôi, anh Mẫn là người rất am hiểu tính đặc trưng của thể loại. Khi tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* chuẩn bị đăng bài của Võ Anh Minh bình luận về cuốn tiểu thuyết này, tôi sực nhớ trong bài có đoạn so sánh chi tiết Phật ra đời trong tiểu thuyết với chi tiết trong cuốn *Phật học khái luận* của thầy Thích Chơn Thiện. Cái sự so sánh giữa lịch sử (trong tiểu thuyết) và huyền tích (trong cuốn giáo lý) khiến tôi băn khoăn như có điều gì không nên đối với bậc cao trọng là thầy Chơn Thiện. Tôi viết thư điện tử cho anh Mẫn, hỏi xem anh có nên cắt đoạn so sánh ấy đi hay không. Không sao, anh Mẫn trả lời. Ý anh là người đọc am hiểu sẽ đủ khả năng để phân biệt tiểu thuyết với huyền tích Phật giáo.

Nhiều người biết anh Mẫn là phó tổng biên tập kiêm thư ký tòa soạn, tức là người chèo chống cho tạp

chí qua nhiều sóng gió, cả sóng gió có thể khiến nó khó đi đúng đường hướng đã lựa chọn, cả sóng gió về nội dung, với nhiều nỗ lực để duy trì sự tồn tại giữa thị trường. Sau lần gặp gỡ đầu tiên ở buổi ra mắt sách, anh Mẫn và tôi giữ liên lạc khá đều bằng thư điện tử. Năm 2008, tạp chí tổ chức Tuần Văn hóa Phật giáo ở Huế. Nhờ anh và ban tổ chức mà tôi nhận lời vào Huế tham dự. Tôi muốn chia sẻ khó khăn của tạp chí nên chủ động từ chối chiếc vé máy bay do ban tổ chức đài thọ, tôi đi tự túc. Cũng ngại một mình đứng nói hơn một tiếng đồng hồ trước cử tọa có thể gây nhàm chán, tôi nhờ anh Mẫn ngồi cùng trên diễn đàn, dùng hình thức trao đổi giữa hai người. Anh thỉnh thoảng đặt câu hỏi, tôi trả lời. Cứ thế mà hoàn thành một chương trình trao đổi trước công chúng về văn hóa Ấn Độ.

Lần gần đây nhất chúng tôi gặp nhau là dịp Tết Diwali của Ấn Độ, tháng 10-2014. Tôi từ Iran bay sang thăm lại đất Phật Boddhgaya. Bước vào Việt Nam Phật quốc tự rậm rạp như cánh rừng của thầy Huyền Diệu thì gặp luôn anh Mẫn ở đấy. Anh cũng vừa mới sang đến nơi. Không hẹn mà gặp, thật đúng là duyên kỳ ngộ. Người từ Trung Đông sang, người từ Sài Gòn đến, điểm gặp gỡ là xứ Phật. Buổi chiều hôm ấy, tách khỏi những đoàn Phật tử tíu tít xung quanh, anh Mẫn và tôi rủ nhau sang chùa Đại Giác Maha Boddhi, nơi có cây bồ-đề của Phật. Các đoàn Phật tử từ nhiều nước lũ lượt và nườm nượp đổ vào chùa, hầu như không còn hờ ra một phân vuông nào. Chúng tôi cũng cố chen lách vào tìm cho mình những khoảng không gian riêng để chiêm nghiệm, thậm chí để chụp cho nhau vài tấm ảnh. Chúng tôi chụp cho nhau những tấm ảnh bên bức tường đá có họa tiết hoa sen, di tích hiếm hoi còn lại từ thời vua Ashoka thế kỷ III trước Tây lịch. Chụp bên ao sen nơi Phật xuống tắm và được linh xà che đỡ. Đang đi trong khuôn viên chùa thì có người nhận ra anh Mẫn. Người đàn bà trung niên ấy gọi anh là thầy. Cô đang lưu lại trong chùa Sri Lanka và tha thiết mời thầy Mẫn hôm nay đi ăn tối. Mãi sau khi cô đi rồi, anh Mẫn vẫn còn áy náy. Cô là học trò của anh ở Học viện thành phố Hồ Chí Minh, chắc thời gian vừa rồi cô đi trú đầu đó. Anh băn khoăn vì mình có thể từ chối lời mời của cô, nhưng lẽ ra nên tỏ lòng cảm kích nồng nhiệt hơn, không phải có phần hơi khô khan như thế.

Một vài kỷ niệm cũ trở về khi giờ đây tôi đọc lại những bài văn đáp Phật giáo của tác giả Bằng Ấn mà hóa ra là anh Trần Tuấn Mẫn. Anh đã kín tiếng mà không hề tiết lộ cho tôi biết đấy là bút danh của anh. Biết được rồi, tôi bèn dẫn tới mà “đặt hàng”: anh nên thu xếp để viết tiếp loạt bài này, trước hết để in trên

tạp chí, sau đó tập hợp thành một cuốn sách mới. Kiểu bài viết ấy có ích cho nhiều người, trước hết là những người như tôi.

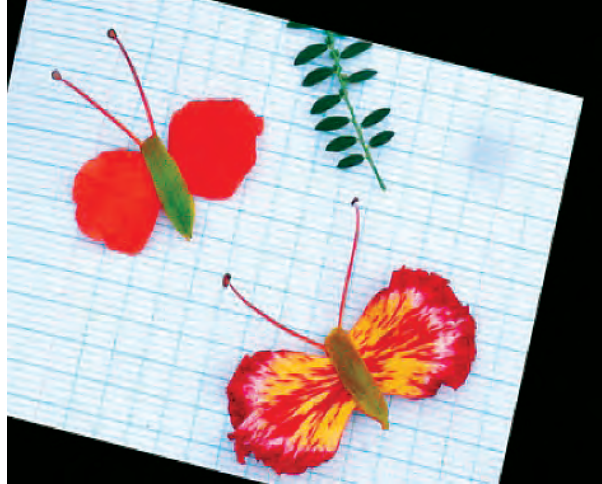
Thực sự có ích, sáng rõ, dễ hiểu, cô đọng mà đủ sức gợi mở sâu xa. Đây nhé, chẳng hạn tác giả đã viết như thế này về sự khác nhau giữa Phật và A-la-hán: “A-la-hán như một người vừa trả xong một món nợ. Về phương diện không có nợ thì người này ngang bằng với một nhà đại phú; nhưng về mặt tiền của thì người này không thể ngang bằng với nhà đại phú được. Ở đây, Đức Phật được ví như nhà đại phú kia vậy”.

Những cách lý giải như vậy có rất nhiều trong tập *Văn đáp Phật giáo*. Đây là lý do khiến cuốn sách đáng đọc, và cũng là lý do để ta mong muốn tác giả viết thêm những cuốn sách như thế. ■



Phượng nhớ

THANH NGÂN



Mỗi độ sắc tím tươi nhả bằng lãng nở rộ cũng là lúc phượng thắp lên sắc đỏ giữa nền trời cao rộng. Loài hoa nồng thắm ấy như rót vào lòng những ai phải lòng nó bao giọt thương, giọt nhớ...

Đón lấy cánh phượng rơi lả tả giữa không gian trong vắng mà nghe bao kỉ niệm ùa về chẳng hẹn trước. Bóng dáng người thầy cần mẫn bên trang giáo án vẫn được ví như người lái đò, hình ảnh bảng đen phấn trắng, cái trống da trâu già nua bao lần thay bọc, hàng ghế đá rêu phong im lìm nằm dọc các khóm hoa nhỏ xinh trước lớp... và đặc biệt là những cây phượng cao niên giữa sân trường ngập nắng, luyến tiếc để mùa đi qua theo lớp lớp học trò tốt nghiệp. Người lũ khách trên chuyến đò năm đó chợt nhận ra, bao giấc mơ đã cất cánh bay cao bay xa, chỉ có bấy nhiêu là vẫn còn ở lại, nhả nạt đợi ta trong những chuyến đi - về. Hôm nay, ta đi - về bằng chính những cánh hoa bé nhỏ và rực rỡ...

Phượng vào mùa, hoa hẹn nhau nở rộ, ngập tràn màu mới. Nhìn từ cổng, sân trường như được trang trí bởi một dải lụa đỏ mềm mại, bắt mắt. Không hiểu sao loài hoa học trò ấy lại có khả năng đánh thức, khiến cho ai mơ màng đến vậy. Tôi tìm thấy trong gam màu rực nắng của hoa phượng vĩ mỗi tình đầu ngây ngô khờ dại mà da diết. Ai đó tranh thủ đi học thật sớm, lén lút leo lên cây phượng già nua ở cuối hành lang lớp học, hái trộm nhành phượng đẹp nhất còn vương sương sớm, cất giữ đợi đến giờ tan học nắng hanh hao, giúi vội vào tay ai trong niềm bối rối thơ trẻ. Để rồi, giữa cái nắng gay gắt của hạ, người ta vẫn dễ dàng nhìn thấy được đôi má ửng ửng đỏ hồng nhiên biết yêu thương tự khi nào...

Tôi tìm thấy trong cánh phượng ký ức về những giờ ra chơi rộn rã, từng nhóm học trò dụi ba dụi bảy, xúm xít nói cười dưới bóng râm tán phượng tỏa rộng. Lũ con trai thường tuốt lá phượng cho vào một mũ dầy, sau đó rủ nhau rắc lên mái tóc đen huyền của các bạn nữ rồi bỏ chạy. Mỗi lần như vậy, tôi lại nghe tiếng chí chóc trách móc đáng yêu của bao cô nàng điệu đà. Nhờ bạn thân của tôi còn hiếu động, cột lại tà áo dài và đuổi theo đòi lại công bằng cho bằng được. Nhìn mấy cuộc chạy nhảy rượt đuổi ấy, những đứa đứng bên ngoài như tôi không khỏi bật cười thành tiếng. Dù vậy, tôi vẫn thích hơn cả khi nhìn lũ con trai đứng từ tầng hai rắc lá xuống, ở dưới này, một số áo dài tinh khôi cao hứng đưa bàn tay trắng ngần về phía trước, hứng lấy những cánh lá mỏng manh, lung

linh và dung dị - một sở thích đơn thuần khó tả. Đương nhiên, lũ con trai không ít lần bị phạt trực nhật, song trò chơi con trẻ ấy vẫn liên tục diễn ra, nhất là khi tiếng ve kêu rầm rần hơn, rạo rục hơn, ngày chia tay cận kề hơn...

Ngày ấy, mấy đứa con gái chúng tôi thường nhặt lại thân lá phượng bị vứt ngổn ngang sau khi tuốt lá, thắt hình chú tôm vừa ốm vừa dài. Những chú tôm ấy được kẹp vào góc sách để đánh dấu trang sách đang đọc dang dở. Mãi đến bây giờ, tôi vẫn còn giữ thói quen ấy, chỉ có điều, tôi sử dụng thanh tre mộc vót dài thay cho mấy chú tôm làm từ lá phượng. Tuy nhiên, mỗi lần nhìn thấy thanh đánh dấu bài, tôi không khỏi nhớ về kỷ niệm trong sáng một thời vô tư.

Đi qua tuổi học trò, ai chẳng một lần lưu lại cho mình nét phượng xinh tươi. Chỉ cần cầm nhành phượng trong tay, chúng tôi thích thú lựa ra những cánh hoa đẹp nhất có hình dạng cánh bướm, lấy dài làm thân và nhị hoa làm râu, ghép lại thành một nàng bướm xinh xắn, đáng yêu và ép ngay ngắn vào trang lưu bút kỷ niệm.

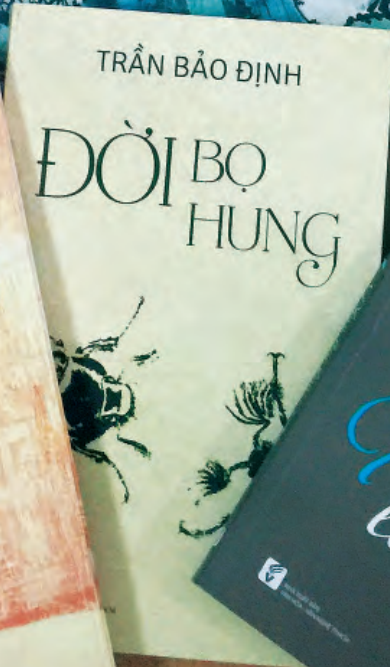
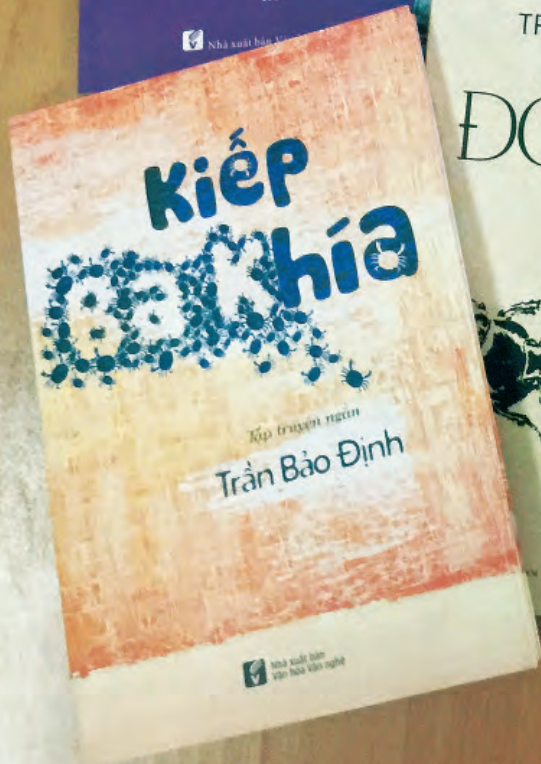
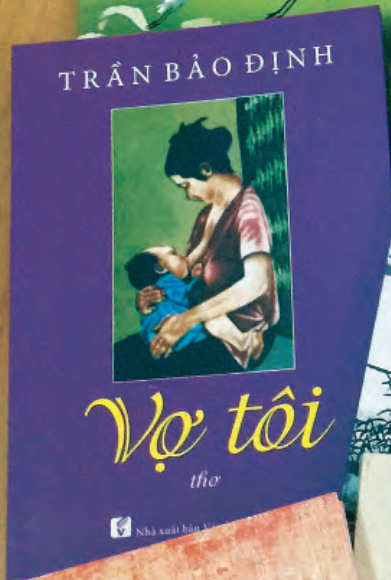
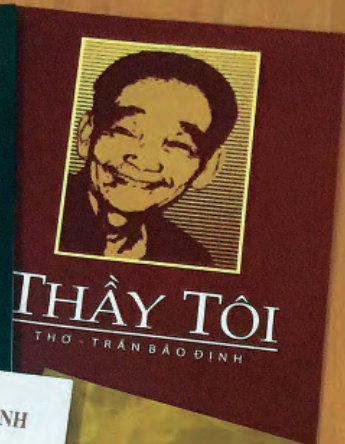
Hình ảnh bướm bướm đỏ roi rói năm nào theo thời gian đã mất đi màu sắc tươi tắn, song bông hoa khô tưởng như cũ kĩ, xấu xí lại đủ khiến cho chúng ta không khỏi bồi hồi, xúc động, khơi dậy biết bao kỷ niệm của thời học sinh, vốn nuôi dưỡng tâm hồn ta giữa dòng đời hối hả và mệt nhoài.

Tán lá xanh um và những chùm hoa đỏ rực của cây phượng thân quen lưu dấu trong bức ảnh tập thể lớp được tôi đặt ở vị trí dễ dàng nhìn thấy. Đó là góc hình của một buổi sớm mai tinh khôi trong ngày bế giảng luyến luyến, nhiều tiếng cười nhưng lòng nặng trĩu. Buổi sáng nhuộm đầy nắng vàng, cả lớp họp về đông đủ hơn ngày thường, không một ai vắng mặt. Tất cả quây quần bên gốc phượng, đứa dạn dò nhau, đứa thủ thỉ tâm tình, đứa lại trao cho nhau những lời thầm kín suốt mấy năm qua... Loài cây tri kỷ của tuổi học trò chứng kiến bao ước hẹn hôm nào của chúng tôi, nhớ hay đã quên?

Bỗng dưng tôi tự hỏi, cây phượng già cội ấy bây giờ ra sao? Trên thân cây xù xì đầy những vết khắc có còn lưu lại những cái tên lém lỉnh này? Để đến tận bây giờ, tôi vẫn còn chờ ai... đợi ai...

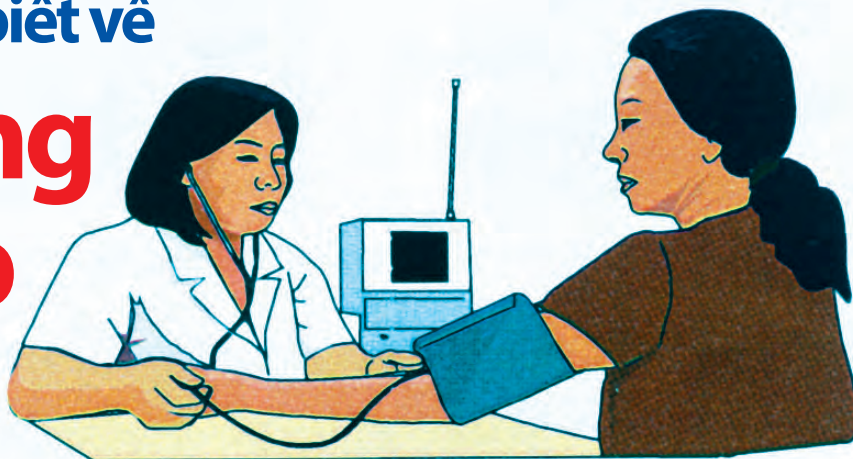
Bước trên con đường trải đầy hoa phượng vĩ, nhận ra mùa hạ đang âm thầm trôi qua sau lưng, thế nhưng phượng vẫn đỏ thắm, vẫn ươm ướp trong lòng người biết bao kỷ niệm, bao hồi ức đẹp... và khơi lên chút niềm bàng hoàng khó tả... ■

Sách **TRẦN BẢO ĐỊNH**



Những điều cần biết về

Bệnh tăng huyết áp



Huyết áp là áp lực máu trong lòng động mạch khi tim co bóp để tống máu đến các cơ quan. Huyết áp có 2 chỉ số, huyết áp tâm thu (số ở trên - khi tim co) và huyết áp tâm trương (số ở dưới - khi tim giãn).
Ví dụ: Huyết áp đo được 120/70 mmHg có nghĩa là *huyết áp tâm thu* = 120mmHg và *huyết áp tâm trương* = 70mmHg.

1. Cách xác định huyết áp

- Muốn xác định chỉ số huyết áp, cách duy nhất là dùng máy đo huyết áp. Có thể dùng máy đo điện tử hoặc máy đo đồng hồ.

- Người được đo huyết áp phải trong tư thế thoải mái, nghỉ ngơi thư giãn trước khi đo 5 - 10 phút, không dùng các loại chất kích thích như trà, cà-phê, thuốc lá.

- Đo huyết áp tư thế ngồi hoặc nằm, vị trí tay đo phải đặt ngang ngực (ngang vị trí của tim).

- Nên đo 2 lần cách nhau mỗi lần từ 5 - 10 phút, sau đó lấy chỉ số trung bình cộng của 2 lần đo.

Ví dụ: Đo lần 1 là 120/80 mmHg, lần 2 là 110/80 mmHg. Vậy *huyết áp tâm thu* là $(120 + 110) : 2 = 115\text{mmHg}$ và *huyết áp tâm trương* là 80 mmHg.

2. Cách phân độ huyết áp.

Phân độ huyết áp	Huyết áp tâm thu	Huyết áp tâm trương
Bình thường	< 120 mmHg	< 80 mmHg
Bình thường - cao	120 - 139 mmHg	80 - 89 mmHg
Tăng huyết áp	≥ 140 mmHg	≥ 90 mmHg

3. Các triệu chứng của tăng huyết áp

Tăng huyết áp được mệnh danh là "**kẻ giết người thầm lặng**", đa số không hề có triệu chứng. Một số ít có triệu chứng choáng váng, hồi hộp hoặc nhức đầu. Nhức đầu thường ở vùng chẩm, vào buổi sáng. Đôi khi các biến chứng như đột quỵ, suy tim hay suy thận là dấu hiệu ban đầu để phát hiện tăng huyết áp.

4. Các biến chứng của tăng huyết áp

- Tai biến mạch máu não (đột quỵ).

- Nhồi máu cơ tim.

Các biến chứng này sẽ gây tử vong với tỷ lệ rất cao nếu không xử lý kịp thời.

5. Cách phòng ngừa tăng huyết áp

* Chế độ ăn uống hợp lý.

* *Hạn chế ăn mặn*: giảm ăn muối và những thực phẩm ẩn chứa nhiều muối.

* Sống năng động, thường xuyên vận động, tập thể dục đều đặn.

* Duy trì cân nặng hợp lý, không để bị thừa cân, béo phì.

* Ngưng hút thuốc, hạn chế rượu bia.

* Thường xuyên theo dõi huyết áp.

* Nếu đã bị tăng huyết áp và phải dùng thuốc thì phải dùng thuốc đầy đủ, đúng theo sự chỉ dẫn của thầy thuốc.

Kỳ tiếp: Chế độ dinh dưỡng để phòng chống tăng huyết áp

(Nguồn: Trích từ *Cẩm nang Dinh dưỡng và vận động trong phòng chống Đái tháo đường & Tăng huyết áp* của Trung tâm Dinh dưỡng Sở Y tế TP.Hồ Chí Minh)



ZEN ART

Tôn
tạo
tượng
Phật
là
một
pháp
môn
tu



C.TY TNHH ZEN ART - TRẠI SÁNG TÁC NGHỆ THUẬT

Quý vị muốn thỉnh tượng xin vui lòng liên hệ: 0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)

124 Đường 11, Phường Tam Bình, Thủ Đức, TP.HCM | W: www.zenart.com.vn | E: mythuatzen@gmail.com | Fb: [mythuat.zen@facebook.com](https://www.facebook.com/mythuat.zen)



Gian hàng hội chợ Kính mừng Đại lễ Phật Đản PL.2561 ở chùa Phổ Quang

Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh

Hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa (82/114 Lý Chính Thắng) P.8, Q.3

☎ 0908.62.0908 0918.62.0918



Chuyên doanh sỉ & lẻ: Gốm sứ, Nhang Trầm, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đá Cảnh Nghệ Thuật

Hệ Thống Nhà Gốm

Nhà Gốm Nghi Tâm:

169 Nghi Tâm ☎ 0912.66.1973
Q.Tây Hồ - Hà Nội

Nhà Gốm Nhật Hà Nội

159 Nghi Tâm ☎ 0912.66.1973
Q.Tây Hồ - Hà Nội ☎ 0908.18.28.38

Tại Hà Nội

Nhà Gốm Nhật H&H:

25B Phủ Đồng Thiên Vương ☎ 0944.588.568
Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội ☎ 0968.59.88.57

Nhà hàng chay HOA KHAI

*Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng
Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...
Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân
Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan*

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com

**Kính Mừng
Đại Lễ Phật Đản
PL.2561**





Cơ sở điêu khắc gỗ THIÊN PHÚ THẠO

Nghệ nhân ưu tú: Nguyễn Hữu Thọ 0837181818 - 01666000666 - 01222999666 Email: dkhuuthao@gmail.com - Website: thienphuthao.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thời Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com



Restaurant

Chay Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh âm cúng, thanh nhã và lịch sự

- **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vạn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...
- Giờ mở cửa:** Từ 6 giờ - 22 giờ
- Buổi sáng:** Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



- **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- **Điện thoại:** (08) 384 82612 – 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 – 08. 36 026 818 – 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com – www.phapuyen.com

Công ty TNHH SX-TM Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
QUANG NGHỆ Nền Quang Nghệ trong suốt thời gian qua
QUANG NGHỆ CO., LTD. NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398
Candles 光 NẾN THƠM NGHỆ THUẬT 藝

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com

TƯ VẤN THIẾT KẾ NỘI THẤT PHÒNG THỜ



HOTLINE: 0902 848 363 - 0938 959 503 - 0906 955 663

www.dieutuongam.com



DIÊU TƯỚNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

DIÊU TƯỚNG AM NAM KỶ 1
382B NAM KỶ KHỚM NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HCM
ĐT: (08) 38 484 558

DIÊU TƯỚNG AM NAM KỶ 2
382D NAM KỶ KHỚM NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HCM
ĐT: (08) 35 260 150

DIÊU TƯỚNG AM NAM KỶ 3
382G NAM KỶ KHỚM NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HCM

DIÊU TƯỚNG AM - VIỆN DUNG ĐƯỜNG
668 NGUYỄN CHÍ THANH, P.4, Q.11, TP. HCM

DIÊU TƯỚNG AM 3/2
212 BA THẮNG HẢI, P. 12, Q.10, TP. HCM
ĐT: (08) 38 684 913

DIÊU TƯỚNG AM HÀ NỘI: 112 PHỐ HUẾ,
P. NGÕ THỊ NHẬM, Q. HAI BÀ TRƯNG, HN
HOTLINE: 0903 288 112



CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com
Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms.Thanh Lan)

- Ấn Độ - Delhi-Tiểu Tây Tạng - Nepal: 17N16Đ: 29 triệu (Phật tử) - Ủng hộ quý Tăng Ni **chiêm bái đất Phật**: 22,5 triệu
 - Singapore - Malay - Indo
 - 6N5Đ: 10,9 triệu (hàng tuần)
 - Thái Lan
 - (Buffet 86 tầng): 5N4Đ: 5,490 triệu (hàng tuần)
 - Đài Loan-Đài Bắc-Đài Trung
 - 5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)
 - Cam - Thái - Lào - Myanmar
 - 12N11Đ: 8,8 triệu (hàng tháng - tầng 2 suất buffet)
 - Thành Đô - Cửu Trại Câu - Nga Mi Sơn
 - 6N5Đ: 22,5 triệu (hàng tháng)
 - Myanmar - Yangon - Tầng đá vàng - Thanlyin
 - 5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)
 - Hàn Quốc
 - 5N4Đ: 12,5 triệu (hàng tuần)
 - Xuyên Việt: 20N19Đ: 7,5 triệu. **Cam - Thái**: 6N: 4,3 triệu
- Đặc biệt ưu đãi cho khách nhóm và đạo tràng quý Tăng Ni



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com
Website: www.sgpk360.com

Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu,
P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM



VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



CÔNG TY TNHH TM-XD AN PHÚ THÀNH

AN PHU THANH

Chuyên sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu:

Sản phẩm được làm từ Gỗ và Đá tự nhiên

- * Hàng thủ công mỹ nghệ cao cấp.
- * Vật phẩm Phong thủy.
- * Trang sức Phong thủy.
- * Tinh dầu chiết xuất từ Gỗ Xá xí.



Địa chỉ: 281/25/11 Lê Văn Sỹ, Phường 01, Quận Tân Bình, tp.HCM

ĐT: 08.3991 8688 Hotline: 0902864455

Email: huongthuy2505@gmail.com Website: www.anphuthanh.com



CÔNG TY TNHH TM-XD AN PHÚ THÀNH

281/25/11 Lê Văn Sỹ, P.1, Q. Tân Bình, tp.HCM

TINH DẦU XÁ XÍ



Tinh dầu xá xí hay còn gọi là gù hương được chiết xuất từ vỏ thân, gỗ thân và rễ bằng phương pháp chưng cất hơi nước.

Tinh dầu xá xí nguyên chất thường có màu vàng nhạt và mùi hương dịu nhẹ mang đậm chất gỗ.

Tác dụng của tinh dầu xá xí :

- Hỗ trợ điều trị tê thấp, Trị mất ngủ , mang lại cảm giác cân bằng, Thanh lọc không khí

Lưu ý khi sử dụng tinh dầu xá xí:

- Để xa tầm tay trẻ nhỏ, bảo quản nơi thoáng mát, khô ráo, tránh ánh nắng. - Không dùng tinh dầu thoa lên vết thương hở, vùng nhạy cảm, mắt.

Tinh dầu hoa Oải hương là loại tinh dầu nhiều công dụng nhất.

và rẻ nhất, có khả năng chữa trị mụn, chứng bội nhiễm, dị ứng, vảy nến. vết thâm tím, chầy nắng, hen suyễn, viêm phế quản. chứng đau nửa đầu và đau cả đầu, chứng mất ngủ.

Hoa oải hương có nguồn gốc từ vùng Địa Trung Hải, nhưng giờ đây nó đã có mặt phổ biến ở nhiều nơi trên thế giới.

Ngoài ra Tinh dầu hoa Oải hương còn được sử dụng rộng rãi trong các phương pháp trị liệu bằng hương thơm.

tên "Lavender-Oải hương" có thể xuất phát từ "lavare" trong tiếng Latinh, có nghĩa là "rửa sạch".

Chú Ý: Phụ nữ có thai và đang cho con bú không được sử dụng.

Đến với An Phú Thành luôn đảm bảo về chất lượng cũng như nguồn gốc của sản phẩm.



Du Lịch Phật Giáo



Liên hệ: 0866 810 113 - 0963 339 571 (gặp Pháp Tâm) - 0972 090 977 - 0975 280 504 (gặp Sang)



Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM



Website: www.dulichphatgiaovn

- ✓ Ấn Độ - Nepal : 29 tr - Hỗ trợ Quý Tăng Ni 22 tr (16 N) (Delhi - Tứ Động Tâm - Tiểu Tây Tạng - Thủ Đô Kathmandu)
- ✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 9tr990 (6N5Đ)
- ✓ Đài Bắc - Đài Trung - Cao Hùng: 10tr500 (5N4Đ) (Cao Hùng - Phật Quang Sơn)
- ✓ Hongkong : 11tr490 (4N3Đ)

- ✓ Myanmar : 10tr900 (5N4Đ)
- ✓ Campuchia - Thái Lan: 4tr300 (6N5Đ)
- ✓ Cam - Thái - Lào - Myanmar : 8tr500 (12N)
- ✓ Hàn Quốc : 12tr990 (5N4Đ)
- ✓ Nhật Bản : 27tr500 (5N4Đ)
- ✓ Bhutan : 42tr500 (7N6Đ)

Đặc biệt

LUÔN CÓ GIÁ ƯU ĐÃI CHO QUÝ TĂNG NI VÀ ĐẠO TRẰNG PHẬT TỬ



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"

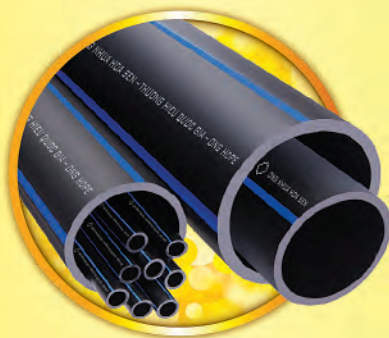


VĂN HÓA PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



uPVC



HDPE



PP-R

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN
1800 1515

www.hoasengroup.vn

Chống Tia UV Thách Thức Nắng Nóng

ỐNG NHỰA CHỊU NHIỆT PP-R

2 LỚP

LỚP NGOÀI
Chống tia cực tím (UV)

LỚP TRONG
Chịu nhiệt đến 95°C




ỐNG NHỰA HOA SEN
Đ dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI